LÊ HƯƠNG

Truyện cổ CAO MIÊN

★

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Đại-lộ Lê-Lợi
SAIGON

TRUYỆN CỔ CAO MIÊN

LÊ HƯƠNG

truyện cổ Cao Miên

Nhà sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi — SAIGON

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

CUNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

— *Quả dâm thôi sơn (truyện ngắn trào phúng)*
— *Tự học chữ Miên*
— *Truyện cổ quốc tế*

ĐANG IN

SÁCH KHẢO CỨU

— *Sử Cao miên*
— *Tìm hiểu người Việt gốc Miên*
— *Đời sống của người Việt kiều ở Cao Miên*
— *Chợ trời biên giới VN — CM (Ký sự)*
— *Sưu tầm về Angkor*
— *Truyện truyền kỳ Cao Miên*
— *Tìm hiểu Đồng Tháp Mười*
— *Bùa ngải Cao Miên*
— *Vũ Cao Miên*
— *Thmenh Chey (Satire Cambodgien)*
— *Truyện thằng Quay (Dịch)*

SÁCH SÁNG TÁC

— *Tình đầu tiên*
— *Kho vàng vô giá*
— *Người hùng*
— *Giỏ quế (truyện ngắn)*
— *Giết người trong giấc ngủ, truyện nghẹt thở (Dịch)*

ĐANG SOẠN

— *Vương quốc Phù Nam*
— *Chân Lạp phong thổ ký (của Chân đạt Quan)*
— *Địa phương chí miền Nam*
— *Thmenh Chey và các truyện vui*
— *Các cuộc lễ ở Cao Miên*

Lời nói đầu

Gọi là truyện cổ, những truyện đã có từ ngàn xưa hoặc truyền miệng từ thế hệ nầy sang thế hệ khác, hoặc ghi chép trong sách vở, phổ biến khắp dân gian.

Trên thế giới, quốc-gia nào cũng có một số truyện cổ, phần nhiều dựa trên nền tảng thần thánh, huyền bí mà người có óc khoa học cho là dị đoan, hoang đường. Nhưng xét về phương diện triết lý thì mỗi chuyện đều hàm xúc một hoặc nhiều ý nghĩa cao thâm, có tánh cách răn dạy con người bỏ cái xấu, chọn cái tốt. Ngoài ra, căn cứ vào những truyện đã qua, người đời sau mới có thể tìm hiểu dân tộc tính của một nước, phong tục tập quán, tư-tưởng, sinh hoạt của một sắc dân.

Trong chương-trình đại-học ở các quốc-gia tiền tiến hiện nay, các giáo-sư rất chú trọng vào những truyện cổ mỗi khi giảng về Nhân-chủng-học, Xã-hội-học, Phong-tục-học. Đã có một số nhà văn phân tách vấn đề nầy trên báo chí,

sách vở giúp nhiều ý kiến hay cho sự giáo-dục thanh-thiếu-niên.

*

Nước Cao-Miên có một kho truyện cổ phong phú mà du-khách có thể tìm thấy ở những tuồng hát gọi là Lokhon, trên vách các đền đài Angkor, các bản văn tàng trữ trong những ngôi chùa cổ kính, những bảo-tàng-viện, thư-viện hoặc nghe nhân dân kể lại vào những giờ nhàn rỗi.

Tác giả sống ở đất bạn nhiều năm với nghề cầm bút, đã sưu tập hơn 70 truyện chia làm 5 loại :

— Truyện cổ, tích xưa về lịch sử.
— Truyện gốc Bà-la-môn
— Truyện gốc Phật-giáo
— Truyện dân gian
— Truyện về các loài thú.

khả dĩ tiêu biểu cho những nét đặc-biệt của dân-tộc Khmer trên mọi phương diện.

Quí vị độc giả sẽ sống lùi lại nhiều thế kỷ trước với các triều đại vàng son của một Vương-quốc kiêu hùng qua những huyền sử đượm màu sắc thần thoại, ly kỳ, sẽ ngạc nhiên thích thú với những mẩu chuyện gốc Bà-la-môn, Phật-giáo mà quốc-gia nầy chịu ảnh hưởng từ ngày dựng nước. Quý vị sẽ nhận thức rõ rệt nếp

sống vật chất và tinh thần của người Cao-Miên qua những truyện dân gian với tánh chất thuần hậu, trung thành, kiên nhẫn và dí dỏm đặc biệt của dân Đông-Nam-Á. Về truyện các loài thú, cổ nhân cũng khéo khai thác tính tình, thói quen của mỗi loại dựng thành từng bài học hay cho kẻ hậu sinh.

Nhà đại-văn-hào Anatole France từng cho rằng chuyện cổ tích là kho tàng quý báu nhất của văn-hoá nhân-loại. Chúng tôi mong rằng, với tập truyện cổ Cao-Miên, tác giả đã đóng góp một phần nhỏ vào kho tàng nầy.

I

TRUYỆN DỰA VÀO SỬ CAO-MIÊN

1. — TRUYỆN VUA SANG-SÊL-CHEY

Thuở xưa nước Cao-Miên có làng mang tên là Ouda Banh Téal, vị Quốc-Vương cầm giềng mối là một nhà Vua anh dũng, húy là Préah Bat Séna Kotterach. Đức Vua có người em gái tên Kessa Montéa và tám người vợ : bà lớn tên Kessa Bopha, bà thứ nhì tên Bopha Kessa, còn 6 bà sau không thấy ghi tên trong sử-sách. Hai bà lớn muộn màng không có con, trong lúc 6 bà nhỏ mỗi bà sanh một Hoàng-Tử.

Ít lâu sau, hai bà sanh cùng một ngày, một giờ hai vị Hoàng-Tử. Đứa con của bà lớn vừa lọt lòng đã đứng trên con ốc thần Sang, tay mặt cầm gươm linh Prah Khan có dấu hiệu Hoàng-Gia, tay trái cầm cung Thnur Sar và bó tên thần bằng gai Krassaing. Đức Vua đặt tên là Sang-Sêl-Chey.

Đứa con của bà thứ hai hình dạng giống Sư Tử, mạnh vô cùng, tên là Réach-Sey.

Đức Vua lấy làm lạ trước vẻ khác thường của hai đứa con, nhờ nhà thiên văn đoán vận mạng của mỗi đứa luôn cả 6 cậu kia.

Nhà Thiên văn vâng mạng, viết một lá sớ đệ trình : « Hoàng-Tử thứ nhất sẽ trị vì nhiều lãnh thổ ; nhiều vị Quốc-Vương tùng phục Ngài và nhìn nhận Ngài là vị Chúa của mình.

Hoàng-Tử thứ nhì sẽ có oai quyền như

Nhà Thiên văn coi bói đoán vận mạng hai vị Hoàng-Tử

người anh, còn 6 vị sau không làm nên trò trống gì cả ».

Lúc đem lá sớ vào chầu thì Nhà Vua còn ngủ. Nhà Thiên văn chờ một lát không được, trở về nhà.

Lời tiên đoán lọt vào tai 6 bà vợ nhỏ của Vua, khiến 6 bà lo sợ cho con mình, bèn sai một con thị tì tìm nhà Thiên văn tán tỉnh thế nào mà ông ta khai hết.

Sáu bà nhờ vội vàng gom hết của cải làm một trái dừa thật lớn bằng vàng và một số bạc cân nặng bằng một người thường sai con thị tì đem cho nhà Thiên văn nhờ ông ta sửa lá sớ lại.

Ông nầy thấy của tối mắt, đốt bỏ tờ trước, viết tờ khác như vầy :

« Hai vị Hoàng-Tử mới ra đời là loài yêu quái hiện hình, nên đày ra khỏi thành để tránh tai hoạ, còn 6 vị trước sẽ nối ngôi vua đời đời ».

Nhà Vua nghe lời lập tức đuổi hai bà vợ lớn đem hai con đi ngay.

Hai bà vào một khu rừng làm rẫy sinh nhai.

*

Vài hôm sau, Một vị Chằn tinh rất hung tợn bay đi du ngoạn, thấy Ngự muội Kessa

Montéa đang tắm bèn đáp xuống bắt về xứ lấy làm vợ.

Nhà Vua mất em chỉ khóc mà trừ chứ không biết làm sao và không thể nhờ ai cứu được. Ngài đợi đến 12 năm sau, chờ 6 vị Hoàng-Tử trưởng thành mới sai đi cứu bà cô của chúng.

Sáu vị vô tài này vâng mạng Vua cha về hỏi mẹ phải làm sao cho Chằn khỏi ăn thịt. Sáu bà dặn rằng :

« Các con đi về hướng Bắc tìm Sang-Sèl-Chey, bảo nó đi cứu bà theo lịnh Vua truyền, nếu nó cãi lời thì chém ngay.

Khi đến xứ Chằn, 6 con phải tránh mặt, để một mình nó đánh. Nếu nó không chết và cứu được cô thì 6 con lén giết nó lúc nó ngủ mê, đưa cô về lãnh thưởng. Nếu nó bị Chằn giết thì các con về tâu cô rượt Chằn chạy mất, tìm không ra ».

Sáu vị vâng lời tìm Chey truyền lịnh. Chey khẳng khái lãnh mạng, giao nhà cho em Sư-Tử săn sóc hai mẹ và dặn em :

— Nếu anh đánh không lại Chằn tinh thì bắn tên về em mau mau đến cứu anh.

Chàng cầm gươm linh, mang cung tên, cỡi ốc thần đi với 6 đứa em. Qua nhiều khu rừng rậm, 7 anh em đến một con sông rộng, sóng

vỗ ba đào. Sáu vị võ tài không dám sang ngang vì không có ghe thuyền, lại không biết lội. Chey nói:

— Sáu em ở lại đây chờ anh đi một mình.

Rồi cỡi ốc vượt qua sông.

Sang bờ bên kia, Chey vào lãnh thổ của một vị Chằn vốn là thân nhân của vị Chằn đã bắt Công-Chúa ngự muội. Vị nầy mỗi lần ngủ ba năm mới thức, năm ấy là năm thứ ba.

Chey vào thành thấy Chằn ngủ mê man, định chém chết, nhưng nghĩ lại thôi. Chàng bỏ đi thẳng qua xứ của người cô đang mắc nạn.

Quân Chằn về báo cáo với Vua Chằn đánh không lại Sang-Sêl-Chey

Đến nơi chàng thấy cửa đền đóng kín như không có người ở trong. Ấy là lúc vị Chằn đi chơi trong rừng Hembòpéan dặn vợ khoá chặt tất cả cửa nẻo.

Chey đập phá ầm ầm gọi cô om sòm. Công-Chúa ở trên lầu ngó xuống nghe Chey thuật rõ lai lịch vội mở cửa cho cháu vào ăn uống và khóc kể nỗi nhớ nhung.

Khi chồng về, Công-Chúa giấu cháu trong phòng. Chằn hửi thấy mùi người lạ hỏi vợ, nhưng Công-Chúa giấu bặt đáp rằng không có ai.

Chằn ăn uống rồi lăn ra ngủ say như chết, Công-Chúa gọi chồng dậy để xin phép về thăm anh trong 4 tháng, nhưng Chằn không biết gì cả. Bà vợ gọi cháu ra bảo chờ Chằn thức dậy sẽ đi, nhưng Chey không chịu, kéo bà chạy trốn. Công-Chúa thương chồng nán lại kêu nữa, bà chích tay chồng, cắn vào mình mà Chằn vẫn mê man. Bà lấy kim chích cùng khắp thân thể chồng cũng không gọi được, túng phải theo cháu, lên lưng ốc chạy. Chey muốn giết Chằn, bà không bằng lòng.

*

Tỉnh giấc, Chằn thấy mất vợ, bèn truyền 2 tướng Khon Pech và Kray Soth cầm binh rượt theo bắt lại.

Chey cầm gươm linh đánh giết binh Chằn rất nhiều. Hai tướng hoảng sợ chạy về báo cáo.

Chằn cả giận, gọi 100.000 binh sĩ theo mình xáp chiến.

Chey đưa bà cô vào một ngôi đền bỏ hoang, sẵn sàng chờ Chằn. Chàng sợ binh Chằn quá đông, mới viết thơ cột vào mũi tên bắn về cho em Sư-Tử hay.

Vị Hoàng-Tử Réach Sey được tin anh, cỡi mây bay đến liền.

Chằng giàn binh bố trận gọi vợ về thành và hứa tha tội cho hai cháu, nhưng Chey thách Chằn đánh với mình trên đỉnh núi Yukanthor, ai thắng sẽ đưa Công-Chúa về.

Chằn bằng lòng so tài với cháu vợ. Qua trăm hiệp, Chằn thua chạy.

Thừa lúc lộn xộn, một tên Chằn khác lén bắt Công-Chúa bay đi. Chey ngó thấy bắn một mũi tên. Chằn rớt xuống chết ngay.

Vị Chằn, dượng rể của Chey triệu thần Tévoda hỏi hình dáng mẹ của Chey rồi lấy đất sét nặn tượng giả đưa ra gạt Chey bảo đổi vợ Chằn, nếu không thì cắt cổ bà mẹ.

Chey tin thật, nhưng Sư-Tử Sey không tin, bảo Chey bắn tên thần sẽ thấy.

Chey bắn ra một mũi, hình giả của mẹ chàng hóa lại đất sét. Chàng bắn Chằn một phát tẻ xuống đất. Chàng cắt đầu, chất củi thiêu xác Chằn.

Chey và Sư-Tử Sey đưa bà cô đi ngang xứ của vị Chằn ngủ ba năm. Chằn mới vừa thức giấc thấy Công-Chúa thì hỏi rằng :

— Chị đi đâu và đi với ai đây ?

Công-Chúa đáp :

— Đây là 2 cháu con của anh tôi. Ngày nay tôi về thăm quê hương vài tháng.

Công chúa giới thiệu cháu cho chồng là Vua Chằng

Chằn nói :

— Mời chị và hai cháu bám vào tay.

Chằn cất mình bay bổng. Phút chốc đến bờ sông, Chằn đáp xuống, từ giã chị dâu trở về xứ.

Gặp 6 vị Hoàng-Tử, Công-Chúa nói với Chey :

— Cô có đứa con gái tên Sophéal Tévi vốn là con của Chằng đang làm Hoàng-Hậu của Xà-Vương (Vua rắn 7 đầu). Nhờ cháu đem nó về luôn, cô ở đây chờ cháu.

Chey cỡi ốc vượt ra biển, đến xứ rắn, thấy dân chúng thích đánh cờ, chàng đánh ăn hết, không ai đánh lại.

Tin đồn bay tới Xà-Vương, Nhà Vua Rắn gọi chàng vào triều thử sức. Vua đánh cuộc bằng cả Ngai vàng ; Chey nói thua thì trả bằng cung tên và gươm linh, còn ăn thì bắt vợ Vua về xứ.

Nhà Vua cười dài không đáp. Suốt ngày ấy, Vua Rắn thua luôn 7 bàn. Chey đòi bắt Hoàng-Hậu, Vua không bằng lòng, chịu nhường ngôi. Nhưng Chey tuốt vào cung bắt nàng Sopheal Tévi đem lên lưng ốc chạy.

Vua Rắn đón đường, bị Chey đánh tả tơi.

Chey đưa em về giao Công-Chúa.

★

Gặp con gái, Công-Chúa Kessa Montéa thuật chuyện chồng bỏ mình rồi theo 8 người cháu vào nhà bà vợ lớn của Vua anh.

Sáu vị Hoàng-Tử vô tài nhớ lời mẹ dặn, rủ Chey đi chơi tới một cái vực sâu vụt xô Chey xuống. Sáu vị về nhà nói láo rằng Chey bị tai nạn rồi đưa Công-Chúa và em gái về trào.

Nhà Vua tin lời con, ban thưởng trọng hậu, định nhường ngôi, nhưng chưa biết giao cho vị nào vì sáu người tranh giành nhau quá dữ.

Lúc ấy, Công-Chúa Ngự Muội mới thuật hết đầu đuôi. Đức Vua cả giận truyền lịnh mời hai bà vợ lớn và 2 con về hỏi sự thật.

Còn Hoàng-Tử Sang Sêl Chey lúc rơi xuống vực nhờ thần Tévoda đỡ lên, đưa về nhà. Hai bà mẹ bảo ở chờ quan đến rước vì thế nào Công-Chúa cũng tâu giúp hai bà.

Quả nhiên, Vua sai vị đại thần thỉnh hai bà về giải bày nỗi oan ức. Đức Vua nhường ngôi cho Chey gả con gái của Công-Chúa là vợ của Xà-Vương cho chàng.

Chey tức vị phong em Sư-Tử Réach Sey làm phó vương.

Hai bà mẹ của Chey và Sey trở về ngôi cũ. Sáu bà vợ nhỏ ác độc, cùng sáu vị Hoàng-Tử vô tài đều bị chém đầu, luôn cả nhà Thiên-Văn ham tiền và con thị tì quỷ quái.

2.— QUỐC-VƯƠNG MONO VÉAN

Nhà Vua Sovéan Komal có 2 vợ. Bà lớn tên Tol Méa. Bà nhỏ: Tol Ka. Bà nhỏ sanh được đứa con trai giữa khi bà lớn chưa thai nghén. Bà thường ao ước cho con mình được nối ngôi Vua.

Ít lâu sau, bà lớn có thai, bà nhỏ buồn lo, sợ con mình không thể kế nghiệp mới nẩy sanh ác ý: định giết con của bà lớn.

Khi bà Tol Méa lâm bồn, Tol Ka giấu đứa nhỏ trong chăn đánh tráo một hình nộm bằng sáp. Bà bỏ hài nhi trong cái hộp đem chôn cạnh bờ sông.

Một vị quan đi tắm, nghe tiếng khóc đào lên nhìn biết con Vua, nhưng sợ oai quyền Tol Ka nên thả hộp trôi theo dòng nước.

Nhà Vua vào thăm vợ thấy hình sáp, nổi giận cho vợ là yêu quái. Sẵn có Tol Ka ton hót thêm, Vua đuổi Tol Méa ra khỏi thành và sắc phong con của Tol Ka làm Thái-Tử.

Ngoài sông, nước thủy triều đưa hộp đựng đứa trẻ trôi đến một ngôi chùa. Vị Sãi cả ngồi

thuyền sang ngang vớt được, nhìn biết con Vua và đoán hiểu ác-ý của Tol Ka. Vị Sãi đem Hoàng-Tử vào chùa đặt tên Mono Véan và giấu lai lịch không cho một người nào biết.

*

Thời gian qua, Mono Véan trở thành một chàng trai khỏe mạnh xinh đẹp và thông minh tót chúng. Vị Sãi đã đem hết tài học truyền dạy đứa học trò yêu quí, mãi đến ngày gần tịch mới kể nguồn gốc cho nó biết.

Mono Véan ngậm ngùi xin thầy lên đường tìm cha mẹ.

Mono Véan trên đường tìm mẹ

Chàng đi lạc qua vùng khác, thấy dân chúng vây quanh một cây cột, trên ấy có căn nhà nhỏ. Hỏi ra, chàng mới hay vị Quốc-vương vùng ấy góa vợ, không có con trai, muốn gả Công-chúa và nhường ngôi cho kẻ nào trèo lên cây và bồng Công-Chúa xuống được. Chưa có ai làm nổi vì cây ấy trơn quá.

Mono Véan vào chầu vua, hứa sẽ trèo lên cây và đem Công-chúa xuống. Chàng thực hành ngay. Nhà Vua giữ lời cho làm lễ cưới và nhường ngôi.

Nhưng bá quan không bằng lòng, cử một ông thách Vua dám đến một vùng rừng rậm có nhiều thú dữ với ông ta hay chăng? Mono Véan chịu truyền quân lính đi cùng đi. Vị quan xin đi một mình. Mono cũng nhận lời.

Cả hai cùng đi đến một cái vực sâu, trên miệng có một tấm ván bắc ngang. Vị quan nhường Vua đi trước rồi rút ván, Vua rơi xuống vực.

Tưởng Vua chết, vị quan ấy trở về trào cho Hoàng-Hậu hay và xin cưới Hoàng-Hậu để lên ngôi. Bà đau đớn quá không trả lời, ngầm sai người tìm chồng.

Mono Véan té xuống vực vướng chăn vào nhánh cây khỏi chết. Một con cọp đánh hơi người, tha một sợi dây thòng xuống. Mono leo

lên bờ, quát một tiếng lớn, cọp hoảng hồn chạy mất. Chàng vào nhà dân chúng xin cơm ăn, xin cái chăn khác, tìm đường về trào.

*

Nhưng Mono lạc qua vùng khác. Vị Quốc-vương nầy không có con trai chỉ có một gái, nên định gả cho người nào may mắn rút nhằm lá thăm số 1 trong một cái giỏ đựng đầy lá và sẽ nhường ngôi, Mono đến rút một lá không xem lại đi thẳng đến nhà Vua mở ra : số 1.

Vua gả con, nhưng Mono thưa thật đã có vợ và đang đi tìm cha mẹ. Chàng xin đi. Công-chúa đòi đi theo. Mono khuyên nàng ở lại cai trị nước, chờ chàng trở về.

*

Mono lại đi lạc qua vùng khác. Vị Quốc-vương vùng nầy mới băng hà, Hoàng-Hậu không có con định tìm chồng khác để nhường ngôi. Bà không biết làm sao mới xin nhờ vị Vua Sãi.

Vua Sãi đoán quẻ rồi bảo rằng :

— Đi về hướng Bắc gặp một người sắp qua biên giới. Người nầy mặc chăn lụa màu nâu, choàng khăn vàng, đẹp trai, đường hoàng, đi một

mình và đi nhanh lắm. Rước người ấy về ngay. Vua đấy !

Bá quan cởi voi theo, gặp Mono Véan rước về trào. Hoàng-Hậu thấy chàng rất đẹp dạ bèn làm lễ cưới và nhường ngôi.

Mono thuật chuyện mình, từ giã vợ tìm cha mẹ. Chàng đi một mình không cho ai theo hầu.

*

Lần nầy chàng về ngay nước cũ hỏi thăm mẹ. Dân chúng chỉ bà già bán nồi đất ở trong chòi canh ngoài cửa thành.

Mono vào lạy mẹ kể hết đầu đuôi. Bà Tol Méa khóc kể suốt ngày. Mono ở nhà với mẹ chờ cơ hội.

Nhưng thiên hạ đồn bà Tol Méa giấu nhân tình trong nhà. Nhà Vua Sovéan Komal tức giận sai quân bắt cả hai nhốt trong cũi sắt để giữa chợ. Mono không nói gì, để cho quân bắt.

Hôm sau có một thương gia ở vùng thứ ba của chàng đi ghe đến bán hàng hóa. Ông ta đến cũi xem, gặp Vua mình !

Mono bảo ông im miệng, đi tìm ba tấm lá thốt nốt và mũi dùi cho chàng viết ba phong thư nhờ ông đem gấp cho 3 vợ mình hay.

Được thư chồng, ba bà kéo quân qua giàn trận, hạ chiến thư vào thành. Vua Komal đọc không được mà cả trào cũng ngẫn ngơ. Vua truyền cho dân chúng: người nào biết đọc sẽ được ban thưởng trọng hậu, kẻ nào có tội sẽ được tha.

Mono xin đọc và được ân xá. Chàng ra thành vào thăm ba vợ cầm quân đánh Vua cha.

Liên tiếp 2 ngày Vua Komal bại trận liền liền.

Mono không hãm thành chỉ gọi Thái-Tử con của Tolka ra đánh. Chàng cỡi voi trắng, Thái-Tử cỡi voi xám đánh nhau rất dữ dội.

Rốt cuộc Thái-Tử bị Mono giết chết. Chàng gọi Vua Cha ra đầu hàng.

Chàng cung kính kể lai lịch và kết tội dì ghẻ Tolka. Nhà Vua tỉnh ngộ, đuổi Tolka ra khỏi thành, sắc phong Tol Méa làm Hoàng-Hậu và nhường ngôi cho con.

Mono Véan lên ngôi, trị vì 4 cõi và có 3 vợ.

3.— ÔNG VUA CƠM CHÁY

Thuở nước Cao-Miên còn chia ra từng lãnh-thổ, trong một vùng tên Debpuri, có vợ chồng nhà kia sanh một trai được 3 tuổi thì cả hai từ trần. Thằng bé ở với bà nội, quanh năm thích ăn cơm cháy chứ không bao giờ chịu ăn món gì khác. Bà nó lấy cớ đó mà đặt tên cho nó là « Cơm cháy ».

Hai bà cháu nghèo khổ khôn cùng, kiếm buổi sáng, hụt buổi chiều, không ngày nào có đủ ăn trọn vẹn. Năm lên 7, thằng « Cơm cháy » biết làm mướn kiếm tiền nuôi bà. Đến năm 12, nó cao lớn và vạm-vỡ không thua trẻ 15.

Một hôm, bà con trong xóm rủ nó đi câu. Nó đi theo suốt buổi sáng không bắt được con cá nào, buồn quá nó nằm dưới gốc cây ngủ.

Lúc ấy, thần Indra nóng nẩy khó chịu, bước ra khỏi cung, vén mây nhìn xuống trần, thấy rõ sự tình, liền hóa phép cho 3 con cá lội gần bờ rạch. Thằng « Cơm cháy » giựt mình ngó thấy, bắt đem về nhà. Dọc đường,

nó thấy hai tên gia nhân dắt một con mèo đem nhận nước vì con vật ăn vụng. Nó xin đổi mèo bằng 3 con cá, dắt về nhà. Mèo biết ơn, mỗi ngày đi ăn cắp thức ăn về cho hai bà cháu.

Lần sau « Cơm cháy » đi câu và không bắt được gì cả. Thần Indra lại giúp cho 3 con cá. Nó mang về nửa đường, gặp người ta sắp giết con chó về tội đái lèn đống gạo. Nó xin đổi chó bằng 3 con cá, dắt về nhà. Từ đấy, nó có thêm con chó, mèo làm bạn.

Cùng một thời ấy, dưới Thủy Cung Patala có Xà-Vương Bhuvajung trị vì. Một ngày nắng

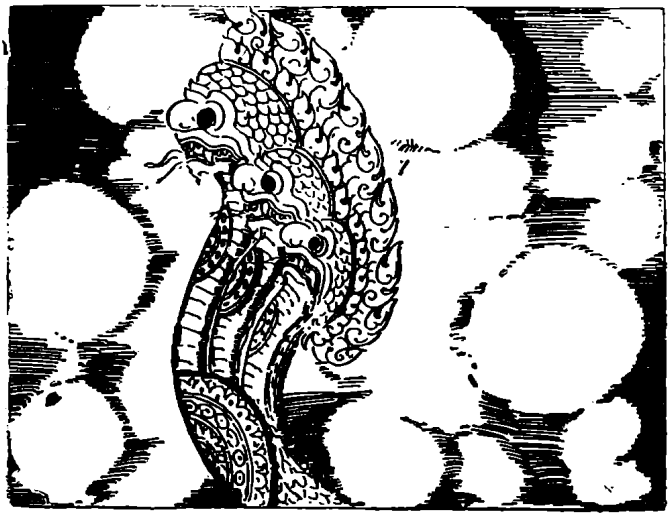

Long Vương Naga

tốt, các nàng cung phi Nagi xin phép Nhà Vua bay lên trần gian du ngoạn. Đám cung phi lao mình ra khỏi hồ nước, bay lên rừng của thằng « Cơm cháy » ở. Trong số hai mươi nàng, có nàng Bau Nagi có thai 10 tháng, sắp đến ngày sanh, thình lình phát đau bụng, lén vào bụi rậm đẻ ra 2 trứng lớn quá. Nàng không đủ sức mang về nên bỏ luôn và không nói với ai cả. Chiều đến, đám cung phi kéo nhau về Thủy-phủ.

Thời gian qua, hai trứng rắn đến ngày nở thì bị « Cơm cháy » bắp gặp. Buổi ấy, Cháy theo bạn đi bắt rùa.

Bạn Cháy đi trước, bắt hết ráo, Cháy đi sau không gặp con nào cả. Cháy bảo chó đi tìm mồi. Chó chạy loay hoay gặp hai trứng rắn, sủa ầm lên. Cháy ôm về nhà mượn nồi luộc ăn và cho là trứng rùa. Làng xóm thấy vật quái lạ không cho Cháy nấu, bảo đem ra giữa rừng. Cháy giận nhưng không dám cãi. Nó bắc nồi đốt lửa rồi trở vào nhà, chờ trứng chín sẽ ra ăn.

Ngoài rừng, hai trứng nở ra hai con rắn bảy đầu, một con đực, một con cái. Hai con quậy đổ nồi nước, làm tắt lửa.

Cơm cháy chạy ra, vội vàng lấy cây đập.

Rắn đực nói :

— Chúng tôi là con của Xà-Vương Bhuva-jung, mẹ là nàng Bau Nagi vì ham vui nên đẻ rớt trong rừng này. Nhờ anh nuôi chúng tôi, sau này chúng tôi sẽ đền ơn xứng đáng.

Cháy bưng hai con rắn đem giấu một chỗ kín.

Rắn nói :

— Mỗi ngày anh cho chúng tôi ăn cơm, trong 15 ngày chúng tôi sẽ lớn và đi về Thủy Cung.

Một tuần sau, hai rắn quá lớn, Cháy phải dời chỗ khác. Nó vác hai rắn lên vai đem vào một hang đá thật rộng.

Qua ngày thứ 15, hai rắn tập bay thử. Con đực tung mình lên không, đảo một vòng rồi đáp xuống dắt con cái bay theo. Thấy mình đầy đủ sức lực, rắn đực bảo Cháy :

— Ngày nay chúng tôi có thể về Thủy Cung được rồi, vậy chúng tôi mời anh cùng đi để cha mẹ tôi đền ơn.

Cháy nói :

— Anh không muốn vật gì hơn là cái chăn của Vua mặc, nhưng làm sao anh bay theo hai em được ?

— Anh cứ ôm cổ tôi, tôi sẽ đưa anh đi.

Cháy bằng lòng về nhà nấu cơm, dặn bà coi chừng chó, mèo và xin phép bà đi theo rắn. Nó mang cơm đến hang chia cho rắn ăn rồi ôm cổ rắn đực, nhắm nghiền hai mắt.

Rắn cất mình vọt lên mây, bay luôn ba ngày, đêm, qua một khoảng đường mà người thường phải đi ba tháng.

Đến một hồ nước rộng mênh mông, hai rắn đáp xuống, đưa Cháy ngồi trong hốc cây mà rằng:

— Anh không nên ra khỏi chỗ này vì rắn khác thấy anh sẽ ăn thịt ngay. Anh chờ chúng tôi trầm mình dưới nước ba ngày mới xuống Thủy Phủ được.

Cháy nghe lời. Hai rắn lặn xuống nước.

Cùng lúc ấy Xà-Vương Bhuvajung cảm thấy trong mình nóng nẩy, gọi vợ con lên mặt hồ tắm lội. Nhà Vua ngồi trên bờ xem các cung phi và quần thần vẫy vùng dưới nước. Thình lình nàng Bau Nagi nói:

— Có ai dám móc đùi ta?

Nhà Vua cả giận truyền quân tìm gian tế.

Rắn đực dặn rắn em nấp dưới lá sen để mình chọc bà mẹ cho Vua hay và gọi lên

chầu. Không dè Vua tưởng lầm có kẻ phạm thượng, thấy hai con nấp dưới lá, bèn quát hỏi:

— Hai đứa kia, ở đâu dám đến đây xâm phạm nước ta?

Rắn đực đáp:

— Con là con của Vua Bhuvajung xứ Pârâla.

Vua nghĩ thầm: « Mình chưa có đứa con nào, tại sao có người tự xưng như thế? Chắc là quân gian tặc giả vờ để ám hại ta », mới nói rằng:

— Mầy nói láo, hãy lên bờ đánh với tao, đừng trốn dưới nước.

Rắn đực dặn em nằm yên để mình lên so tài với cha.

Cả hai đánh vùi bất phân thắng bại. Nhà Vua lấy làm lạ, hỏi nữa:

— Mầy là con của ai?

Rắn đáp:

— Con là con của vua Bhuvajung.

Vua nói:

— Đánh trên bờ đồng sức, mầy có giỏi hãy bay lên trời.

Rắn con chịu cùng so tài với cha trên mây. Nhà Vua hỏi:

— Mầy có cung tên không?

— Dạ, có.

— Hãy xem này !

Vua bắn một mũi tên biến ra sao chổi xẹt đến. Rắn con bắn trả lại một mũi biến thành bông sen đỡ vì sao. Nhà Vua nỗ lực đánh kịch liệt đến mệt ngất giở tay không lên. Ngài bay xuống đất ngồi thở, mà rằng :

— Ta đã từng chinh chiến nhiều phen, nhưng chưa thấy ai tài giỏi bằng mầy. Mầy là con ai, phải nói thật.

Rắn đực thuật đầu đuôi. Nhà Vua gọi nàng Bau Nagi đến hỏi. Sau khi nghe lời vợ, Vua cả mừng gọi con gái lên nhận cha, mẹ.

Rắn con nhắc công ơn thằng « Cơm cháy » và gọi Cháy ra chào Xà-Vương.

Xà-Vương cảm động, truyền quan hầu sắm quần áo, xe cộ mời Cháy xuống Thủy-Cung để đền ơn đáp nghĩa.

Cháy ở chơi ít lâu, nhớ bà-nội và quê-hương, mới xin về. Xà-Vương tặng Cháy một viên ngọc ước, sai Hoàng-Tử cõng Cháy đưa đến tận khu rừng xưa.

*

Vào nhà, Cháy nhờ bà vào tâu với Quốc-Vương xin cưới Công-Chúa cho mình.

Bà già tin lời cháu có ngọc, vào chầu Vua, kể ý muốn của cháu.

Nhà Vua phán rằng :

— Nếu cháu bà cất nổi một ngôi đền vàng, một cái cầu bằng vàng, và bạc thì trẫm sẽ gả Công-Chúa ngay.

Bà lão về thuật lại cho Cháy nghe. Cháy thắp nhang vái Xà-Vương, phút chốc ngôi đền và cây cầu có tức thì. Cháy ước cả hai biến mất rồi chờ sáng vào chầu Vua, xin Vua chỉ chỗ cất đền và cầu. Nhà Vua bảo xây ở hướng Bắc cung Hoàng-Hậu. Giữa đêm ấy, Cháy vái Xà-Vương và ước có cả hai : Đền và cầu tại chỗ Vua muốn.

Vị Quốc Vương giữ lời gả Công-Chúa cho Cháy. Cháy lãnh chức Phò-Mã, ước có vàng bạc đầy kho.

Thấy nước của Cháy giàu quá. Nhà vua nước láng diềng kéo quân sang cướp phá.

Phò-Mã Cháy xin ra trận một mình, dùng ngọc ước xin Xà-Vương giúp vô số binh-sĩ đánh tan bên địch.

Kẻ bại trận biết Cháy có ngọc ước, bèn sai người giả dạng tùy tùng vào hầu hạ Cháy rồi thừa cơ ăn cắp ngọc.

Mất báu vật, Cháy không chống cự nổi.

Quân giặc bắt Vua cha và vợ Cháy cầm tù. Cháy thoát khỏi, chạy vào hang rắn khi Vua sai chó và mèo đi ăn cắp ngọc lại.

Chó, mèo vâng lịnh chạy qua nước nghịch. Mèo rình bắt được con chuột chúa lông trắng như tuyết. Chuột van lạy xin tha. Mèo bảo rằng:

— Nhà ngươi hãy vào thành ăn cắp viên ngọc ước cho ta ngay.

Chuột bạch vâng dạ, truyền gọi tất cả chuột khắp thủ đô tràn vào kho cắn phá, tìm được viên ngọc đem ra dâng mèo.

Chó thấy ngọc giành ngậm vào mồm, lội ngang sông, thấy cá lội vụt sủa vang, ngọc rơi xuống nước. Mèo chạy tìm Rái chúa bảo kiếm con cá nào ăn nhằm viên ngọc đem lên, moi ruột đưa mèo.

Được ngọc ước, Phò-Mã Cháy xin binh lính, thình lình kéo qua giết giặc, cứu cha, mẹ, vợ trở về nước.

Vua cha truyền ngôi cho Phò-Mã. Đặt tên nước là Krụng Deb Pu Ri, phong cho mèo chức Krolahom, và chó chức Yomraj cùng hưởng hạnh phúc đến mãn đời.

4.— SỰ TÍCH QUỐC VƯƠNG YOS-KE và NGÔI ĐỀN BANTEAY CH'MAR

Ngôi đền Banteay Ch'Mar ở về phía Bắc cách tỉnh lỵ Battambang 120 cây số được Quốc Vương Jayavarman VII xây cất để thờ một vị Hoàng-Tử tên Crindrakumara và 14 viên tướng cận đã cứu Hoàng-Tử trong trận chiến với con quỉ Râha nhân cuộc viễn chinh sang nước Chiêm Thành.

Theo một truyền thuyết còn ghi trong tập cổ văn (1) ở chùa Thmar Pouk thì nơi xây cất đền Banteay Ch'Mar trước kia là một vương quốc tên là Chambak Borey, có một sự tích khá lý kỳ như dưới đây :

Trước đây nhiều thế kỷ, Quốc Vương Yos-Ke ngự trị tại Banteay Ch'Mar kinh đô xứ Chambak Borey, một vùng trù phú gần biên thùy Miên-Thái, cách thị trấn Battambang ngày nay 120 cây số ngàn. Là một vị vua thấm nhuần giáo lý nhà Phật, Ngài đã tu tâm và đạt đến mức tối thượng thừa. Ngài thường tỏ bày những

(1) Ngày xưa người Miên viết trên là thốt nốt gọi là SATRA.

ý nguyện của mình với thần dân mà trong ấy có điều Ngài không bao giờ gây chiến với các nước láng diềng và chỉ muốn sống với dân chúng trong cảnh thái bình, thạnh trị. Thiên hạ còn đồn đãi rằng Ngài sẽ không chống lại những cuộc ngoại xâm và thích bỏ ngai vàng hơn là để một con dân của Ngài bị giết.

Thuở ấy, tại vương quốc Parsat Preou, sát cạnh Chambak Borey, có một ông vua hiếu

Quốc Vương, Hoàng Hậu cùng Hoàng-tử trên bước lưu vong

chiến và khát máu tên là Houlou. Nhà vua này chỉ ước mong mở rộng xứ mình trên phần đất các nước gần. Những ý định hoà bình của quốc vương Yos-Ke đã đến tai Houlou, khiến vị ác vương nhất quyết kéo quân sang chiếm xứ Chambak Borey.

Trung thành với ý nguyện, Quốc Vương Yos-Ke không chống cự, lén bỏ thành dắt vợ con đi trốn trong dãy núi Đòn Gánh (DangRek) tại ngôi đền Prasat Ta Moan.

Nhiều năm trôi qua, vương quốc Chambak Borey sống dưới ách đô hộ của Vua Houlou. Một hôm, nhà vua được tin Quốc Vương Yos-Ke đã chán cuộc sống không hoạt động và buồn bã, có ý kéo một đội binh hùng hậu về lấy nước lại. Vua Houlou lo sợ cho sự sung sướng của mình. Ngài biết vua Yos-Ke ẩn náu trong vùng núi non ở phía Bắc nhưng không hiểu rõ nơi nào. Ngài bèn bố cáo khắp lãnh thổ rằng xứ Banteay Ch'Mar đang chịu một tai hoạ lớn mà chỉ cần tố cáo chỗ ngụ của Quốc Vương Yos-Ke là trừ được nạn ấy. Ngài hứa sẽ thưởng cho người nào chỉ chỗ kia 1.000 nén vàng.

Trước đó ít lâu, một người thợ săn đi lạc trong rừng núi đến ngay nơi trú ẩn của Quốc

Vương Yos-Ke. Vị Quốc Vương cứu tên thợ săn thoát chết, tiếp đãi cho hắn ăn uống và chỉ đường cho hắn về đế đô Banteay Ch'Mar. Quốc Vương Yos-Ke chỉ yêu cầu hắn hứa đừng nói với ai về chỗ ẩn náu của mình.

Có khi nào trước một số tiền khổng lồ : 1.000 nén vàng mà tên thợ săn không ham mê đến nỗi quên lời hứa với kẻ đã cứu mình khỏi chết ? Vì thế, sự bí mật của Quốc vương Yos-Ke bị khám phá và một hôm nhà vua bị bắt thình lình, đưa về Banteay Ch'Mar giữa một đạo binh hùng dũng.

Hoàng Hậu tên Néang Botum và Thái Tử Vibol-Ke không bị bắt vẫn ở Parsat Ta Moan.

Quốc Vương Yos-Ke bị giam trong ngục 12 năm, rồi bị xử tử hình.

Năm Quốc Vương thọ nạn, Thái Tử Vibol-Ke mới lên 12 tuổi. Thái Tử rất băn khoăn trước sự mất tích của vua cha, nhất định đi tìm. Hoàng Hậu Botum đem những điều nguy hại trên đường mạo hiểm để khuyên can con. Nhưng không có lý lẽ nào cản trở được ý định của Vibol-Ke. Sau nhiều năm tìm kiếm, Thái-Tử đến Banteay Ch'Mar đúng lúc Vua Cha bị dẫn ra pháp trường giữa một đám đông người hiếu kỳ.

Nhìn thấy cha mình, chàng trai trẻ rẽ đám người, chạy đến trước mặt Vua Houlou nói rằng :

— Ông già này là cha tôi. Cha tôi không có tội gì cả. Nhà Vua hành hình cha tôi không có một lý lẽ gì hết. Cha tôi không đáng chết vì Người không có hại ai. Tôi xin chết thay cha tôi vì nếu nhà Vua để tôi sống, tôi thề sẽ trả thù nhà Vua đã giết cha tôi.

Vua Houlou quát :

— Mầy là ai? Quân bay ! Hành hình nó ngay đi !

Thái-Tử đáp :

— Tôi xin nhắc lại tôi là con Quốc Vương Yos-Ke. Tôi không bao giờ sợ nhà vua và quân lính của nhà vua. Tôi bằng lòng chịu chết theo ý nhà vua, không ân hận gì cả. Đó là một điều sung sướng cho tôi được chết thay cha tôi.

Vua Houlou nói :

— Mầy phải biết rằng trước khi chết mầy phải chịu nhiều cực hình thảm khốc mà chỉ có những tên đao phủ thủ của ta biết sử dụng mà thôi.

Thái Tử đáp :

— Điều ấy không quan hệ. Tôi chỉ mong được lãnh những khổ hình thế cha tôi là đủ.

Vua Houlou truyền lịnh :

— Đem nó cho đao phủ thủ !

Thái Tử Vibol-Ke bị kéo lên đoạn đầu đài. Tên giết người đã phát giận trước cử chỉ của Thái-Tử, vội cầm đao múa một vòng rồi chém vào cổ chàng trai.

Lưỡi dao đập vào cổ chỉ làm nghiêng đầu Thái Tử một chút. Tên giết người kinh ngạc, coi lại thì thấy lưỡi dao đã cùn !

Thái Tử Vibol-Ke mỉm cười nhìn đám người hiếu kỳ đang ngạc nhiên đến cực độ.

Tên giết người bèn thay nhiều dao khác, những lưỡi dao được mài với loại đá tốt nhất nước, hắn múa nhiều vòng hơn, chém mạnh hơn, nhưng lần nào cũng vậy, lưỡi thép chạm vào cổ chàng trai liền bị cùn tức thì.

Thái Tử Vibol-Ke không đổi sắc, vẫn mỉm cười với mọi người. Thiên hạ bắt đầu thương hại Thái Tử và lo sợ cho chàng.

Vua Houlou, giận điên lên, quát to :

— Làm giàn hoả đốt nó !

Lửa cháy rồi, quân lính dắt Thái Tử Vibol-Ke đẩy vào giữa đám khói mù mịt. Lập tức, lửa tắt, trên giàn hoả hiện ra vô số lá và hoa sen, hơi lạnh mát toả khắp pháp trường.

Vua Houlou hơi run sợ trước sự bất khả xâm phạm của chàng trai trẻ, nhưng vẫn chưa nản chí, truyền lịnh dắt bầy voi trận ra giết Thái-Tử.

Bầy voi quen trận mạc, dưới sự chỉ huy của những tên nài từng chiến đấu hùng hổ xông vào Thái Tử.

Nhưng khi đến gần chàng trai độ hai bước, thình lình bầy thú quỳ gối xuống, đồng đưa vòi lên che Thái Tử như một cái khiên.

Dưới cái vòng danh dự ấy, Vibol-Ke mỉm cười với dân chúng.

Đám người hiếu kỳ rất cảm động trước cảnh tượng hy hữu đều có cảm tình với Thái Tử. Họ lặng lẽ trở về thị trấn Banteay Ch'Mar.

Quốc Vương Yos-Ke được tha, dắt con về đền Parsat Ta Moan. Ít lâu sau Ngài băng hà. Thái Tử Ta Moan cầm quân chiếm lại Chambak Borey, lên ngôi vua, tôn Hoàng Hậu Neang Botum làm Phụ chính. Khi Hoàng Hậu chết, thần dân thờ tro tàn trong ngôi tháp Mébon cất giữa hồ Ba-Ray của đền Banteay Ch'Mar.

5.— SỰ TÍCH NÚI THUYỀN (PHNOM SAMPÂU)

Ngày xưa, khắp vùng Tây Bắc nước Cao-Miên gồm ba tỉnh Pursat, Battambang, Siemreap là 1 mặt biển minh mông, quanh năm sóng cuốn vào chân núi Kravanh ở phía Nam và dãy núi Dangrek ở phía Bắc.

Thuở ấy, loài vật biết nói tiếng người, trên chót núi Kravanh hoang vắng trong vùng Thmar Anchéang có 1 vị đạo sĩ tu hành từ lâu lắm. Trải qua 1 thời-gian khổ hạnh, đạo sĩ thấu được lẽ nhiệm mầu của Tạo Hoá và luyện được đạo pháp cao siêu có thể biến đổi cả muôn loài.

Trong 1 buổi nhàn du, đạo sĩ gặp 1 đứa con gái mới sanh của ai bỏ nằm trên đám cỏ. Người liền đem vào động nuôi nấng đến lớn, đặt tên là Ramsay Sok, thể theo mớ tóc tuyệt đẹp của nó phủ xuống đôi vai tròn trĩnh.

Lúc ấy, 1 gia đình đóng thuyền buôn, gốc trong Hoàng tộc có 1 đứa con trai tên Châu Reachkol, thông-minh tót chúng và đẹp như một vị Thiên thần. Đến tuổi học hành, Châu Reachkol

Nhà đạo sĩ kết hợp Châu Reachkol và nàng Ramsay Sok

được cha mẹ cho lên núi hầu vị đạo sĩ để nhờ người truyền dạy nghề văn, nghiệp võ.

Gặp Ramsay Sok, Reachkol thích ngay từ buổi đầu. Hai trẻ quí mến nhau đến ngày khôn lớn. Sau khi thành tài, Châu Reachkol từ giã thầy về quê. Vị đạo sĩ làm lễ thành hôn cho đôi trẻ và tặng cô gái món hồi môn : chiếc trâm bằng vàng chạm ngọc.

Ở nhà ít lâu, Reachkol biệt mẹ cha và vợ, ngồi thuyền đi buôn. Chàng vào lãnh thổ Nokoréach (chính là vùng Korat ngày nay) thấy Công chúa Néang Mikha, ái nữ của Đức Vua đang cười giỡn với đám thị nữ trên sóng biển. Chàng mê Công chúa, bèn chọn những bảo vật quí giá nhất xin vào chầu Đức Vua và xin cưới con gái Người. Nhà Vua bằng lòng cho làm lễ cưới linh đình sang trọng.

Sau ba năm ân ái, Công chúa sanh được 1 trai. Châu Reachkol thú thật với Công chúa rằng mình có gá nghĩa cùng một người trước khi cưới nàng, nhưng chàng thề thốt sẽ ở trọn đời với Công chúa. Tuy vậy, trong thâm tâm không lúc nào chàng quên nàng Ramsay Sok, chỉ tìm dịp tốt là trở về thăm vợ cũ.

Dịp may đến với chàng là sau khi Công chúa lâm bồn, chàng viện cớ rằng phải lo tương lai

cho con bằng cách đi buôn, vì đó là nghề nghiệp của chàng. Công chúa nghe theo, bằng lòng để chàng xuống thuyền.

Nhưng thấy vẻ hấp tấp của chồng và hướng đi của thuyền không phải là nơi định đến, Công chúa chợt nhớ lại người vợ trước của Reachkol thì vỡ lẽ rằng chồng nàng đã lừa nàng.

Tức quá đâm thù, Công chúa liền gọi con sấu A-Thonn của nàng nuôi từ nhỏ, bảo rằng:

— Hỡi A-Thonn. Chồng ta gạt ta, bỏ ta và đứa con để trở về với vợ cũ. Ta nhờ con trả thù giúp ta. Con hãy lội theo nó, đánh chìm thuyền nó, ăn thịt nó cùng tất cả kẻ nào theo nó.

Sấu A Thonn gật đầu phóng xuống biển.

*

Từ ngày tiễn chồng, nàng Ramsay Sok lúc nào cũng mong Reachkol trở về cùng nàng hưởng hạnh-phúc. Nàng thường ra bãi cát ngóng từng chiếc thuyền từ xa đi tới xem có phải thuyền nhà không?

Một hôm, nàng thấy một cánh buồm trắng tiến về phía nàng thì biết ngay là thuyền của chồng. Nhưng nàng lấy làm lạ vì sao đám thủy thủ chạy qua, chạy lại lăng xăng, kẻ thì trèo lên cột buồm, kẻ thì quăng lồng gà, lồng vịt xuống

biển. Thình lình nàng thấy 1 con sấu khổng lồ đang đuổi theo thuyền, mồm hả rộng, đuôi đập ầm ầm. Nàng Ramsay Sok hoảng kinh, quỳ xuống van vái Trời Phật cứu chồng thoát nạn.

Ngoài khơi, khi thấy sấu A Thonn lội theo, Châu Reachkol biết ngay Công chúa Mikha hiểu ý định của chàng, liền gọi sấu :

— Hỡi A Thonn, con không biết ta là chồng của Công chúa hay sao ?

Sấu đáp :

— Tôi không biết ai hết. Tôi chỉ biết vâng lời người đã nuôi tôi mà thôi.

Reachkol thấy không thể mua lòng sấu vội quăng lồng gà, lồng vịt xuống nhử sấu ăn, nhưng nó không thèm, cố sức lội nhanh hơn.

Trên bờ, nàng Ramsay Sok quỳnh lên quơ tay tìm 1 món khí giới, bất ngờ tay nàng đụng nhằm cây trâm của vị đạo sĩ cho nàng làm của hồi-môn. Nàng liền rút trâm phóng bừa vào con vật. Ngọn trâm vừa chấm mặt nước thình lình đất nổi lên. Trong nháy mắt, khắp vùng biển rộng từ Thmar Anchéang đến dãy núi Dangrek hoá ra đồng bằng. Châu Reachkol vội vàng nhảy khỏi thuyền chạy đến cạnh vợ.

Chiếc ghe của chàng hoá thành 1 ngọn đồi,

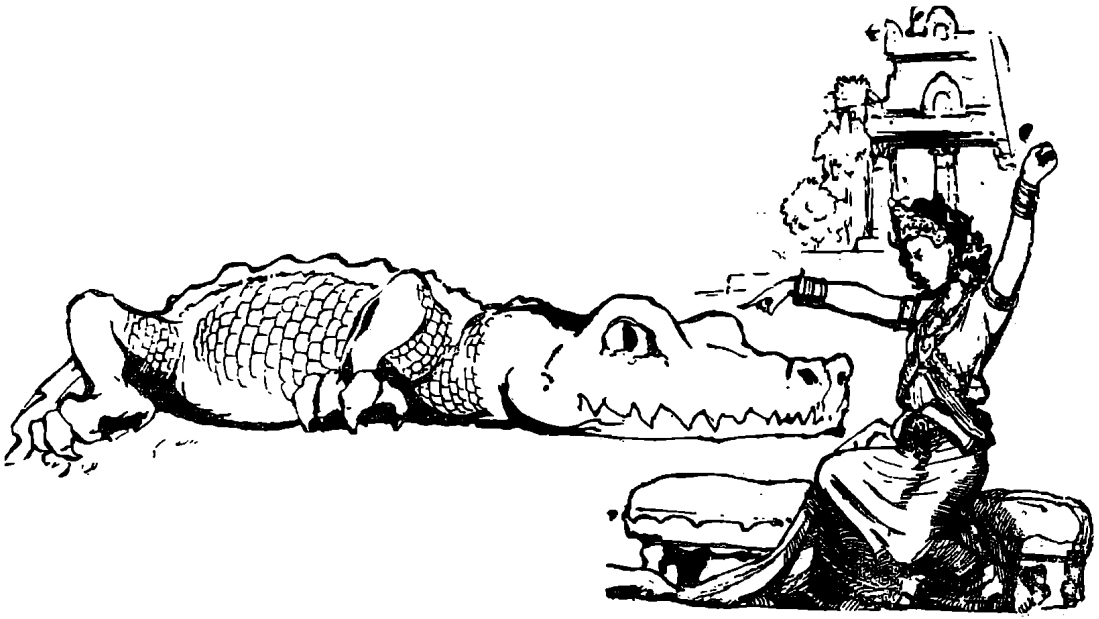

Công chúa Mikha sai con sấu A Thonn rượt theo bắt người chồng bội bạc

ngày nay người ta gọi là « núi thuyền » (Phnom Sampâu).

Con sấu khổng lồ bị chận đứng nửa chừng phía sau chiếc ghe, đầu và đuôi cắm sâu xuống đất, lòi khúc mình ở trên. Bị nghẹt thở, con vật vùng vẫy hết sức, cố quậy bùn để rút đầu và đuôi lên, nhưng không tài nào được, vì bốn chân cũng bị kẹt trong lòng đất. Sau cùng nó rán thu hết tàn lực, nhoi đầu, rút đuôi ra được, nhưng chỉ kịp thở hắt ra, rồi hồn lìa khỏi xác. Ngọn đồi nổi lên ngay chỗ con sấu chết gọi là « Đồi sấu » (Pnnom Krapư), hai cái đầm chỗ sấu quậy đầu và đuôi gọi là « Bưng mũi » (Bâng Chromóc) và « Bưng đuôi » (Bâng Kantuôi). Hai cái lồng gà và lồng vịt trôi cách đó xa xa hoá thành hai gò đất lớn, 1 gò gọi là « Đồi lồng gà » (Phnom Trung mon), 1 gò gọi là « Đồi lồng vịt » (Phnom Trung tia).

6 — SỰ TÍCH NÚI ĐẦU LÂU

Công Chúa Mikha sống trong hoàng thành Nokoréach cùng đứa con trai (kết quả cuộc tình duyên giữa nàng và Reachkol) với mối thâm thù bất diệt.

Khi nàng hay tin tình địch của nàng là Néang Ramsay Sok nhờ thần lực giết hại sấu A Thom để cứu Reachkol, nàng nhất định tổ chức một toán quân tinh nhuệ kéo qua vấn tội kẻ cướp chồng nàng.

Dưới sự điều khiển của các Tướng lãnh cao cấp trong trào, nàng thành lập được một đạo binh hùng mạnh. Toàn thể binh sĩ tỏ dạ trung thành với nàng đến phút cuối cùng.

Chọn ngày tốt, nàng ra lịnh xuất quân. Cờ xí rợp trời, trống chiêng dậy đất, quân lính hăm hở khoa chân múa tay quyết lòng giết giặc. Công Chúa Mikha đi đầu cỡi ngựa ô sắc đen tuyền, yên cương chạm vàng, dát ngọc, mình mặc chiến bào lóng lánh vàng, bạc, kim cương.

Đoàn quân đi bất kể ngày đêm đến giữa vùng Thmar Anchéang nơi nàng Ramsay Sok

cư ngụ và dãy núi Kravanh hay là núi Đậu khấu (Mont des Cardamones) thì dừng lại. Nàng Mikha truyền lịnh cấm trại, xây đồn lũy. Hiện thời nơi ấy gọi Banteai-Néang nghĩa là trại lính của người thiếu-phụ.

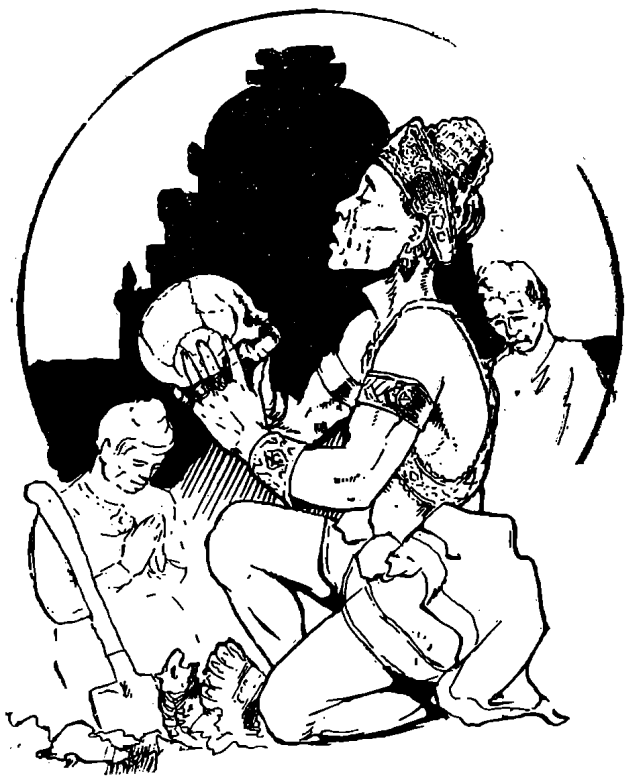

Vị Tân Vương lãnh thổ Nokoréach tìm thi hài Hoàng mẫu là Công chúa Mikha

Nàng đặt bộ tham mưu trong một hang đá mà người đời nay còn gọi : Krê-Néang nghĩa là dinh của người thiếu-phụ.

Sắp đặt xong, Mikha sai người đem chiến thư qua Reachkol thách Néang Ramsay Sok đến so tài với nàng. Nếu Ramsay Sok không dám đến sẽ bị nàng khinh là kẻ khiếp nhược.

Được thư, Ramsay Sok tức giận vô cùng. Riêng phần Reachkol, người gây trận chiến này không thể nào ngăn được hai con hổ dữ, nên bảo vợ :

— Ta bằng lòng để nàng đi. Cầu chúc nàng thành công. Thượng đế sẽ phù hộ nàng.

Vâng lịnh chồng, nàng Ramsay Sok huy động tất cả sĩ-quan, Chiến sĩ của Thmar Anchéang hợp thành một đạo binh hùng hậu không kém Công-Chúa Mikha.

Đoàn quân tựu họp xong, lập tức lên đường. Nàng Ramsay Sok cỡi ngựa bạch, mặc chiến bào cẩn vàng ngọc sáng ngời.

Gần đến trại địch, nàng ra lịnh cắm trại. rồi một tay mưu sĩ già tên Tà Moeang cải trang qua đối phương dọ thám.

Tà Moeang liền giả dạng một tiều phu lẫn lộn vào vòng quân của Mikha.

Nhưng nàng Công-Chúa đã đoán biết trước, cho người chận đường vây bắt lão già.

Lão nhanh chân chạy khỏi, xụi râu, cúp tai trở về căn cứ.

Tin Tà Moeang thất bại rất có hại cho tinh thần quân sĩ Thmar Anchéang. Vì Nguyên-Soái Ta-Kray thống lãnh đại quân phải cố gắng duy trì mới nắm lại được tình thế.

Ngày xáp chiến đã đến.

Hai bên phân chia hàng ngũ do các Tướng chỉ-huy dẫn đầu, giăng làm hai hàng lần lần gần nhau.

Hai vị Nữ chúa xông ra trước, người nào cũng mặc áo giáp kết cầu vàng ngọc, cỡi ngựa chiến hung hăng, tay cầm gương, tay cầm mộc, mắt nẩy lửa nhìn nhau không chớp.

Hình như có hẹn trước, hai đạo binh còn cách nhau trước một khoảng rộng thì đứng lại chờ chủ tướng.

Hai người đàn bà tiến tới trước. Cả hai đều bàng hoàng vì vẽ đẹp của đôi bên, rồi vụt cả tiếng mắng nhau không tiếc lời.

Thình lình hàng muôn tiếng hô « yok chey » (hoan hô chiến thắng) nổi lên giữa hai hàng

quân sĩ tiếp giọng kèn, tiếng thanh la xáp trận vang ầm.

Trong chớp mắt, trận chiến ác liệt diễn ra. Hàng muôn người say máu tranh nhau chém giết. Đầu rụng, tay đứt, máu rơi, thịt đổ, cảnh đồng xanh phút chốc hóa ra đỏ hồng chất đầy thây người.

Bỗng chốc hai đạo binh mạnh nhứt vùng ngưng chiến, trở về vị trí cũ, nhường chỗ cho hai nữ tình địch so tài. Tất cả binh sĩ đều lui lại hết chờ xem kết quả của hai nàng để nhứt định số phận của mình.

Tiếng sắt đồng chạm nhau, hai nàng trợn mắt nghiến răng quyết giết lẫn nhau trong nháy mắt mới hả giận.

Nàng Ramsay Sok thấy Mikha đồng sức với mình, liệu bề khó thắng, liền vái thần rằng :

— « Hỡi cha yêu kính hãy nhận lời con cầu xin. Cha đã vì con biến mặt biển thành đồng ruộng, ngày này vùng này đẫm máu và chất chứa thây người cũng vì lòng hung dữ của con ác phụ Mikha. Nó muốn giết con để trả thù. Hỡi cha đáng kính hãy giúp con lần này làm cách nào thêm sức vào cánh tay yếu ớt của con, cho con thắng trận này. Con nguyện sẽ lập đền thờ để cha tu hành và khi cha lên

cõi Trời, chồng con và con sẽ đến thờ phụng cha.

Linh nghiệm thay, vừa dứt lời nàng Ramsay Sok cảm thấy mạnh mẽ bội phần. Nàng không còn biết mệt và nhanh tay chém trúng Mikha ba lần.

Công-Chúa bị thương, đuối sức, không thể cầm cự thêm được lâu. Nàng còn trông ở sự phản công của đám quân sĩ trung thành để làm rối loạn đối phương hầu nàng có cơ tẩu thoát. Nàng khoát tay, ra lịnh cho quân sĩ tấn công giúp nàng, nhưng cả đoàn hình như tê liệt không người nào dám vũ động binh khí nữa. Chúng thấy vị nữ chúa bị thương và kêu cầu cứu, làm chúng hoảng hồn lo sợ cho thân mình! Chúng chỉ nghĩ đến cách chạy trốn để cứu lấy thân. Nhưng thay vì chúng rút lui theo hàng ngũ về trại và củng cố thành lũy, chúng vụt chạy tản mác khắp nơi như bầy gà gặp ó. Đạo quân hùng mạnh của Nokoréach chỉ còn là một đám người hèn nhát, sợ chết đến dựng tóc lên và cắm đầu chạy thục mạng.

Thấy mình bị bỏ rơi, nàng Mikha tính tháo lui chạy về hoàng cung trốn sau những hào sâu, thành chắc. Nàng đánh vẹt gươm địch thủ, phóng ngựa thối lui, hướng về Nokoréach nơi đứa con duy nhất của nàng đang mong đợi nàng.

Nàng Ramsay Sok vỗ ngựa đuổi theo, lớn tiếng nguyền rủa không tiếc lời.

Mikha biết rằng trước cơn giận của địch thủ nàng không gì toàn mạng nếu nàng sa vào tay người. Nàng lo sợ cho số phận, vụt oà lên khóc, bao nhiêu tâm trí đều hướng về đứa con mà nàng mong ôm ấp lần cuối cùng.

Nàng nhìn quanh thấy toàn là đồng ruộng, không có một cái hang, một ngõ hẻm nào để nàng trốn được trên khoảng đất mà mấy hôm trước là biển cả mình mông. Nàng đành bó tay chịu trói, khóc lóc đến trước mặt Ramsay Sok.

Vùng đồng bằng nầy được gọi là « Veal Neang Yum » nghĩa là « Vùng đất của người thiếu-phụ khóc kể ».

Nàng Ramsay Sok vui mừng không xiết. Nàng ra lịnh cho quân sĩ hành hạ Mikha vô cùng dả man, rùng rợn.

Nhưng Mikha vẫn giữ vẽ lạnh lùng cao thượng, không chịu khuất phục, không than một tiếng dù phải bị đòn bọng đau đớn. Nàng không yêu cầu xin tha mạng sống và không tỏ ý sợ sệt chút nào.

Nàng Ramsay Sok tức giận không cùng, rút gươm chém một nhát bay đầu Mikha xuống đất.

Để hả cơn ghen tức, nàng cột đầu lâu của Mikha lên cây tre dài và đem cắm lên một ngọn đồi gần đấy. Người thời bấy giờ gọi đồi ấy là « Phnom Sang Khbal » và hiện thời gọi là Phnom Khbal nghĩa là « Núi đầu lâu ».

Thi hành thủ đoạn tàn ác và vô nhân đạo ấy xong, nàng vẫn chưa hả lòng, vội cho thủ hạ làm một việc đã man, dè tiện hơn nữa là mổ ruột, và bầm nát thây của Mikha, quăng lên một vực đá. Người ta gọi vực ấy là « Phnom Chanh chram poh » nghĩa là « Ngọn đồi của đống thịt bầm nát ».

Khi kẻ thù không còn gì để hành hạ nữa. Nàng Ramsay Sok kéo quân thổi kèn thắng trận trở về Thmar Ancheang mở tiệc ăn mừng. Dân chúng tựu họp đón rước nàng không phải theo nghi thức của một một vị nữ tướng vừa lập chiến công, mà theo lễ bái một vị Hoàng-Hậu.

Nguyên do trong lúc nàng chinh chiến, Đức Vua băng hà. Không có con nối dòng. Nhà Vua truyền ngôi cho Reachkol vốn người trong hoàng tộc. Toàn dân đều bằng lòng tôn Reachkol nắm giữ Vương quyền.

Reachkol đón nàng ngồi kế bên ngai Vua sắp đặt việc nước xong rồi, Reachkol và Ram-

say Sok ngự giá đến núi Kravanh viếng thăm vị đạo-sĩ. Để tạ ơn đạo-sĩ đã cứu mình hai lần và giữ trọn lời hứa, Hoàng-Hậu Ramsay Sok cất một ngôi chùa có chín ngọn tháp để đạo-sĩ tu hành.

Ngôi chùa đến nay vẫn còn, chứng thực câu chuyện ly kỳ. Còn ngọn núi ấy được gọi là Phnom Bamnânn nghĩa là « Ngọn núi của những lời cầu nguyện ».

★

Đứa con của Công-Chúa Mikha sau nầy cũng nối ngôi ông ngoại, trị vì lãnh thổ Nokoréach. Tân Vương nghe thuật chuyện mẹ mình lấy làm đau xót, cho xây hai ngôi đền trên ngọn núi « Phnom Khbal » để cúng lạy mẫu thân.

Từ ngày có hai ngôi đền đến nay, dân chúng thường đến lễ bái quanh năm.

Sự tích còn ghi thêm vị Tân Vương có tìm được những mảnh xương, thịt của bà mẹ xấu số, gom lại để trong một ngôi đền xây trên ngọn núi ở Sisophon. Ngọn núi ấy tên là Phnom Mikha lấy tên của nàng Công-Chúa bạc phước.

7.— SỰ TÍCH ÔNG VUA CÙI

Dưới một trào vua Cao-Miên ngày trước có một vị Hoàng tử hình dung tuấn tú, diện mạo khôi ngô nhưng phải tánh hoang dâm vô độ ngay từ tuổi vừa trưởng thành.

Đức Vua không muốn đứa con duy nhất trở nên người hư hỏng, bèn đưa lên một ngọn núi cao cho một vị đạo sĩ dạy dỗ.

Ở cheo leo trên cảnh hoang vắng. Hoàng tử học hành chăm chỉ siêng năng. Đạo sĩ rất bằng lòng.

Một hôm người gọi Hoàng tử bảo rằng:

— Số con rất tốt đẹp. Con sẽ được nối ngôi trị vì thiên hạ, hưởng hạnh phúc trọn đời. Nhưng con đã làm hại nhiều thiếu nữ thất tiết, tội ấy sẽ giảm phước đức rất nhiều. Nếu con không chừa bỏ tánh xấu ấy con sẽ bị cùi phung, thịt nát xương mục, khổ sở đến chết. Ta cho con biết trước người vợ của con sau này là một thiếu nữ đẹp tuyệt trần, khắp nước ta không có người nào sánh kịp. Nếu

Những trận cười thâu đêm suốt sáng
của nhà Vua hoang dâm

con muốn có người ấy bên mình thì phải ăn năn chừa lỗi mới mong thành được vợ chồng.

Hoàng tử hứa với đạo sĩ sẽ không làm bậy nữa và xin thầy cho biết người vợ tương lai ở đâu, tên gì ?

Đạo sĩ ngần ngừ không dám lộ cơ trời, nhưng Hoàng tử lạy lục mãi, ngài không cầm lòng đậu, dạy rằng :

— Vợ con là Công chúa nước láng giềng. Con phải giả dạng kẻ bần cùng, nghèo khổ xin vào làm công cho Công chúa một thời gian, rồi sẽ nói sự thật mới mong mua chuộc được lòng người

Hoàng tử nghe xong, lòng xuân phát động vội xin thầy cho xuống núi tìm người đẹp. Đạo sĩ biết nhân duyên đã đến nên nhận lời và căn dặn trò một lần chót nên chừa tánh buông lung nguy hiểm.

*

Cải trang làm người ở mướn, Hoàng tử xin vào giúp việc trong cung Công chúa. Trước mặt giai nhân, Hoàng tử không cầm lòng được, bèn thú thật với Công chúa, kể rõ cuộc đời và ý định của mình.

Công chúa nghe tiếng xấu của Hoàng tử

từ lâu định mắng cho một hồi, thình lình Đức Phật Thích Ca hiện ra khuyên rằng:

— Hai con vốn có duyên nợ từ kiếp trước, không nên cãi trời. Con hãy theo chồng con, dù có khổ sở thế nào cũng phải chịu.

Quay sang Hoàng tử, Phật nói:

— Ta khuyên con nên từ bỏ tánh hoang dâm, đừng phá hại tiết trinh phụ nữ mà phải mang ác quả.

Hoàng tử sụp lạy Phật và hứa sẽ giữ mình. Công chúa không dám trái lời Phật ưng thuận làm vợ Hoàng tử.

Sau cuộc cưới hỏi, Hoàng tử đưa vợ về triều rồi tánh nào tật nấy, suốt ngày đi hãm hiếp đàn bà, con gái trong thành.

Vua cha nghe dân chúng bàn tán cảm thấy xấu hổ quá bèn đuổi con ra khỏi thành.

Công chúa đau đớn vì tủi nhục, nhưng không nỡ bỏ chồng, cũng trốn đi theo. Hoàng tử không cảm động trước lòng chung thủy của vợ cứ bê tha như cũ. Không biết làm nghề gì, Hoàng tử phải xin ăn. Tuy vậy, thú tánh cũng vẫn còn như thường: Hoàng tử hiếp phụ nữ dân gian, tiếng oán than động đến Đức Phật.

Phật hiện xuống khuyên một lần chót:

— Nếu con không bỏ tánh cường dâm thì con sẻ bị Trời phạt mang bệnh cùi đến chết.

Hoàng tử quì lạy hứa vâng lời.

*

Tại triều. Đức Vua đau nặng cho tìm Hoàng tử về nối ngôi.

Nắm được quyền bính. Tân Vương quên lời Phật dạy, buông lung xác thịt gấp trăm, gấp ngàn lần trước.

Chẳng bao lâu Nhà Vua mắc bệnh cùi đúng như lời Phật cảnh cáo.

Nhà Vua rất khổ sở vì khắp mình lở lói không mặc quần áo và không gần ai được. Hễ mỗi lần thú tánh nổi dậy thì Nhà Vua gần một cung nữ xong rồi chặt đầu liền. Tánh tàn ác của Vua đã để lại trong lịch sử là một bạo chúa

Vua cùi nhờ tất cả danh y trong nước mà không thầy nào trị hết bệnh. Tội nghiệp thay. Có thầy phải bỏ mình vì thuốc không linh nghiệm như lời quảng cáo.

Ngày kia có một đạo sĩ già xin vào yết kiến nhà vua và tâu rằng :

Bần đạo tu hành trên núi từ thuở nhỏ,

biết được một phương thuốc trên có thể trị dứt bịnh của Bệ Hạ.

Vua cùi rất mừng truyền đạo sĩ sắc thuốc.

Đạo sĩ lấy một cái chảo thật lớn có thể luộc nguyên một con bò, bỏ thuốc vào nấu thật sôi. Xong rồi đạo sĩ tâu rằng:

— Xin mời Bệ Hạ nhảy vào chảo thuốc, trong chốc lát sẽ hết bịnh ngay.

Vua cùi nổi giận mắng rằng:

— Lão già khốn kiếp muốn giết ta hay sao? Ai mà trị bịnh quái gở như vậy:

Đạo sĩ bình tĩnh móc ra một gói thuốc bột tâu rằng:

— Tâu Bệ Hạ, đây là thuốc tiên chớ không phải thuốc phàm. Bần đạo cầm sẵn gói thuốc này chờ khi Bệ Hạ nhảy vào thì bỏ theo liền Bệ Hạ sẽ sống như thường mà da thịt lành mạnh như cũ.

Vua cùi không tin:

— Ta chưa tin nhà ngươi nói thật. Vậy nhà ngươi dám nhảy vào trước cho ta xem không?

Đạo sĩ đưa gói thuốc cho Nhà Vua:

— Bần đạo xin vâng lời Bệ Hạ trút gói thuốc này để cứu bần đạo.

Vua cùi bằng lòng, cầm gói thuốc. Đạo sĩ cởi áo nhảy vào chảo thuốc đang sôi ngùn ngụt.

Nhưng Vua không chịu đổ thuốc vào chảo, thản nhiên ngồi nhìn vị đạo sĩ bị luộc chín đến rã rời thịt xương.

Từ đó về sau, không ai dám dưng thuốc gì cho Vua cùi nữa.

Nhà Vua đau đớn ê chề ngót mười năm mới băng hà.

Hiện thời trong vòng thành Đế Thiên (Angkor Thom) có ngôi đền lộ thiên để tượng Vua cùi, trần truồng ngồi giữa ba tượng cung nữ bị chặt đầu.

Ở thủ đô Phnom Penh bên đường bờ sông Norodom trước ngôi chùa Umnalon cũng có tượng Vua Cùi tạc giống pho tượng ở Angkor nhưng nhỏ hơn và sơn trắng, ngồi một mình trên bực gạch cao một thước rưỡi.

Dân chúng, nhất là phụ nữ Hoa kiều đến thắp nhang, van vái suốt ngày. Họ cho rằng Vua Cùi rất linh vì trong trận giặc thứ hai, không quân oanh tạc bỏ bom, hư nát chùa Umnalon mà pho tượng không trầy mẻ gì.

Người mình quen gọi là Tần Cùi hay Tà Cùi thể theo Tần là tiếng ta gọi nước Cao Miên ngày xưa, hoặc Tà là ông Tà. (Ông Thần theo tiếng Miên)

8.— TRUYỆN CON GÀ THẦN TRONG CUỘC XÂY CẤT ĐẾ THIÊN, ĐẾ THÍCH

Vào khoảng năm thứ 600 theo Phật-lịch kỷ nguyên ở nước Trung-Hoa có một người lao công tên Lâm-Thành (Lim-Seng) nghèo khổ vô cùng. Từ nhỏ đến năm 50 tuổi ông ta không dám cưới vợ, vì gần mãn đời ở mướn cho một phú thương ở Thượng-Hải, ông vẫn còn thiếu 6 nén bạc không sao trả dứt được.

Người chủ giao Lâm-Thành khai phá một vùng đất hoang cạnh bờ sông và lập vườn hoa. Ông trồng trọt rất khéo đem lại cho chủ nhiều món lợi đáng kể.

Một hôm, năm nàng tiên nữ hầu vị Thần Indra lén xuống vườn hoa du ngoạn. Trong năm nàng ấy có cô Dibcodacan bẻ sáu cái bông đem về trời.

Thần Indra tức giận liền đày Dibcodacan xuống trần làm vợ Lâm-Thành 6 năm để trả nợ ấy.

Dibcodacan tủi nhục, lạy từ vị Thần liêm chánh đến chòi người trồng hoa. Nàng thuật

rõ đầu đuôi cho họ Lâm nghe và xin nâng khăn sửa trấp hầu chàng. Họ Lâm một mực chối từ không dám nhận vì gia cảnh quá bần chật và món nợ chưa thanh toán xong. Nàng tiên nữ an ủi chàng nên yên lòng vì nàng có tài phép làm nhiều nghề tuyệt khéo, khả dĩ kiếm tiền dễ dàng.

Tin lời cô gái, Lâm-Thành ưng thuận. Vợ chồng ăn ở rất mực đầm ấm.

Ba tháng êm đẹp trôi qua, Dibcodacan nhận thấy chồng có nhiều tánh tốt mới hỏi về số nợ kinh niên.

Nàng Tiên nữ vâng lịnh Ngọc đế xuống trần kết duyên với tên giữ vườn

Nàng khuyên chàng vay thêm bốn nén nữa để nàng làm vốn gầy dựng.

Lâm-Thành về nhà chủ mượn đủ số giao cho vợ. Nàng tiên nữ nhờ chồng mua hết chỉ tơ đủ màu được 20 cân. Nàng dệt nhiều thứ hàng đẹp không hiệu nào bì kịp. Thành mừng rỡ đem dâng chủ.

Người phú thương thích quá, thưởng ngay 50 nén bạc và cho luôn số nợ cũ. Lâm-Thành mua hết chỉ tơ đem về vợ dệt thêm.

Người chủ điều đình với Lâm-Thành cho thân nhơn đến học nghề. Nàng tiên sẵn lòng chỉ dạy và nhờ đấy, nhà phú thương phát đạt rất chóng và có quyền thế rất to.

*

Một năm sau, Dibcodacan sanh một đứa con trai khá khỉnh. Vừa mới biết bò, cu cậu đã móc đất nắn thành quách, lâu đài, khi biết đứng thì thích vẽ trên đất hình người, hình thú, mà vẽ luôn luôn không nghỉ. Do đấy mà nàng đặt tên là Popusnokar.

Năm năm sau, Popusnokar khôn lớn, biết đọc sách, viết chữ ít nhiều. Nàng Dibcodacan mãn hạn ở trần thế, nhân lúc vắng chồng, bẻ sáu cái hoa để trên gối rồi bay về trời.

Khi Lâm-Thành hay tin mất vợ và thấy 6 đóa hoa thì biết rõ đầu đuôi, chỉ than khóc với con thơ chứ không làm gì được.

*

Trong thời ấy, ở xứ Cao-Miên, Quốc-Vương Pudersaja băng hà mà không có con nối nghiệp. Dòng dõi nhà vua Prah Thong đến đây là dứt, chỉ còn hai ông Krong Huy và Kray Huy là người trong Hoàng tộc mà thôi. Ngai vàng chưa được vị nào kế vị.

Ngày kia, một gã tiều phu nghèo kiết, quanh năm sống với nghề lượm củi khô, thình lình gặp trận mưa rào, chạy vào núp trong miễu ông Tà.

Thần Indra biến ra hai con gà, một con đen, một con trắng. Gà đen đậu trên cây đòn dông của ngôi miễu, gà trắng đậu trên nóc. Lát sau gà trắng cất tiếng gáy. Gà đen ngẩng lên nhìn và hỏi bằng tiếng người :

— Gà nào dám đứng trên ta gáy om om như thế ? Gà ấy có tài giỏi gì không ?

Gà trắng đáp :

— Ta là Hùng Bạnh Kê, hoàn cầu vô song địch. Người nào ăn thịt ta sẽ được làm vua.

Gà đen dập cánh mà rằng :

— Còn ta là Hoàng Hắc Kê, gáy một tiếng động đến chín từng trời. Người đàn ông ăn cái đầu của ta sẽ được làm Vua Sãi, người đàn bà ăn đùi của ta sẽ được làm Hoàng Hậu, người đàn ông ăn ngực của ta sẽ được làm Vua. Nhà ngươi không nên khinh thường vị Chúa gà này.

Gà trắng vỗ cánh bay đi. Gà đen vẫn đậu nguyên chỗ cũ.

Gã tiều phu sẽ lén đến gần, chụp gà chúa vặn cổ chết và đem về nhà. Gã thì thầm thuật cho vợ nghe và hối vợ xào xáo để ăn liền. Người đàn bà nấu nướng xong, dọn ra mâm, nhưng người chồng không ăn ngay, bảo vợ rằng :

— Chúng mình sắp được làm Vua và Hoàng Hậu thì cần phải tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới rồi sẽ ăn.

Người vợ đồng ý, cùng chồng đem mâm thịt gà để trên bờ sông, dắt nhau xuống nước đùa giỡn.

Khi trở lên, cả hai ngạc nhiên không thấy mâm cơm, hốt hoảng chạy tìm tở mở đến đến chiều không gặp, bèn chưởi nhau rầm trời.

★

Dòng thủy triều dâng lên đưa mâm cơm có thịt gà chúa sang làng bên cạnh. Một gã chăn

voi tên Tar đang lùa voi xuống sông thấy mâm cơm trôi đến mình liền bưng lên chùa dâng vị Sãi cả.

Nhìn biết đích là Hoàng Hắc Kê, vị Sãi ăn cái đầu, cho Tar miếng ngực và vợ Tar tên là Vong cái đùi. Ông không nói gì cả, chỉ chúc lành cho hai vợ chồng mà thôi.

Ba ngày sau, bá quan trong triều họp nhau bàn tán :

— Trong nước không có Vua không thể nào được. Bây giờ chúng ta phải chọn một vị Chúa theo lòng Trời định đoạt. Chúng ta thắng bành cho voi và để voi tự đi tìm lấy. Người nào được voi quí cho lên lưng sẽ tức vị. (1)

Quân nhân đồng ý van vái Phật, Trời rồi thả bầy voi đi ra khỏi thành. Con bạch tượng đi đầu dắt cả đoàn đến trước nhà tên nài Tar phủ phục xuống.

Tar lên lưng voi vào thành tức vị xưng tên là Devunagschar.

Hai vị Hoàng thân Krong Huy và Kray Huy tức giận, dẫn bốn bộ binh đến thị trấn Bakan trong tỉnh lỵ Bodhisattva cất lâu đài và không chịu thần phục Tân Vương.

(1) Người Ấn-Độ cũng dùng phương pháp này.

Trên thượng giới, vị thần Indra thấy Hoàng Hậu « Vong » không có con, nghĩ rằng :

— Ta sẽ cho Hoàng Hậu một đứa con trai chính dòng của ta để lập cơ nghiệp hoàng triều Cao Miên.

Một hôm, nhân Hoàng Hậu có việc ra khỏi thành, vị thần Indra bay trên mây. Dưới trần gian thiên hạ không nhìn rõ hình dáng vị thần chỉ thấy một vùng ánh sáng xanh (2) rờn bao trùm vạn vật. Mọi người la ó lên :

— Ánh sáng từ trên trời rớt xuống!

Vị thần Indra thả trên mình Hoàng Hậu một trận mưa hoa kết thành tụi rồi biến mất.

Hoàng Hậu thụ thai sanh một đứa con trai và đặt tên là Preah Ket Méalea nghĩa là « Ánh sáng có hoa ».

*

Ở bên Tàu thằng bé Popusnokar tìm mẹ khắp nơi không được, lấy làm buồn khổ khôn cùng. Năm 10 tuổi nó bắt đầu học tập. Một hôm nó hỏi cha :

— Mẹ con ở đâu? Mẹ con là người thế nào?

Cha nó rầu rầu đáp rằng :

(2) Theo đạo Bà-la-môn, hào quang các vị Thần màu xanh.

— Mẹ con là một nàng tiên ở trên trời. Mẹ con chỉ ở dưới trần 6 năm mà thôi. Vậy giờ cha không thể nào biết mẹ con ở đâu ?

Popusnokar làm thinh không nói gì, nhưng lòng quyết định đi tìm mẹ bất cứ ở đâu dù phải chết dọc đường nó cũng vui lòng. Cha nó hết lời khuyên mà không ngăn cản được, đành để nó lên đường.

Đứa con có hiếu qua đèo, xuống ruộng bẻ trái cây rừng ăn đỡ dạ, ngủ trong hốc đá, trên nhánh cây. Nó đi đến một khu rừng, đầy hoa xinh đẹp thì quần áo rách bươm không ra hình dáng gì nữa.

Nhưng lòng trời tựa nó, xui khiến cho mẹ nó theo đoàn tiên nữ xuống rừng hái hoa.

Thoạt nhìn thấy, nó nghĩ thầm : « Ta đi hằng mấy năm trường qua nhiều khu rừng hoang vắng, ta chưa gặp một người nào trên cõi trần. Quần áo ta đã rách nát khiến ta phải che thân bằng lá cây. Bây giờ ta gặp đám người tuyệt sắc như vầy, có lẽ đây là những nàng tiên nữ mà cha ta đã nói chứ không phải người thường đâu ! »

Popusnokar trốn trong bụi rậm, chờ đoàn tiên nữ đến gần, vái rằng :

« Nếu các nàng này là tiên nữ và mẹ tôi không ở đây thì xin đoàn tiên bay về Trời. Nếu

có mẹ tôi, xin cho mẹ tôi ở lại không bay được ».

Vái xong, nó nhảy ra chụp đại. Các nàng tiên vụt bay lên mây, riêng nàng Dibcodacan không cất chân được.

Popusnokar níu mẹ khóc ròng.

Bà mẹ than rằng :

— Chao ôi ! Ta lại bị người trần quấy nhiễu nữa !

Đứa con mất mẹ kể lể sự tình, bấy giờ nàng Dibcodacan mới rõ nguyên do. Nàng an ủi con :

— Mẹ không thể nào ở với cha con vì thời hạn đã mãn, mẹ phải về Trời lo phận sự ; nhưng không lúc nào mẹ quên cầu khẩn Thần Indra phò hộ cha con và con. Ngày nay gặp con, mẹ sẽ đem con về Trời vào chầu vị Thần tối cao của mẹ.

Bé Popusnokar được mẹ cho tấm khăn choàng thay bó lá che thân rồi ẵm bay lên mây, tắm bằng nước thơm rồi dắt vào ra mắt Thần Indra. Sung sướng quá, nó mừng hí hởn, nhưng khi đến giữa đền vàng, nó phát sợ ngất xỉu.

Vừa lúc ấy, Thần Indra đi ra, thấy kẻ lạ mặt phán hỏi rằng :

— Thằng bé này ở đâu đến nằm đây ?

Nàng Dibcodacan quì xuống tâu:

— Bạch Tôn Thần, nó là con của tôi lúc bị đày làm vợ Lâm-Thành (Lim Seng).

Thần Indra truyền:

— Đứng lên, gã kia!

Popusnokar tỉnh dậy, quì lạy ra mắt Thần.

Gọi nó vào đền, Thần Indra hỏi hàng ngàn chuyện về vùng nó ở.

Nó trả lời rành mạch từng khoản không vấp váp.

Mẹ nó tâu rằng:

— Con tôi tự nhiên biết vẽ, chạm trổ, cất lâu đài, thành quách rất khéo.

Thần Indra phán:

— Học trò không có thầy là người đui, không làm ra trò gì cả.

Ta sẽ cho con nhà ngươi vào xưởng của vị Thần Điêu khắc học nghề. Xong rồi phải trở xuống trần chớ không ở đây được vì nó không phải là Tiên.

*

Bé Popusnokar vào học đủ các nghề về ngành kiến trúc, mỹ thuật, hội họa, chạm trổ, đóng tàu chạy trên mặt đất, khảm vàng bạc, rèn sắt, và phép hóa bùn thành đá.

Sau một thời gian cố gắng, nó thuộc hết lời thầy và được ban khen :

— Con đã thâu thập được tất cả tinh hoa của nghề nghiệp. Tài của con vượt hẳn thầy. Từ xưa đến nay, thầy chỉ có thể xây cất lâu đài cho một triều Vua mà thôi, ví dụ một vị Quốc Vương lên ngôi nhờ thầy tạo cung điện, thầy biến hóa trong khoảnh khắc là xong ngay, nhưng khi nhà Vua băng hà thì ngôi đền ấy cũng tiêu tan. Còn đối với con thì những gì con kiến thiết có thể đứng vững hàng ngàn năm không sụp đổ.

Đoạn ông thầy dắt Popusnokar vào trình Thần Indra.

Vị thần tối cao rất bằng lòng và phong cho cậu thợ mới giữ chức huấn luyện viên cho dân chúng ở trần gian. Ngài truyền rằng :

— Tất cả thợ nào muốn xây cất lầu đài, nhà cửa phải dâng cho Popusnokar lễ vật sau đây: một cái mâm trên để một ve rượu, một nén bạc, 4 miếng bẹ chuối đựng trầu cau, 5 khúc vải trắng, một chén gạo và một cây đèn cầy. Nếu kẻ nào không tuân phép này sẽ bị đui hai mắt, mây kéo che mất tròng đen.

Sau khi phong chức cho Popusnokar, Thần Indra nhớ đến Preah Ket Méalea, Ngài bay đến xứ Cao Miên đáp xuống sân chầu.

Dân chúng bàng hoàng khi thấy một đám hào quang màu xanh tỏa khắp trời và chiếu xuống Đền Vua.

Lính thị vệ vội vàng vào tâu Quốc Vương Devungaschar :

— Muôn tâu bệ hạ, có một vị Thần ở trên Trời sa xuống, mình mẩy toàn một màu xanh, hào quang tỏa khắp đền. Hiện thời, Thần đang vào chánh điện.

Nhà Vua vội vàng chạy ra, nhìn biết Thần Indra, liền quì xuống lạy chào.

Thần phán :

— Hiền vương có biết con của ta chăng ?

Nhà Vua đáp :

— Dạ, bẩm không.

— Vậy chớ Hoàng hậu sanh Hoàng tử Preah Ket Méalea trong trường hợp nào ?

Nhà Vua đáp :

— Bẩm Tôn Thần, trong lúc tiện nội vào vườn hoa có một ánh hào quang xanh bao trùm cả Trời, Đất, kế đấy có nhiều tràng hoa rớt xuống mình tiện nội. Từ đấy tiện nội thọ thai.

Thần Indra nói :

— Chính là thọ nhận đứa con ta.

Đức Vua Devungaschar gọi Hoàng tử Preah Ket Méalea ra chào lạy vị Thần.

Thần Indra bồng Hoàng tử để ngồi trên đùi và phán rằng :

— Xưa kia, Ta tên là Makhanubok (nghĩa là : người có dõng lực). Ta xây cầu, đắp đường, cất nhà và chia của cải cho kẻ nghèo. Trời, Phật ban thưởng cho ta thành Thần Indra. Ta có lòng thương Hoàng Triều Cao Miên là một quốc gia mới tạo lập chưa có vị anh quân dũng mãnh nào cầm giềng mối nước nhà. Thế nên ta cho con xuống phàm để giữ gìn cương thổ và được sống trường cửu với thời gian. Nhưng Tạo hóa sanh con người chỉ hưởng thọ một khoảng đời nhất định và ít khi có người được trăm tuổi Trời. Ta đem con về cung cho con tắm trong hồ nước phép rồi con sẽ sống thật lâu.

Nói xong, Thần Indra bồng Hoàng tử bay lên mây vào vườn hoa của mình. Trong vườn hoa có một hồ nước, Thần Indra cho Hoàng tử Preah Ket Méalea tắm mỗi ngày 7 lần và tắm luôn 7 ngày liên tiếp. Đoạn, ngài đưa Hoàng tử vào đền, cho mời 7 vị thần Brahma đến đọc kinh và làm phép cho Hoàng tử sống đến 400 tuổi. Ngài dạy thắng xe cho Hoàng

tử đi dạo xung quanh cung điện xem cảnh vật thần tiên.

Ngài phán hỏi :

— Con có vui lòng trước cảnh sắc này không ?

Hoàng tử đáp :

— Bạch Tôn Thần, con rất vui lòng và hết sức kinh ngạc.

— Con sẽ trị vì xứ Cao Miên khi con trưởng thành. Hiện giờ con có ý thích một cất ngôi đền tại xứ con, giống như ngôi nào ở đây chăng ? Ta sẽ cho một kiến trúc sư theo con về triều xây dựng ngay.

Hoàng tử bấy giờ mới được 12 tuổi, còn giữ tánh quá rụt rè trước vị thần, Hoàng tử nghĩ thầm : « Trong nước ta không có ngôi đền nào đẹp bằng cung điện của Thần ngự, nếu ta xin cất giống như thế chắc Thần sẽ không bằng lòng ». Bèn tâu :

— Con muốn cất một toà nhà đẹp giống như cái chuồng bò của Tôn Thần.

Thần Indra bật cười mà rằng :

— Cái chuồng bò ấy đẹp lắm sao ?

Ngày gọi Popusnokar phán bảo :

— Con là người phàm không thể ở đây lâu.

Ta cho con đến xứ Cao Miên cất lâu đài cho con ta, đẹp như cái chuồng bò này. Khi con cất xong, ta sẽ xuống dự lễ Đăng quang của con ta.

Ngài đưa Hoàng tử và Popusnokar về đất Miên.

Nhà kiến trúc Popusnokar khởi công xây cất cung thất cho Hoàng triều vào năm thứ 620 theo Phật lịch kỷ nguyên. Ông cho đào hầm lấy đất nhồi nắn các tượng hình chư Thần. Đứa con trai vị Xã trưởng trong làng tên Sovan phụ giúp với viên kiến trúc sư. Khi Sovan hiểu được nghề và khả dĩ điều khiển công việc, Popusnokar ngồi thuyền ra biển tìm vỏ ốc để hầm vôi làm hồ. Lúc trở về, thuyền đến vùng Somronsen thuộc tỉnh Kampong Leng hiện nay là tỉnh Kompong Chnang bị sóng to đánh đắm. Popusnokar cho vớt thuyền mà bỏ tất cả vỏ ốc. Vì thế đến ngày nay người ta vẫn thấy vỏ ốc biển trong dòng sông Somronsen. Trải hàng mấy trăm năm qua, dân chúng trong vùng ấy lấy vỏ ốc, hầm vôi mãi đến bây giờ vẫn chưa hết số vỏ đã chìm từ ngày ấy.

Popusnokar trở ra biển một lần nữa, và chở về một số vỏ kếch sù. Đoạn, ông sửa soạn 3 chiếc ghe để chở hột mè đen. Một trận

bão đánh chìm một trong ba chiếc thuyền khi đến vùng Komnhan-thom ở về hướng Đông vùng Dontri. Popusnokar ra lịnh quăng hết đồ vật đã chở. Tổng số mè hợp thành một cù lao giữa dòng sông thế nên mãi đến ngày nay đất của cù lao Komnhan có màu đen như hột mè và không một thứ đất nào pha trộn được.

Với số mè còn lại trong hai chiếc ghe, Popusnokar trộn thành một thứ thuốc rưới lên bức thành bằng đất. Đất hóa thành đá tức thì. Người Miên gọi thuốc ấy là « tức samách ». Ông không dùng lối cất giàn trò như chúng ta ngày nay để đựng từng cây cột, ông lại đắp nguyên một ngôi đền có năm ngọn tháp bằng đất rồi rưới nước phép cho biến thành đá, vì thế trong các khung vòm các nóc tháp không có cột gỗ, kèo gỗ.

Khi cuộc xây dựng đã hoàn thành, ông sơn các hình chạm đá thật đẹp. Ngôi đền có vẻ tuyệt khéo và rất giống cái chuồng bò của Thần Indra. Hoàng tử Preah Ket Méalea hết lời khen ngợi nhà kiến trúc và nhờ ông ta cất thêm nhiều ngôi đền khác, chạm trổ tinh vi.

Thần Indra hiện xuống trần với đoàn Tiên nữ Deva rưới nước thánh xuống mình Hoàng-tử để làm lễ Đăng quang.

Ngài đặt trên Tân vương là Arothpulpearso Preah Ket Méalea và gọi tên nước là Cao-Miên. Lễ xong, Thần Indra cùng đoàn Tiên nữ trở về thượng giới. Người Miên cho rằng các Tiên nữ Deva truyền nghề vũ cho dân chúng trong dịp này và họ gìn giữ đến ngày nay.

Quốc vương Preah Ket Méalea để ý thấy một trong những ngôi tháp ở Angkor cất không được ngay ngắn bèn gọi Popusnokar đến sửa lại.

Nhà kiến trúc tâu rằng :

— Xin Hoàng thượng truyền cho một người đàn bà cầm một trái bí chín mùi đập vào vách tháp thì ngôi đền sẽ đứng ngay lại.

Nhà vua nổi giận la lớn lên :

— Nhà ngươi nói đùa với ta phải không ? Một trái bí có thể đỡ nổi một ngôi đền à ?

Popusnokar cũng phật ý :

— Nếu Hoàng thượng không tin hạ thần, thì ngôi đền thờ ấy sẽ đứng nghiêng luôn luôn, và từ nay về sau, tất cả các ngôi đền cùng loại ấy ở Angkor cũng sẽ nghiêng như vậy.

Sau đấy ít lâu. Nhà vua giao Popusnokar ba tạ sắt dặn rèn một cây gươm biểu hiệu Vương quyền.

Nhà kiến trúc nấu sắt lọc lấy phần cứng nhất cả ba tạ, ông chỉ rút lại có một lưỡi dao

mỏng như lá lúa. Sức bén của ngọn dao không ai có thể tưởng tượng nổi. Khi chém một người nào từ đầu đến chân thì kẻ ấy bị cắt làm hai, mà không ai thấy dấu đứt và người khác cho rằng chém trật. Nếu dùng dao chém ngang một cái lu đầy nước thì bị cắt làm hai mà không có một giọt nước nào bắn kịp ra ngoài.

Popusnokar rèn dao thật kỹ rồi dâng Nhà Vua. Quốc Vương Preah Ket Méalea cầm lưỡi dao, nổi trận lôi đình trách mắng Popusnokar trước mặt quần thần rất thậm tệ :

— Nhà ngươi đã lấy trộm sắt của ta để làm của riêng mới rèn một cây bé nhỏ như vầy với ba tạ sắt.

Popusnokar phát giận mà rằng :

— Tâu Hoàng thượng, hạ thần không ở đất Cao Miên nữa. Hạ thần xin trở về Tàu.

Nói xong ông lạy từ Vua và kéo cây gươm dưới sàn đi ra khỏi Triều.

Quốc Vương Prean Ket Méalea thấy sàn gỗ bị cắt đứt từng đoạn mới biết là gươm quí liền cho người gọi Popusnokar đòi báu đao. Nhưng, người thợ khéo chối từ và quăng gươm xuống Biển hồ. Ông xuống thuyền về Trung quốc mở trường dạy nghề xây cất đền đài và không trở lại Cao-Miên nữa.

9 — SỰ TÍCH THỊ TRẤN BATTAMBANG

Vào thế kỷ thứ 10 của Công nguyên, tính theo Phật lịch là năm 1516, kinh-đô nước Cao-Miên đóng ở Nokor Thom. Vị Quốc-Vương thời bấy giờ tên CHAKROPOTT sanh một trai tên BOTUM vào năm 1521 Phật lịch, và một trai tên là SEREY vào năm 1529

Mười lăm năm sau, năm 1544 nhằm năm Tý, tính theo Dương lịch là năm 1.000, nhà Vua truyền lịnh cho dân chúng đốn cây hỏa táng di hài Vua cha tên SANGKHOHAK băng hà từ năm 1515. Tiên Vương là ông Vua bị bịnh cùi bất trị, nổi tiếng trong lịch sử Cao-Miên.

Trong lúc thi hành lịnh Vua, một thanh niên đốn được hai gánh, rồi nghỉ nấu cơm ăn. Vì không có đũa bếp để sơ khi cơm sôi, anh ta bẻ nhánh cây vông đồng đen dùng tạm. Sau đó, toàn nồi cơm trở thành màu đen. Đói quá, anh ta ăn càn không thể chờ nấu nồi khác. Ăn xong, anh cảm thấy có sức mạnh vô cùng. Anh thử kéo nhẹ một cái, gẫy lìa nhánh cây dầu to! Những người đốn củi gần đấy hoan hô anh nhiệt liệt. Anh bèn tìm một

gốc cây trắc, vạt lấy cái lõi làm khí giới tùy thân, múa thử vài đường roi, đập ngã nhiều cây to trong rừng. Mọi người chứng kiến thần lực ấy, gọi anh ta là TAMBONG KREN HUNG.

Kren Hung cho rằng mình là người vô địch, nghĩ đến quyền cao chức trọng và định thí Vua đoạt ngai vàng. Tin đồn lan khắp kinh thành, bá quan vào tâu Quốc Vương Chakropott. Nhà Vua lo ngại sai quan quân bắt Kren Hung. Nhưng không ai khống chế nổi con người có sức khỏe lạ lùng, bao nhiêu danh tướng xuất trận đều bỏ mạng dưới cây gậy trắc. Tình trạng thảm khốc

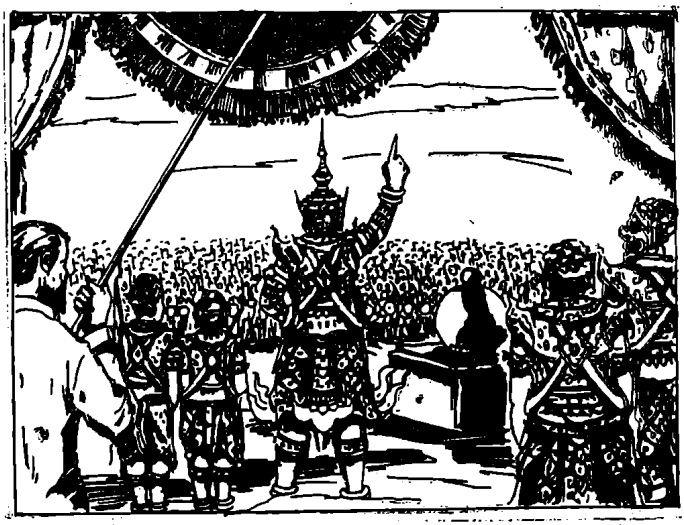

Nhà Vua soán ngôi đứng chờ « người có phước » đến

này kéo dài mấy năm liền, quân lính quá sợ đầu hàng Kren Hung gần hết. Vị Nguyên-soái cầm binh buồn rầu đến sanh bịnh chết. Nhà Vua cũng quá sợ nằm liệt giường, giá băng luôn. Nhà Vua ở ngôi được 49 năm.

Kren Hung đánh thốc vào Nokor Thom giết nhân dân rất nhiều để thị oai. Ngày 10 tháng 2 năm Sửu, Phật-lịch 1545, Kren Hung tự xưng Vương, hiệu là Kodom Omar Tewareach. Ngài ra lịnh tìm bắt hai vị Hoàng-Tử và Hoàng-Thân, quốc thích của Vua cũ hạ sát.

Hoàng-Tử Botum được 13 tuổi trốn vào chùa tu luôn suốt đời. Hoàng-Tử SEREY lên 5, được người vú bồng chạy, nhưng không thoát. Nhà Vua mới ra lịnh thiêu sống SEREY. Những người đao phủ động lòng thương đứa trẻ, cào ra khỏi ngọn lửa, đem bỏ trong rừng. Một nhà sư đi ngang thấy Hoàng Tử làm nạn, đem về chùa săn sóc. Khi các vết phỏng lành, tay chân SEREY co rút lại. Nạn nhân phải lết chứ không thể đi đứng như người thường. Nhà sư đặt tên Hoàng-Tử là PROM KOEUL, có người ở gần chùa gọi là PONHEA KREK.

•

Tuy ở ngôi cao nhưng Kren Hung vẫn lo ngại cho số phận mình. Ngài hỏi vị quan chiêm tinh

đoán xem tương lai thế nào thì được biết sau 7 năm, 7 tháng, 7 ngày sẽ có một người có phước lớn vào Hoàng-cung chiếm ngai vàng. Nhà Vua nổi giận đòi giết ông quan coi bói cùng những người đàn bà có thai trong năm ấy! Vua nói rằng nếu người nào đến, Vua sẽ đánh một gậy, như không trúng sẽ dâng ngôi báu, đi xứ khác ở. Ngài đếm từng ngày, đúng giờ hẹn, Ngài nhờ vị quan chiêm tinh bói lần nữa và được biết nội nhật hôm ấy người có phước sẽ đến. Ngài truyền quân lính canh gác nghiêm nhặt rồi cầm gậy ngồi chờ. Dân chúng nghe tin kéo nhau tụ họp trước Ngọ-môn xem cuộc biến chuyển quan trọng.

Lúc ấy, Hoàng-Tử Serey, gọi là Ponhéa Krek được 12 tuổi cũng lết đi coi cho biết mặt người có phước đuổi kẻ phản nghịch. Lết được một khoảng đường, Krek mệt quá ngồi nghỉ bên bờ ao.

Trên thượng giới, Ngọc đế Indra tự nhiên nóng nẩy trong lòng nhìn xuống trần thấy sự việc bèn biến thành một nhà tu sĩ vai mang túi lớn, tay dắt con ngựa thật đẹp, tay cầm gói cơm và ống nước đi ngang, hỏi Krek rằng:

— Bé con ngồi làm gì đấy?

Krek thưa:

— Tôi xuống kinh-thành chờ xem người có

phước lớn đến đuổi tên phản tặc đã cướp ngôi của cha tôi.

Vị tu-sĩ nói :

— Bé không đi được thì lết làm chi cho nhọc hãy ngồi giữ ngựa cho ta, ăn cơm, uống nước, để ta đi xem rồi về nói lại cho mà nghe.

Krek không chịu, nhưng vị tu-sĩ vẫn để cơm nước, túi vải và đưa dây cương cho Krek, hấp tấp bỏ đi.

Krek cầm dây. Ngựa bước tới kéo tay Krek tự nhiên cánh tay lành như thường. Krek sang tay kia cũng hết, cột vào hai chân, ngựa kéo, Krek đứng dậy được. Mừng quá, sẵn bụng đói, Krek ăn cơm, uống nước vụt thấy mình cao lớn, đẹp đẽ và mạnh khỏe vô cùng. Krek biết mình gặp Ngọc đế giả dạng xuống giúp đoạt ngôi lại, bèn quỳ xuống lạy tạ, đoạn mở túi vải thấy một bộ quần áo Nhà Vua, mặc vào vừa khít. Krek sung sướng nói to :

— Người có phước lớn chính là ta !

Vị Hoàng-Tử hết tàn tật nhảy lên mình ngựa, bay về thành Nokor Thom, đáp xuống sân chầu.

Tambong Kren Hung thấy người có phước đến, quơ gậy phóng lên, nhưng không trúng Hoàng-Tử, rớt xuống giữa rừng lún đất thành con rạch gọi là Ô TAMBONG. Bá quan quỳ lạy

Hoàng-Tử SEREY. Tên soán ngôi Kren Hang cũng quỳ tạ tội, xin dâng ngôi báu, rồi bỏ đi qua xứ Lào.

Con rạch Ô Tambong ngày nay vẫn còn, hai bên bờ là thị-trấn BATTAMBANG nghĩa là « Mất cây gậy » Chữ Tambang do người Pháp phiên âm, sai chữ chính là Tambong.

10. — ÔNG VUA DƯA LEO

Vào thời cực thịnh của quốc gia Miên, khoảng giữa thế kỷ thứ 12, kinh đô còn đóng ở đỉnh núi Kulen (Trái Vải), tại làng Prabak, tỉnh SiêmReap có một giống người lai căn giữa người Nam-Dương và người « Véddite » (?) di cư đến chân núi gọi là người SamRè. Trong nhóm ấy có một nông phu nghèo nàn tên Pou chuyên môn trồng dưa leo ngọt. Những hột giống trái cây đặc biệt này vốn là của Thần, Tiên cho riêng một mình Pou.

Ngày bẻ dưa đầu tiên, Pou đem dâng lên Quốc-Vương Cao-Miên ăn thử.

Sau khi thấy mùi dưa ngon lạ lùng, Nhà Vua biết ngay là của Tiên ban bèn ra lịnh cho Pou được quyền giết chết tất cả những người hay thú vào rẫy dưa.

Đến mùa mưa, dưa trổ quá ít, vị Quốc-Vương đợi mãi không thấy Pou đem dâng, mới thân hành đến rẫy. Nhưng vì đi một mình và đi vào giữa đêm khuya nên nhà Vua bị Pou đâm chết và chôn ngay trong rẫy như những kẻ tham ăn

trước. Nhà Vua không có con nối dòng, các quan không biết chọn ai kế nghiệp mới nhờ đến sự lựa chọn của Thần, Thánh. Đó, là phận sự của con voi mang tên là « Tượng thắng trận ». Sau khi nghe các quan vái nguyện rồi, Voi phát chạy đi tìm chơn chúa.

Voi chạy ngay đến rẫy dưa ngừng trước mặt Pou, cúi vòi chào, quì hai chân trước lấy vòi cuốn Pou đặt lên lưng.

Thế rồi người trồng dưa lên ngôi báu. Tức vị xong, Pou cho người đào thây của Tiên Vương đem về đền Mébon cử hành tang lễ và hỏa thiêu ở đồng Pré Rup.

Nhưng sau đấy các quan trong triều thẹn mặt vì phải phục tùng một người SamRè, tỏ ý bất phục bằng cách giả vờ quên những cử động lễ phép. Nhà Vua không thể khiến họ đổi lòng bằng tấm lòng tốt, hoặc sự tàn bạo bèn bỏ ngôi về ở đền Banteay SamRè, trốn trong bốn bức tường, không dám ló ra ngoài như con rùa rút trong mai. Tuy thế, các quan trong Triều không để cho nhà Vua yên thân. Họ tiếp tục đến trước nhà Vua vờ tôn thờ, quì lụy những biểu hiệu tượng trưng của Hoàng-Gia và những tiêu chương của các đấng Tiên Vương chớ không phải kính trọng Nhà Vua.

Một hôm, không còn chịu được nữa, nhà Vua nhất định trị tội những người kiêu hãnh nầy mới truyền quân đem cái ghế có khoét lỗ để vị Tiên Vương đi đại tiện và ra lịnh chém đầu kẻ nào đã tìm kế sỉ mạ mình bằng cách bắt họ phải qui lạy vật dơ dáy ấy.

Từ đó về sau, các quan tỉnh ngộ, hết lòng trung thành với nhà Vua, triều đình trở lại yên ổn như cũ.

Đền Banteay SamRè hiện nay vẫn còn ở trong vùng Angkor, cách thị trấn Siemreap lối 20 cây số. Thổ dân trong vùng ấy đều là dòng dõi của người SamRè.

11.— SỰ TÍCH BƯNG TUM LÈN

Bưng Tum Lèn là một đầm nước ở làng Kông Cik Đei, Phủ Môn Russei tỉnh Battambang, rộng 100 thước, dài 400, cách Phủ ly 10 cây số về hướng Đông Nam. Du khách có thể theo quốc lộ số 1 đến làng Prey Svay rồi đi vào lối 7 cây số cũng được.

Tương truyền bưng này rất linh thiêng, cá rùa vô số nhưng dân chúng không dám bắt ăn. Quanh bưng, thỏ, nai cũng nhiều, rất tiện cho việc săn thú.

Sự tích hồ này khởi từ một vị Quốc-Vương anh dũng mà dân chúng đã quên mất tên hiệu. Lịch sử ghi lại rằng :

« Ngày kia, nhà Vua cỡi u tây đi đến nhà vị ái phi tên Mukh Ra. Theo hầu Vua chỉ có viên nội thị thân tín tên Tum.

Đến một xóm nọ, nhà Vua thấy một người đẹp rất giống vị ái phi, nhưng khi nhìn kỹ, nhà Vua biết lầm nên bỏ đi luôn.

Khi vào nhà nàng Mukh Ra, nhà Vua giao u tây cho Tum bảo cột dưới gốc cây Krasàn. (1)

Trong lúc đó con vật lắng tai nghe chủ nó nói với người yêu rằng :

— Tá cột u tây dưới gốc cây Krasàn.

Nhưng vì lời nói cách tường nên nó chỉ nghe có 2 tiếng « u tây » và « Krasàn » mà thôi, nó vụt nổi giận nghĩ thầm :

« Nhục nhã cho ta chưa ? Đường đường như vầy mà ta bị chủ đem ra ví với trái cây chua ấy ! Ta đã tận tâm giúp chủ, thức suốt đêm để đưa người hội ngộ với người yêu mà người còn chê bai ta ! »

Giận quá, u tây bứt dây, giật ngã cây Krasàn chạy vào rừng.

Viên nội thị Tum chạy theo.

Nghe động, nhà Vua chạy ra, rượt tiếp. Đến một cách đồng rộng mênh mông, Tum nắm được đuôi con vật, xuống tấn thật vững, kéo lại. Nhưng u tây mạnh hơn giật Tum làm bể một mảnh đất thật lớn.

— Tum Lèn ! Tum Lèn ! (Tum thả ra ! buông ra !)

Viên nội thị nghe lời buông tay, u tây phóng

(1) Một loại trái cây xấu xí có mùi chua.

vào rừng, mang theo tấm thảm chạy chỉ vàng trên lưng.

Nhà Vua giận quá mắng rằng :

— Con thú khốn kiếp, từ rày về sau mầy sẽ ăn toàn gai gốc và uống nước đục mà thôi.

Từ đó về sau, con u tây mang trên lưng một lớp da dầy giống như tấm khảm, nhưng thay vì trơn tru nó lại có lỗ, có hang để rít, bò cạp làm ổ. Nó chỉ ăn toàn gai gốc và uống nước dơ bẩn. Nếu gặp hồ nước trong nó phải quậy cho nổi bùn rồi mới uống.

Chỗ viện nội thị đứng kéo con vật làm sụp xuống thành một cái đầm nước, lấy tên Bưng Tum Lèn.

Làng của vị ái phi Mukh Ra ở được lấy tên nàng đến ngày nay.

Từ làng đến hồ nước cách xa 8 cây số về hướng Đông.

Chỗ Nhà Vua gặp cô gái giống nàng Ái Phi gọi là xóm Prahèl được đổi lại là xóm Prahól, thuộc làng Tà Lò, Phủ Bakàn, tỉnh Pursat. Làng Mukh Ra ở phía Tây Bắc xóm Prahól lối 8 cây số.

Thường thường dân chúng ở gần bưng Tum Lèn hay báo trước cho các quan chức mới đáo nhậm không nên đi trước mặt Bưng vì không thể nào tránh khỏi mất danh giá hoặc bị đổi tức khắc đi một nơi khác.

12. — ÔNG HOÀNG VÀ CÔ THÔN NỮ

Thuở các đấng Tiên Vương Cao Miên còn ngự trị ở Angkor Thom có một vị Quốc Vương rất sùng đạo Phật. Ngài chỉ có một người con trai, nên có ý sợ Thái Tử đi tu như Đức Thích Ca, Ngài không cho Thái Tử ra khỏi Hoàng thành để không gặp những cảnh khổ sở của thần dân, cảnh ốm đau, chết chóc.

Bị giam lỏng trong cung điện từ nhỏ đến năm 19 tuổi, Thái Tử rất muốn ra ngoài phố xá, đồng ruộng để thưởng thức cảnh vật thiên nhiên. Nhiều đêm trằn trọc, ông Hoàng trẻ tuổi ấy nằm lắng nghe những tiếng động từ xa vọng về như tiếng trống bập bùng của đám hát rong, tiếng hát huê tình của những nàng thôn nữ. Thái Tử mơ thấy một cảnh đẹp như bức tranh có cây cối, nhà cửa, vườn ruộng, khác hẳn với lâu đài tráng lệ tô chát vàng bạc mà Thái Tử đã thấy từ ngày còn thơ.

Một đêm kia, Thái Tử đang đi bách bộ dưới ánh trăng sáng vặc, chợt nghe có tiếng tiêu từ ngoài xa vẳng bay theo gió. Tiếng tiêu hình

như có một sức mạnh huyền bí thúc giục Thái tử đến tìm người thổi để được nghe rõ ràng hơn ! Ý nghĩ hoà mình với đời sống nhân dân bừng dậy, Thái Tử nhất định ra ngoài thành tìm người nghệ sĩ vô danh. Thái Tử liền gọi hai tên cận vệ có bổn phận giữ kèm Thái Tử hơn là bảo vệ, truyền lấy rượu uống thưởng trăng. Thái Tử cho phép hai người hầu cùng uống với mình rồi thừa dịp bỏ thuốc mê vào hai chén rượu. Lát sau, cả hai nằm lăn ra ngủ mê man. Thái Tử cải trang, đeo kiếm trèo thành, tiến về phía phát ra tiếng tiêu trầm bổng.

Hình tượng cô thôn nữ khắc trên vách đền

Thái Tử xiết bao kinh ngạc thấy người thổi tiêu là một cô thôn nữ xinh đẹp tuyệt trần. Trong cái chăn, cái áo vải mộc mạc, cô gái có một vẻ đẹp mê hồn, khiến Thái Tử vừa gặp đã rung động bàng hoàng, không thể ngăn cản nổi lòng bồng bột. Ông Hoàng trẻ tuổi ấy ngập ngừng nói rằng :

— Hỡi chư thần Tévoda (1) ơi ! Nàng là ai ? Nhà nàng ở đâu ? Nàng làm nghề gì mà thổi tiêu hay như thế này ?

Cô thôn nữ ngừng thổi, dịu dàng đáp :

— Tôi không phải là thần dân của xứ Cao Miên hùng vĩ, tôi vốn là Công chúa một vương quốc ở cách đây rất xa, vì muốn sống với núi rừng, với muôn loài cầm thú mới bỏ cung vàng, điện ngọc ra đi với cái ống tiêu này. Tôi có tài thổi tiêu làm mê mẩn loài dã thú nên mỗi ngày chúng tìm thức ăn đến nuôi tôi. Tôi không có nhà vì không ở nơi nào nhất định. Khi thì ở trong hang đá, khi thì nằm võng treo trên cây. Lâu ngày sống với thiên nhiên, tôi muốn ra chốn thị thành viếng thăm một buổi, chẳng may tiếng tiêu thô kệch này lọt đến tai Ngài.

Thái Tử nói :

(1) Tévoda là những vị thần phò hộ hạnh phúc cho thiên hạ theo thần thoại Bàlamôn.

— Ta là Thái Tử cải trang để trốn khỏi cung vì nghe tiếng tiêu của nàng. Trước mắt ta có hàng trăm phi tần, cung nữ mà không người nào được ta chú ý. Từ nhỏ đến lớn ta mới biết tình yêu ngay khi ta vừa gặp nàng. Hỡi nàng Công chúa yêu kiều, ta xin nàng nhận lời ta yêu cầu, nhận tấm lòng ta thương kính nàng. Sau này ta sẽ là một vị Quốc vương hùng mạnh của Cao Miên và nàng sẽ là Hoàng Hậu, là mẫu nghi của thiên hạ.

Cô thôn nữ không ngờ người trai nói chuyện với mình là vị Thái Tử đương Triều, nàng vội vàng sụp xuống lạy chào ông Hoàng đa tình và thành thật.

Thái Tử ngồi xuống đỡ tay cô gái, dịu dàng nhìn người đẹp chờ câu trả lời.

Thôn nữ khép nép tâu :

— Thưa Thái Tử ! Được Thái Tử có lòng nghĩ đến tấm thân bèo bọt, tội còn mong ước gì hơn nữa, nhưng trước khi thi hành ý định, Thái Tử có thể chứng tỏ tình yêu chân thật của mình bằng các giúp tôi được thoả lòng mong muốn hay không ?

Thái Tử cười :

— Ta sẽ làm Chúa Tể giang sơn này mà không thể làm thoả ý mnốn của nàng hay sao ?

Nàng muốn gì ta sẽ tìm cho, dù có hao tốn bao nhiêu, khổ cực thế nào ta cũng quyết làm vừa ý nàng,

Thôn nữ nói :

— Tôi có ba điều ước, thứ nhất là một cái gương bọc vàng, thứ nhì là một cái lược ngà và thứ ba là một xâu chuỗi kim cương.

Thái Tử cười to :

— Nàng sẽ có trăm ngàn gương lược và chuỗi như thế.

Thôn nữ mỉm cười sung sướng :

— Thật sao ? Thái Tử hứa cho tôi ba món ấy chứ ?

Thái Tử tỏ vẻ thương hại cô gái ít tham vọng :

— Ta hứa chắc với nàng như thế.

Thôn nữ dằn giọng :

— Xin Thái Tử thề cho tôi tin.

Thái Tử ngạc nhiên :

— Nàng không tin lời hứa của một vị Hoàng Tử đối với ba món vật tầm thường như thế hay sao ?

Thôn nữ van nài :

— Nhưng Thái Tử đã nói yêu tôi thì nên thề cho tôi tin.

Để vừa lòng người đẹp, Thái Tử đưa tay thề :

— Tôi xin thề giữ lời hứa, nhân danh Đức Vua cha của tôi.

Cô thôn nữ chưa bằng lòng :

— Không ! Không ! Xin Thái Tử thề với Thần Visnhou kìa !

Thần Visnhou (1) là vị tối đại linh thần đã phò hộ vương quốc Cao Miên từ khi mới dựng nước, được từ vua đến dân sùng kính. Khi kẻ nào thề trước tượng thần hoặc nhân danh Thần thì có chết kẻ ấy cũng phải giữ lời hứa.

Ông Hoàng đa tình phát lạnh mình khi nghe đến tên Thần. Trong thâm tâm, Thái Tử cảm thấy có điều gì quan trọng lắm. Nhưng trước vẻ đẹp mỹ miều, đôi mắt van lơn của cô thôn nữ, Thái Tử không nghĩ đến những điều tai hại về sau, liền dõng dạc chấp tay long trọng thề.

Cô thôn nữ xích lại gần Thái Tử ngả đầu vào vai ông Hoàng mà rằng :

— Kể từ đây, thiếp là vợ của Thái Tử, đời thiếp sẽ gắn liền với Thái Tử không phút nào rời.

(1) Một trong ba vị thần sáng tạo Trời, Đất theo thần thoại Bàlamôn.

Trước khi cử hành hôn lễ, thiếp xin Thái Tử tìm cho thiếp ba món vật ấy. Chắc Thái Tử đã biết Đức Vua cha có một cái gương bọc vàng chạm cảnh trận mạc do một cường quốc tặng, mà hiện thời nàng ái phi sùng ái nhất của Phụ hoàng cất giữ. Thiếp muốn cái gương ấy. Thái Tử có biết bà vợ quan Thượng Thơ có cái lược ngà cần ba trăm hột trân châu không? Thiếp muốn cái lược ấy. Thái Tử hẳn thường thấy xâu chuỗi kim cương đeo trên cổ tượng vị Nữ thần trong đền thờ của Hoàng tộc. Thiếp muốn xâu chuỗi ấy.

Thái Tử choáng hồn, bật đứng dậy:

— Hỡi thần Visnhou! Nàng muốn cho ta thành tên ăn trộm hay sao?

Cô thôn nữ đứng lên nắm tay Thái Tử:

— Thái Tử không yêu thiếp sao? Thái Tử mới hứa và thề đây mà. Thái Tử ơi! Thái Tử chỉ cho thiếp ba món vật ấy mà được thiếp hầu hạ bên mình; thiếp sẽ hết lòng phục dịch Thái Tử, thiếp sẽ thổi tiêu cho Thái Tử nghe, nhảy múa cho Thái Tử xem, ca hát cho Thái Tử giải sầu...

Thái Tử không để cô gái nói tiếp, kéo nàng vào lòng, thủ thỉ:

— Được rồi! Ta sẽ đem ba vật ấy đến đây trong đêm mai cũng vào giờ này.

*

Hôm sau, trời vừa sụp tối, Thái Tử cải trang làm một tướng cướp dữ tợn, mang gươm lẻn vào hồ tắm của các cung phi, nấp vào một xó. Lát sau, nàng Ái phi của nhà vua quen lệ ra hồ tắm dưới ánh trăng. Nàng cầm theo cái gương để ngắm vẻ đẹp của mình xem có vừa ý nhà Vua chăng?

Chờ khi nàng cung phi ngâm mình dưới nước, Thái Tử nhảy ra đưa gươm doạ đám thị tỳ, giật cái gương chạy thẳng.

Sau đó, Thái Tử đến nhà quan thượng Thư, trèo tường vào phía sau vườn. Hồi chiều, Thái tử đã biết ông Thượng Thư dự tiệc trong tư dinh của quan Thừa Tướng chỉ có bà vợ và đứa con gái ở nhà. Thái Tử nấp trong bóng tối đi lần tới trước, thấy bà quan đang ngồi trò chuyện với cô gái. Trên đầu vị mệnh phụ có cái lược cẩn kim cương lấp lánh như một vòng hào quang. Thái Tử nhảy tới khoa gươm đâm vào cổ thiếu phụ, lấy cái lược thoát ra ngoài.

Được hai món vật khó lấy rồi, Thái Tử chỉ còn lẻn vào đền thờ gỡ xâu chuỗi trên cổ Tượng Nữ Thần là xong lời hứa.

Nhưng trên đường đi đến chỗ hẹn với người yêu, Thái Tử cảm thấy lòng mình không còn bồng

bột nữa. Hành động trộm cắp và giết người đàn bà vô tội đã khiến Thái Tử tự khinh mình, nhờm gớm mình. Bao nhiêu việc làm xấu xa, bỉ ổi ấy chỉ vì một cô thôn nữ xinh đẹp, chỉ vì tiếng tiêu quyến rũ đã làm cho một vị Thái Tử mất hết lương tri.

Vẳng xa xa, tiếng tiêu vang lên như thúc giục, như đợi chờ, nhưng Thái Tử thấy lòng mình lạnh như băng, và cô thôn nữ là một người đáng phỉ nhổ hơn là yêu kính.

Thái Tử cầm ba món báu vật thần thờ đến gặp cô thôn nữ, đặt vào tay nàng mà rằng :

— Ta đã giữ lời hứa với nàng, nhưng để làm vừa ý nàng, ta đã ăn cắp và giết một mạng người. Ta tự thấy không xứng đáng làm người nữa nên xin nàng đừng nghĩ đến ta. Hãy cầm lấy báu vật và đi ngay !

Nói xong, Thái Tử ôm mặt tức tưởi chạy về cung.

*

Ba hung tin tới tấp bay đến Triều Đình khiến Nhà Vua kinh hoàng đến bất tỉnh.

Không ai biết thủ phạm là ai mà thủ đoạn cao cường đến thế. Trong vòng mấy giờ đã cướp ba món báu vật và giết một người. Lịnh truy nã tên sát nhân được ban hành khẩn cấp giữa lúc

Thái Tử lặng lẽ vào thăm Vua cha và thú nhận hết tội lỗi của mình.

Nhà vua là một đấng anh quân, không vì tình riêng mà tha thứ cho đứa con duy nhất sẽ nối nghiệp mình. Ngài truyền giam Thái Tử vào ngục, công bố tội trạng và ra lịnh bắt cô thôn nữ.

Báu vật hoàn chủ cũ, vị Thượng Thư được bồi thường xứng đáng như lòng hằng mong ước : Nhà Vua sẽ cưới cô con gái cho Thái Tử sau khi Thái Tử đền xong tội phạm.

Cô thôn nữ bị xử tử hình bằng độc dược gọi là lối chết êm ái nhất để giữ vẹn hình hài.

Ông Hoàng đa tình xin phép Vua cha cho tạc tượng nàng bằng đất sét. Khi Thái Tử nối ngôi cha, người bảo thợ khắc tượng cô thôn nữ thổi tiêu vào vách đá của đền Angkor, hóa trang thành tiên nữ Apsara (1) trên Thượng giới.

(1) Apsara là tiên nữ thường bay theo hầu các vị thần theo thần thoại Bàlamôn.

13.— TRUYỆN NÀNG CÔNG-CHÚA BỊ SẤU GẮP

Vào thời kỳ toàn thịnh của dân Miên, kinh đô đóng ở vùng Oudong có một vị Quốc-Vương có nàng Công-Chúa rất đẹp.

Một hôm, Công-Chúa ra hồ sen ngồi xuống bẻ hoa với đám nữ tỳ, chợt gặp một gã thanh niên tu theo đạo Tiên biết biến hóa ra hình thú. Gã nầy nhìn Công-Chúa không nháy mắt trong lòng phát động, bèn lui về quán trọ bàn mưu kế bắt Công-Chúa với một người bạn.

Nguyên gã ở núi Kan Rei vừa hạ sơn với thầy vào chầu Vua. Sư phụ của gã mắc hầu chuyện cùng Quốc-Vương, để gã ở trong quán dịch với người đồng bạn. Tài lực của gã chưa được hoàn mỹ cho lắm vì gã còn đang luyện tập. Gã chỉ có thể hóa hình thú trong 3 ngày rồi phải nhờ thầy làm phép mới hoàn hình người lại. Vì thế gã nhờ bạn sau 3 ngày phải cho thầy hay để cứu gã. Dặn dò xong, gã biến làm con sấu lặn xuống ao dùng đuôi đánh lật xuống gắp Công-Chúa lội đi.

Đám nữ tỳ hoảng hốt la ó lên, quân lính vội vàng rượt sấu cứu Công-Chúa. Bị vây quá ngặt, sấu thoát ra sông Tonlésap xuôi về ngả

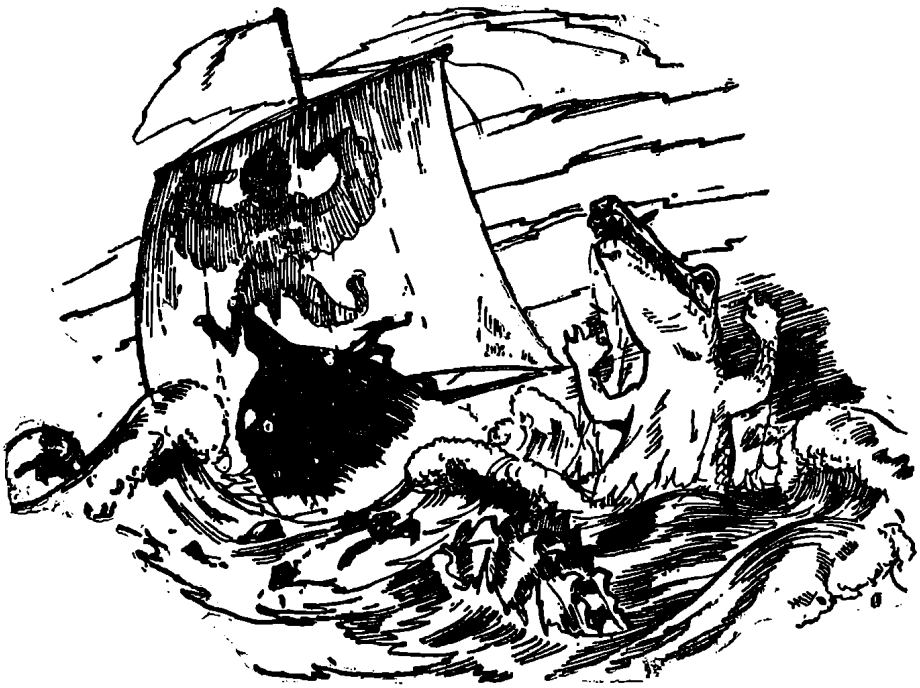

Con sấu không có thầy giúp trở lại hình người bị phép hành chết giữa dòng sông

Nam Vang ngày nay và ngược dòng Cửu-Long chạy đến khỏi tỉnh lỵ Kratié. Vượt khoảng đường dài hàng 400 cây số ấy, sấu phải mất ba ngày.

Công-Chúa không chịu nổi các vết thương do hai hàm răng sấu quặp vào bụng, và không thể chịu đói, chịu lạnh ngần ấy ngày nên đã chết từ lâu.

Phần sấu, đúng thời hạn của phép biến hóa mà không có thầy giúp sức cho biến lại thành người, sấu vẫn giữ nguyên hình là sấu và bị phép hành phải chết ngay.

Ở triều, tên đồng bạn của gã thanh niên có thưa với thầy tự sự, nhưng ông đạo không biết làm sao cứu trò, vì nó đã đi quá xa. Hơn nữa, ông biết trước rằng Công-Chúa không thể nào sống được sau một ngày ngâm nước, thì dù có cứu trò tất nhiên cơ mưu bại lộ, ông sẽ bị tội trước triều đình. Ông vờ không biết gì cả, từ giã Quốc-Vương về núi.

*

Nàng Công-Chúa chết oan thành thần rất linh-hiển. Nàng nhập vào đồng cốt nói rõ tai nạn đã xảy ra để dân chúng về Trào tâu Vua cha.

Người trong vùng xây tháp thờ Công-Chúa nhưng lạ lùng thay người ta chỉ xây được 3 mặt, còn mặt chính thì không thể hoàn thành. Người nào đứng xây cũng lăn đùng ra phát đau liệt giường phải bỏ dở.

Có kẻ cất xong thì tự nhiên cửa ấy đổ sụp xuống. Sự hiển hích này kéo dài từ ngày ấy đến bây giờ, tính ra có gần 500 năm, ngôi tháp thờ vẫn có ba bức vách.

Mãi đến thế kỷ thứ 20, lúc Thái-Tử Sihanouk còn ở ngai vàng tuần du qua vùng ấy, nghe thuật chuyện, Ngài bèn vái Công-Chúa xin cho Ngài tự tay đặt viên đá đầu tiên, thì được Công-Chúa chấp thuận. Cửa tháp xây được hoàn thành.

Tương truyền nàng Công-Chúa muốn một người thật đúng đắn có địa vị cao quí trong Hoàng tộc xây cất nàng mới chịu ở trong tháp.

Hiện giờ, du khách đến vùng ấy sẽ thấy có 3 ngôi tháp thờ nàng Công-Chúa cất gần nhau.

Ngôi chính giữa chính là của dân chúng trong vùng cất và Đức Thái-Tử xây cửa chính.

Ngôi phía Bắc là của người Xiêm kính trọng Công-Chúa mà cất một ngôi để thờ.

Ngôi phía Nam là của Đức Vua Cha, lên

đến nơi làm lễ cầu hồn Công-Chúa, cho xây để thờ con.

Người trong vùng đồn rằng : « Không ai chụp được hình ngôi tháp chính giữa vì Công-Chúa không cho phép. Sự thật thì không phải thế, chỉ vì du khách ghé chơi chụp hình rồi đi luôn không gởi biếu thổ dân, nên họ cho rằng kẻ kia chụp không có hình ! »

14.— MỘT NÀNG CÔNG CHÚA KHÓ TÁNH

Thuở đất Miên còn chia làm nhiều lãnh thổ, một trong các Quốc-Vương có nàng Công-Chúa đẹp như tiên.

Một hôm trời mưa dai dẳng, Công-Chúa cảm thấy buồn vô hạn. Đến khi dứt hột, ánh nắng chiếu lên, nàng vẫn đứng thẫn thờ trước cửa sổ, mơ màng nhìn những giọt nước cuối cùng nhểu từ đám lá cây, rơi xuống đầm sen tạo thành những hạt trai muôn màu lóng lánh.

Công-Chúa vụt thấy vui mừng nét mặt tươi hẳn lên. Nàng chạy tìm Vua cha, quỳ xuống tâu rằng :

— Tâu Phụ Vương ! Phụ Vương là một đấng chí tôn, sức lực địch muôn người. Con xin Phụ Vương cho con một xâu chuỗi hạt sương để con đeo trong ngày thành gia thất.

Nhà Vua ngạc nhiên, phán rằng :

— Ô hay ! Con muốn một xâu chỗi hạt sương ! Không thể nào làm được đâu !

Công-Chúa phụng phịu tâu :

— Thưa Phụ Vương, con thiết nghĩ không có gì là không thể làm được đối với Phụ Vương, như Phụ Vương thường phán. Chỉ cần Phụ Vương ra lịnh một tiếng thì những gì khó khăn thế nào đi nữa cũng có thể thành tựu dễ dàng như gặp phép Tiên. Phụ Vương ơi ! Con là đứa con duy nhất của Phụ Vương, một vị Hoàng Đế ngự trị cả thế giới cao rộng này, Phụ Vương không thể cho con một món nữ trang mà không có người nào có được và không thể tưởng được hay sao ?

Công-Chúa xin Vua cha cho thợ làm xâu chuỗi bằng giọt sương

Nhà vua xiêu lòng trước lời năn nỉ của đứa con yêu, ra lịnh cho tất cả các thợ kim hoàn trong lãnh thổ phải làm trong thời hạn một tháng cho xong xâu chuỗi hạt sương, bằng không sẽ bị ở tù.

Quả thật là một tin sét đánh cho toàn quốc. Muôn dân vội vàng đem nộp nhiều xâu chuỗi hạt trai, hạt xoàn tốt nhất, đẹp nhất, khéo nhất, xinh nhất mà không xâu nào vừa ý Công-Chúa. Nàng hăm sẽ tuyệt thực nếu đến cuối tháng mà không ai tìm được món nữ trang vừa ý nàng.

Ngày cuối cùng trôi qua ! không có xâu chuỗi nào cả ! Các nhà làm vàng than khóc dậy trời nhưng lịnh Vua vẫn được thi hành đúng đắn. Tất cả thầy thợ đều vào khám.

Nàng Công-Chúa khó tánh vào phòng riêng nằm dài nhịn đói. Thiên hạ lấy làm lo sợ trước tánh cương quyết của nàng, cả đến Nhà Vua cũng vô cùng lo lắng. Ngài khuyên dỗ thế nào Công-Chúa cũng không nghe nhất định nằm chờ chết, nếu không có xâu chuỗi.

Giữa cơn bối rối, một cụ già xin vào bệ kiến và dâng xâu chuỗi hạt sương.

Nhà Vua mừng rỡ không cùng vội vàng rước vào hỏi xem.

Cụ già tâu rằng :

— Tâu bệ hạ, thần có cách làm ngay xâu chuỗi trước mặt Công-Chúa, vậy cúi xin bệ hạ cho phép vời Công-Chúa ra đây thần sẽ thực hành ngay.

Nhà Vua liền cho thị nữ vào phòng đỡ Công-Chúa ra. Nàng nghe tin mừng thái quá vụt chạy đến sân chầu.

Cụ già thong thả thưa :

— Thưa Công-Chúa, lão có cách mài dủa các hạt sương thành một xâu chuỗi đẹp nhất trần gian, chỉ hiềm có điều là xin phiền Công-Chúa hứng các giọt sương đem cho lão, lão sẽ khởi công ngay.

Thoạt nghe, Công-Chúa vẫn còn mừng và hy vọng nên lấy dĩa đón các giọt nước ở mái đền. Nhưng phí công vô ích, bao nhiêu giọt đều hòa nhau thành một khối nước đọng. Bấy giờ, Công-Chúa mới tỉnh ngộ trước sự đòi hỏi oái oăn của mình bèn xin lỗi Vua cha và bái tạ ông già.

Nhà Vua truyền thả mấy ông thợ bạc, ban thưởng tiền thiệt hại với những lời an ủi, vỗ về.

15. – SỰ TÍCH NÚI ĐÀN ÔNG VÀ NÚI ĐÀN BÀ

(Hay là « Tục đàn ông cưới vợ »)

Cách đây rất lâu, nước Cao-Miên có một vị Nữ-vương nối nghiệp cha cầm quyền thiên hạ. Nữ-vương xinh đẹp tuyệt trần ; khắp cả nước không có người nào sánh kịp. Nàng tên Srey Actya, lên ngôi báu năm vừa hai mươi tuổi.

Lúc ấy nước Cao-Miên rất hùng mạnh, oai thế Nữ-vương vang dậy khắp nơi. Đáng lẽ Actya sung sướng với địa vị mình lắm, nhưng trái lại nàng có một điều thắc mắc khó giải quyết được dễ dàng. Ấy là vấn đề hôn nhân của nàng.

Theo tục lệ người con trai phải đi dạm hỏi và xin cưới cô gái, nên trước uy lực của Nhà Vua không ai dám ngỏ ý cầu hôn. Mặc dầu Actya đẹp đến thế nào dân chúng chỉ tôn thờ như một Bà Tiên, một vị Thiên Thần mà thôi.

Actya chờ đợi quá lâu không thấy người nào đến hỏi, bèn tự ý quyết định tìm một người chồng.

Sau một thời gian chọn lựa, nàng « cưới » một chàng trai trẻ trong dân gian và sống êm

đêm đến mãn đời. Nữ-hoàng sanh được nhiều con nối nghiệp cai trị nước.

Hành động đột ngột của Srey Actya thành một tục lệ trong thời ấy. Phụ nữ phải đi « cưới » chồng như người đàn ông đã cưới vợ ngày trước.

Sau khi Nữ-vương Actya băng hà, đại đa số phụ nữ không bằng lòng giữ thủ tục trái ngược ấy. Họ hội nhau lại bàn cãi và đề cử một bà lanh lợi nhất đứng lên hô hào.

— Vì tôn kính Đức Vua nên chúng ta đã vâng theo tục lệ Ngài ban bố mấy mươi năm nay. Bây giờ Nữ-vương đã về Trời chúng ta xét rằng việc làm ấy không thuận theo định luật của Hóa-Công, nên phải tìm cách hủy bỏ nó. Không có gì nhục nhã cho phái phụ nữ chúng ta là phải đi « cưới » đàn ông, và cung phụng đám người lưng lớn và làm biếng. Chúng ta nhất định phản đối đến cùng. Chị em có bằng lòng không ?

Tất cả đàn bà, con gái có mặt điều giơ tay hưởng ứng.

Bà ấy tiếp :

— Tôi đưa ra một kế-hoạch : chúng ta « đố » bọn đàn ông thi tài với chúng ta bằng cách đua nhau đắp hai hòn núi trong một đêm. Chúng ta gọi người của phái yếu, còn họ gọi

hết người của phái mạnh, bắt đầu từ mặt trời lặn đến lúc Sao Mai mọc thì tính ăn thua. Nếu chúng ta đắp núi cao hơn họ thì kể từ đây về sau bọn đàn ông phải cưới hỏi chúng ta, trái lại, nếu họ đắp núi cao hơn ta thì ta phải «cưới» họ như cũ. Ngoài ra kế này có chị em nào biết cách khác xin cứ trình bày để chúng ta lựa chọn.

Không người nào nghĩ ra mưu gì hay hơn liền chấp thuận chước ấy.

Lập tức phái yếu cử người đến thách bọn đàn ông. Phái mạnh không chịu thua, bằng lòng thi tài ngay buổi chiều hôm sau.

Hai bên qui tụ nhân-viên đầy đủ rồi, chờ mặt trời lặn thì bắt đầu đắp núi. Mọi người hăng hái gánh đất, khiêng đá, hì hục trong đêm tối không trăng sao.

Đến nửa đêm, hai bên đã đắp được hai ngọn đồi.

Bên phe đàn bà có người nghĩ ra một chước nhiệm mầu, bí mật chặt một cây tre thật cao, tước bỏ nhánh lá, đem trồng cách đó một khoảng xa. Trên ngọn tre, người ấy treo một ngọn đèn, rồi lẳng lặng trở về gánh đất như cũ.

Bọn đàn ông đang chăm chú làm việc

bỗng thấy ánh sáng leo lét đàng xa tưởng rằng Sao Mai đã mọc bèn gọi nhau về ngũ chờ sáng sớm sẽ ra đo núi mình với núi của phe đàn bà.

Phái yếu thấy mình đắc kế, hăng hái làm việc bằng hai.

Gà gáy sáng, bọn đàn ông thức dậy thấy Sao Mai mọc nữa! Họ lấy làm lạ không hiểu tại sao trong một đêm mà vì tinh tú ấy mọc đến hai lần, bèn chạy ra xem.

Khi thấy ngọn núi của họ thấp hơn núi của phe đàn bà và cây đèn treo lủng lẳng trên ngọn tre, họ mới bật ngửa ra tự mắng thầm mình là đồ ngu và làm biếng.

Phe đàn bà gạt được đối phương, cố ý để cây đèn cho bọn đàn ông biết sự khờ dại của mình vừa cười vào mũi họ.

Thua cuộc, đàn ông phải vâng theo đề-nghị của phái yếu bải bỏ tục lệ chờ đàn bà đến cưới mình.

Từ đó đến bây giờ đàn ông Cao-Miên phải đi hỏi cưới đàn bà mới được vợ.

Hai ngọn đồi nhân tạo ấy vẫn còn ở làng Anpin, quận Brey Chor, tỉnh Kompong Cham. Ngọn đồi cao tên là Phnom Srey nghĩa là núi đàn bà, ngọn đồi thấp tên Phnom Prok nghĩa là núi đàn ông.

16.— SỰ TÍCH ANGKOR WATH VÀ WATH-NOKOR

Lâu lắm rồi, ở vùng đất thuộc tỉnh Kompong-Cham ngày nay có bậc dị nhân cao lớn vô cùng, bề dài bàn chân đo đúng bảy gang tay ! Dân chúng tôn sùng không dám gọi tên thật, truy tôn là ông « Khổng Lồ ». Dị nhân mạnh dạn phi thường lại tinh thông pháp thuật. Người có một cô em gái tướng mạo hiên ngang, tài phép có phần xuất sắc hơn anh tuy hình dung nhỏ nhắn như người thường.

Ông Khổng-Lồ toán thiên cơ, biết rằng người Âu Tây sẽ đến thống trị dân Miên, mới tìm cách ngăn đường địch tiến theo dòng Cửu-Long giang. Ông gánh hai gánh đá tảng thật to tự tay ông moi trong núi nhẹ nhàng đi ra bờ sông đổ úp xuống. Nhưng khi một đầu vừa đưa ra khỏi bờ được phân nửa thì đòn gánh vụt gãy lìa. Nửa phần gánh rơi xuống sông, nửa phần nằm trên bờ ; còn đầu gánh kia chất đống trên ruộng thành một ngọn đồi nhỏ. Di tích này đến nay vẫn còn trên bờ Mékong. Những lái thương hồ chèo ghe

đi khỏi chợ Kompong-Cham gần đến quận Stung Trâng thường hay ghé vào đống đá nằm hóng mát khi chiều xuống.

Biết rằng cơ Trời đã định, ông Khổng-Lồ vẫn không nao núng, cố gắng thử một lần nữa. Ông tính với người em thi nhau mỗi người cất một ngôi chùa. Nếu ông cất rồi trước thì nước Cao-Miên không bị họa đô hộ, trái lại nếu cô em lẹ tay hơn thì non sông sẽ bị ngoại nhân chiếm cứ.

Vu phiền trước họa xâm lăng

Dấu hiệu thông tin là một ngọn đèn treo trên chót tháp cao nhất của ngôi chùa. Người nào cất xong phải đốt ngay cho người kia biết.

Người em gái bằng lòng đi đến biên thùy Miên Thái cất chùa Đế Thích (Angkor Wath).

Người anh ở lại phát họa một ngôi chùa không kém phần to tát nguy nga. Ông lấy đất vỗ từng khối to, thọc bốn ngón tay khuân lên, chất chồng cao làm một vòng thành rộng, bốn phía có cửa ra vào y như tường thành Vua.

Bị ám ảnh vì họa vong quốc, ông cứ trông chừng về hướng người em đi, lòng nơm nớp sợ người em treo ngọn đèn trước hơn ông thì khốn. Ông biết tài cô em có phần hơn mình nên càng cố sức làm việc không ngừng.

Đắp xong bốn bức tường bằng đất, ông lấy nước phép — người Miên gọi là « Tức Smách » — rưới lên biến đất thành đá. Đoạn ông khởi công xây nền chùa ở giữa vòng thành.

Nhưng một buổi sáng, ông thấy ngôi sao Mai lấp lánh trên ngọn cây, vụt tưởng lầm là ngọn đèn hiệu của người em đốt trên chót tháp suốt ngày đêm, liền chán nản, bỏ hết công việc vào nằm nghiêng dưới mái lá che tạm trên nền chùa định cất.

Ông nằm yên không ăn uống, không cử động

gì cả. Đến khi người trong xóm phát giác ra thì ông đã hóa thành đá.

Tin ấy truyền lần đến Đế-Thích vào lúc cô em đặt viên đá cuối cùng.

Thảm thương anh, cô vừa đi vừa khóc suốt ngày đêm. Một mình thui thủi giữa rừng sâu, cô đi không nghỉ, không kể ngày đêm đến lúc dừng chân giữa một khu rừng dầy thì toàn thân vụt hóa thành đá.

Thổ dân trong vùng ghé chiêm ngưỡng người thiêng, ngạc nhiên thấy nước mắt vẫn chảy như người thường.

*

Ngày nay đền Angkor Wath là một kỳ quan của hoàn cầu.

Vòng thành của ông Khổng-Lồ được gọi là Wath Nokor nghĩa là Chùa Nokor ở sát cạnh thành phố Kompong-Cham. Những tảng đá có bốn lỗ tròn ăn sâu vào vẫn còn y như lời truyền lại, bề rộng của lỗ vừa bằng ngón chân cái của ta. Tượng đá ông Khổng-Lồ vẫn còn nằm nguyên dưới đất không ai dám dời đi nơi khác.

Tượng đá người em gái vẫn còn đứng ở giữa rừng khoảng gần huyện Kompong Thmar.

Người đời sau cất một ngôi chùa trong vòng

thành để thờ cúng hai người xưa, lấy tên là chùa ông Khổng-Lồ.

Cách vài mươi năm trước, ngay cửa chùa này có tượng đá ông Tà Bụng. Tục truyền trước khi vào chùa lễ Phật, kẻ dâng hương phải cúng ông Tà mới được vào. Lễ vật là á-phiện.

Mỗi người mua một hộp nhỏ đem đến vái van cầu con, ký bán con hay cầu trúng số xong thì lấy á-phiện trét vào miệng ông Tà. Phần thuốc còn trong hộp phải để lại dưới chân ngài.

Lộc thánh có đến tay người mê tín hay không chẳng biết, chứ ông Từ giữ chùa chuyên môn bán nùi vải chùi miệng ông Tà cũng thâu lợi khá nhiều, những số thuốc còn dư thì ông đốt ra khói hết. Thế nên ông nghiện nặng gấp 10 dân nghiện nặng thiệt thọ ở ngoài đời.

17.— PHÓ TƯỚNG KRAHAM-KÂ VÀ PHÓ TƯỚNG YAT

Vào năm 1601, kinh đô còn gọi là Lovek, nước Cao-Miên bị quân Xiêm đánh phá ở biên thùy. Quan Tỉnh-trưởng Kompong Soay, thống lãnh binh mã ngừa giặc, được lịnh triệu tập tất cả lực lượng trong vùng kéo ra giàn trận. Sắp đặt an bài thì trời sụp tối, quan vào một ngôi chùa gần vệ đường đóng tạm, sau khi cắt quân canh gát khắp nơi.

Cùng lúc ấy có một tên dân thường ở làng Santouk tên Chey lỡ độ đường xin vào chùa tá túc. Hắn ngủ không yên giấc, suốt đêm la hoảng từng chập. Vị Sãi Cả kêu hắn hỏi nguyên do, thì hắn thuật những điềm chiêm bao vừa thấy. Vị Sãi không kể lại cho ai biết chỉ nói một câu với cậu tiểu rằng:

— Con hãy nhìn ông Chey! Ông ta sẽ giữ chức Phó Tướng và sẽ thay quan Tỉnh-trưởng đang điều khiển ba quân.

Sáng lại, Chey xin đăng làm lính trơn.

Đến ngày tiến binh, Quan Tỉnh-trưởng không ra lịnh gì cả, vì quan sợ thua và sợ chết. Quân sĩ thì thầm với nhau. Chey phàn nàn:

— Chúng ta có sợ gì bọn Xiêm nhưng tại sao không được ra trận kia.

Vị Tỉnh-trưởng đứng sau lưng Chey, hỏi rằng:

— Mầy có dám đánh bọn Xiêm không? Chúng nó kia kìa. Ra đi!

Chey khẳng khái đáp:

— Nếu tôi ở vào địa vị quan tôi sẽ ra đánh liền, nhưng tôi là lính trơn làm sao dám đánh một mình được?

Bàn định mưu kế chống giặc

Quan vẫn sợ, nhất định áng binh bất động, làm sớ tâu với nhà Vua về chuyện tên Chey. Vua cho đòi Chey vào chầu, phán hỏi :

— Nhà ngươi không sợ bọn Xiêm phải không?

Chey tâu :

— Dạ, nếu Bệ hạ cho phép tôi sẽ đánh ngay.

Nhà Vua gật đầu :

— Tốt lắm! Trẫm bằng lòng nhà ngươi và phong chức Phó Tướng, lấy tên là Kraham-Kâ, toàn quyền điều khiển quân lính ở biên cương.

Chey hứa sẽ đánh tan bọn xâm lược.

Nhà Vua mời vị quan hèn nhát về làm dân và giao ấn soái cho Chey, lại cấp một viên tùy Tướng Chaukrom là em của một Thứ Phi được Vua sủng ái nhất.

Phó Tướng Kraham-Kâ vừa đến Kompong Soay nhận chức, liền hội các Tướng sĩ, bàn tính địa thế của địch và ra lịnh tấn công liền. So sánh lực lượng đôi bên thì quân Miên ít hơn và yếu thế hơn, nên Phó Tướng dùng mưu trá bại, gạt quân Xiêm đuổi theo rồi bất thình lình phản công trở lại. Ngài truyền lịnh chặt tre kéo dưới đất cho nổi bụi lên để quân địch tưởng lầm quân Miên đông hơn. Trong số tùy Tướng cầm đầu từng Tiểu-đội có Chau-Krom không phục Phó Tướng vì hắn cho Phó Tướng là thường dân xuất

thân mà ở địa vị cao hơn hắn, thế nên hắn dặn quân sĩ kéo nhành tre khỏi mặt đất để quân Xiêm biết mưu sâu mà giết chết Phó Tướng.

Kraham-Kà tức giận bắt Chau-Krom chém đầu rồi ra lịnh tiến binh.

Quân Xiêm thấy bụi bay lấp trời hoảng sợ, vội vã tháo lui, bị quân Miên rượt theo chém giết, đại thắng trận đầu.

Ở trào, bà Thứ Phi hay tin em chết, làm đơn đầu cáo. Phó Tướng phải trở về ra Tòa đối chất. Ngài hỏi người đứng kiện, cho mời ra, rồi xuống lịnh chém bà Thứ Phi tức thì. Đoạn Ngài trở về trận tuyến xua quân đánh nữa.

Đến một trận cuối cùng, quân Xiêm rượt quân Miên đến bờ sông, Phó Tướng sai quân quăng hết nồi gạo xuống nước và ra lịnh :

Gạo hết ta sẽ chết đói, hãy quay lại đánh quân Xiêm để lấy gạo ăn!

Quân sĩ tràn qua trận địch liều chết để tìm cái sống, cố sức đánh tan đối phương.

★

Thắng trận, Kraham-Kà mang gông về trào xin Vua giết mình về tội giết Thứ Phi và em vợ Vua, nhưng Vua tha tội và cho trấn nhậm tỉnh Kompong Soay.

Kraham-Kâ về nhà thấy vợ đang may áo. Bà vợ cầm kim đâm chồng. Phó Tướng chạy quanh nhà để tránh. Bà vợ cả cười nói:

— Ông đánh quân Xiêm được mà sợ kim đâm như kiến cắn.

Phó Tướng phát thẹn vì câu nói ấy liền chất củi tự thiêu mình. Lửa không bắt cháy vì củi còn tươi, hơn nữa không ai chịu đốt. Phó Tướng châm lấy và gọi tên Mọi Chlong tên là Yat thổi giúp. Phó Tướng đứng mà chết thiêu.

Tin buồn bay đến triều đình, Nhà Vua hỏi các quan có ai thay thế chăng? Các quan tiến cử tên Mọi Yat vì hắn theo hầu Phó Tướng rất lâu và hiểu rõ các mưu lược. Nhà Vua gọi Yat vào triều phong chức Phó Tướng trấn nhậm biên cương.

Phó Tướng Yat trở về tỉnh cưới bà vợ của chủ mình và ở luôn trong nhà.

*

Dân chúng trong tỉnh Kompong Soay không chịu phục Phó Tướng Yat vì Ngài là người Mọi.

Yat không phản đối, ngầm lấy một khúc gỗ Tatrao, là giống cây quý để dành cất đền Vua, cất chùa và tạc cốt Phật, để nằm dưới chân thang tỉnh đường. Người nào có việc vào văn phòng

tỉnh lỵ, đều phải bước lên khúc gỗ ấy mới đến các nấc thang.

Một tháng sau, Yat lấy gỗ ấy tạc cốt Phật, dân chúng quì lạy rất thành kính.

Yat nói :

— Chúng bây thấy thì lạy chớ không nhớ khúc gỗ nầy chúng bây đã bước lên một tháng rồi. Xem thế có khác gì ta được Nhà Vua phong là Phó Tướng mà chúng bây không phục vì ta là Mọi. Ngày nay nếu kẻ nào tỏ ý bất kính, ta sẽ chém đầu.

Dân tỉnh ngộ trước khối óc cao kỳ của người Mọi đều tỏ dạ thành kính ăn năn.

*

Ngày nay, ta còn thấy trong một ngôi chùa ở tỉnh Kompong Thom có 3 tượng chạm dính vào một khối đá mang tên Phó Tướng Kraham-Kâ, Yat và bà vợ, để trên bàn Phật về phía tay trái. Dân chúng vẫn còn thắp nhang vái lạy và thường nhắc nhở sự tích này.

18.— AO SỢ NGƯỜI

Vào cuối thế kỷ thứ 19, dưới chân dãy núi DangRêk (Đòn-gánh) cạnh biên thùy Miên-Thái có một cái ao rất lớn.

Về đêm, các giống thú rừng xuống ao giải khát, trong ấy có một con u-tây mang chiếc sừng tỏa hào quang sáng ngời. Thổ dân cho là linh vật sống lâu đời nên sừng mới có ánh sáng như thế. Họ cho rằng càng sống lâu năm linh vật càng giết nhiều người, nên oan hồn yểu tử theo phò rất đông không ai có thể động đến nó mà không bị ma quỉ ám hại trước hoặc bị đám ác thú theo « hầu » nó ăn thịt.

Người biết bắn, thích miếng mồi ngon thì không tin dị đoan quyết lòng chiếm kỳ được chiếc sừng vô giá ấy.

Một ông hăng hái hơn hết, dắt tên học trò đến bờ ao lúc chiều vừa xuống. Ông thấy dấu chân u-tây và cọp beo còn in ràng ràng trên đất.

Ông làm hai sàn gác trên nhánh cây cao,

cột bằng dây mây thật chắc. Thầy ngồi một, trò ngồi một, im lặng chờ mồi. Khẩu súng hỏa mai nạp đạn và cây dao lớn sẵn sàng nằm bên cạnh nhà thiện xạ,

Trời tối lần, ông thấy vô số thú vật lớn nhỏ đủ loại lần lượt ra ao uống nước. Ông không thèm phí đạn chờ u-tây mới ra tài.

Bỗng một con cọp to kếch nhẹ nhàng đi quanh gốc cây rồi lủi vào bụi. Nhà thợ săn cũng không màng đến, chăm chú nhìn ra bờ ao.

Thình lình có tiếng rắn huýt cạnh mình. Ông chú ý nhìn thấy một con hổ mang le lưỡi cắt đầu mồ vào chân ông. Mỉm cười, ông rụt chân, quơ dao. Rắn đứt làm hai đoạn. Nhưng chưa kịp để dao xuống, ông thấy gần chục con khác phóng lên sàn. Ông múa dao chặt lia lịa. Lưỡi dao cắt mình rắn dễ dàng, bất ngờ phập nhằm mối dây mây cột sàn đứt tung. Ông thợ săn té xuống đất.

Con cọp vừa đi qua, đang ngồi chờ dưới gốc cây nhảy lại chụp người xấu số làm một tiệc ngon.

Tên học trò sợ quá nằm chết dí đến sáng mới dám về phi báo. Vợ con người thiện xạ đi tìm xác chỉ còn thấy một cái đầu nát bét dính đầy máu.

Người tin dị đoan càng tin mình nói đúng. Quả đây là thần hổ biến ra rắn, để bắt kẻ muốn làm hại đến linh vật.

Ít lâu sau, một ông khác khoe rằng mình có đầy đủ mưu lược hơn ông trước, nhứt định thế nào cũng mang sừng u-tây đem về. Ông mướn một tên theo hầu vào bờ ao cất một chiếc sàn lớn thật chắc, các mối dây đều giấu phía dưới để khỏi chém nhằm khi giết rắn.

Tối đến, ông chong súng ngồi đợi. Tên theo hầu cầm dao chờ chém loài bò sát.

Một lát sau, ông nghe có tiếng người nói xầm xì từ xa đi lần đến. Ông ngạc nhiên thấy lối mười vị sãi cầm đuốc lại gần gốc cây kêu ông :

— Nè anh ! Vợ anh ở nhà trúng gió nặng lắm, sợ không sống qua đêm nay. Anh nên trở về liền kẻo trễ. Chúng tôi vừa hay tin sẵn đi ngang đây mới kêu anh đấy. Con anh khóc om sòm, kêu réo anh dậy xóm. Anh về ngay may ra còn cứu kịp.

Tin đâu sét đánh, nhà thợ săn vội vàng tuột xuống không kịp cầm súng hộ thân.

Vừa đề chân tới đất ông bị một con cọp vồ té sấp, tiếp theo gần mười con khác xúm

lại xé xác ra từng mảnh. Chớp mắt ông thợ săn chỉ còn một cái đầu nát bét.

Tên theo hầu kinh hồn bạt vía, chờ rạng đông chạy về cho dân chúng hay. Nhiều người căm giận quyết giếp cọp để trả thù hai nhà thiện xạ và trừ hại cho dân.

Nhưng không người nào ra đi mà trở về. Người nào cũng để lại cái đầu nát bét bên bờ ao sau một đêm rình rập. Không ai biết thần hổ gạt họ bằng cách nào vì không có tên đồ đệ nào dám theo hầu thầy và tên làm thuê nào dám theo thợ săn nữa.

Suốt một năm, thổ dân vùng ấy sống trong cảnh hãi hùng. Những tiếng gầm vỡ trời vang dậy từ bờ ao khiến họ giật bắn người lên từng chập. Không còn ai dám tính đến việc cắt chiếc sừng tỏa hào quang và lột da u-tây, đành chịu bất lực trước móng vuốt của loài vật thiêng.

Một hôm, có một người lái ngọc ở Miến-điện ghé ngụ trong vùng tránh mấy tháng mưa.

Nghe thuật truyện « ao sọ người » ông nghĩ đến số bạc khá to nếu ông đem được chiếc sừng ấy về xứ bán. Ông suy nghĩ thật kỹ và ra bờ ao cất chòi thức suốt đêm ngắm địa thế. Ông thấy rõ ràng linh vật mang chiếc sừng

lóng lánh ra giải khát thì càng ham muốn hơn nữa.

Sáng lại, ông trở về xóm sắm nhiều vật là lùng : Vòng tròn bằng mây, cầu chuyền thắt bằng mây, cung, tên, xe quây tơ, bông, vải, gạo, đường, kẹo, bánh, thịt heo luộc, trái cây, đem bỏ trên bờ ao, rồi lên chòi nạp đạn vào súng chờ con mồi.

Trời sụp tối, nhiều tiếng rắn rít lên. Ông lái ngọc bình tĩnh chém một con và cầm xác lên xem, té ra cọng mây chớ không phải xương thịt gì cả.

Lát sau, một đám sư sãi cầm đuốc đi lại gọi ông :

— Ông nên về ngay. Nhà trọ phát cháy, nếu ông chậm trễ người ta sẽ lấy hết vàng ngọc và hành lý của ông.

Ông Miến-điện mỉm cười nã súng vào đầu các vị sãi. Nhiều tiếng hổ rống nổi lên, một ông hiện nguyên hình là cọp nằm sóng sượt dưới đất.

Mấy con khác hoảng hồn tháo chạy mất.

Trời tối sầm lại. Thình lình một luồng ánh sáng huyền bí chập chờn soi khắp mặt ao. Từ trong núi, một đám con nít cười nói om

sòm, chạy ra bờ ao lấy cầu đá, lấy vòng đánh, giỡn hớt vang dậy.

Ông lái ngọc ngồi im niệm Phật để mặc đám cô hồn yêu tử nô đùa.

Lát sau, nhiều người đàn bà hiện ra xúm lại kéo bông, quây chỉ.

Rồi một đám đàn ông nhảy ra đánh lộn dùng cung tên bắn nhau. Sau cùng một toán ông già, bà cả lụm khụm đi tới bốc bánh trái ăn lia lịa.

Đám oan hồn chết vì thú dữ cười, nói ồn ào như buổi chợ phút chốc im bặt.

Một ánh hào quang từ trên sườn núi chậm chạp tiến xuống bờ ao. U-tây liếm mặt đất có chất mặn và giải khát.

Ông lái ngọc nhắm đúng vào mắt linh vật nổ cò. Viên đạn xuyên qua óc giết u-tây chết ngay tức tốc.

Những oan hồn hét lên nhiều tiếng kinh sợ vụt chạy vào rừng. Luồng ánh sáng như lân tinh tắt ngấm.

Sáng lại, ông lái ngọc cắt chiếc sừng, lột bộ da đem về xứ. Ông không bán vật báu ấy, để làm gia bảo. Người con trai của ông truyền cho đứa con gái duy nhất, vì ông ta không

có con trai. Cô gái này có chồng người Miên, làm Tri phủ trong một quận ở tỉnh Stung Treng nên đem sừng ấy theo chồng.

Trải qua hơn nửa thế kỷ chiếc sừng ấy vẫn còn loé hào quang nhưng ánh sáng đã dịu đi mất nhiều.

19.— SỰ TÍCH MIỄU BÀ LỤC-DẦY

Vào đầu thế kỷ thứ 20, ở làng Péam-Chkon (người Việt quen gọi là Chế Còn) thuộc tỉnh Kompong Cham có một cái ao lớn tên là Bưng Thom. Giữa ao có một cái cù-lao nhỏ, trên đấy người ta cất một cái miễu bằng cây ván, lợp ngói, theo kiểu nhà sàn cao chân. Trong miễu thờ Bà Lục-Dầy.

Thuở còn sanh tiền bà Dầy là người giàu có, lòng dạ rộng rãi hơn người. Bà thường trợ giúp người nghèo nhất là hay cho lối xóm mượn đồ dùng trong nhà luôn luôn. Bà quen miệng nói chơi :

« Chừng tôi chết rồi, ai mượn tôi cũng cho chớ đừng nói chi tôi còn sống như vầy. »

Lúc bà mãn phần độ vài tháng thì đạp đồng lên cho dân làng biết rằng bà đã thành Thần gọi là Tà Lục-Dầy.

Dân làng cảm đức của bà hồi còn sống nên họp nhau cất miễu giữa Bưng Thom cúng tế bà quanh năm. Vì miễu ở cheo leo giữa mặt nước nên không có người ở giữ, chỉ

mỗi ngày ông Từ bơi xuống ra thắp nhang mà thôi.

Cất miễu xong, có người nhờ lời bà mới vái thử xin mượn bà vài chục dĩa vài chục chén. Qua ngày sau, người ấy đến miễu, quả nhiên thấy đủ số chén, dĩa mình hỏi mượn, bèn chở về dùng trong đám tiệc xong rồi đem ra trả.

Tiếng đồn bay ra, dân làng lấy làm kính nể và tin tưởng sự linh hiển của bà vô cùng. Khi có đám tiệc, cưới hỏi, ma chay, làm phước vân vân, thì họ đến vái xin mượn một số chén bát nhiều ít tùy theo sự cần dùng của mình. Qua ngày sau, họ bơi xuống ra miễu chở về đúng theo lời yêu cầu.

Nhưng về sau, có người thấy bà cho mượn toàn đồ tốt đắt tiền, nên tánh tham mua đồ xấu đánh tráo đem trả. Từ đó đến bây giờ không ai mượn được gì nữa.

20.— SỰ TÍCH NÚI TRÁI-VẢI

Ngược dòng lịch-sử, ta thấy người Tàu đã giao thương với người Cao-Miên hơn 1000 năm nay. Vào khoảng năm 1296, ông Tchéou Ta Kouan, Châu đạt Quan đi theo phái đoàn sứ giả Trung-Hoa và Mông-Cổ đến viếng Quốc-Vương Indravarman, lúc ấy còn đóng đô ở điện Angkor Thom (Đế Thiên) có viết sách tường thuật cuộc tiếp xúc này và những điều nhận xét về người Miên.

Kể từ đó người Tàu ngồi thuyền vượt biển Nam Hải, vòng qua mũi Cà-Mau vào vịnh Thái-Lan, đổ lên đất Miên bán hàng hóa và mua thổ sản. Thuở ấy những con sông nhỏ dưới chân núi Kravanh (núi Đậu Khấu ngày nay) còn sâu rộng, ăn thông vào Biển-hồ và ngọn sông Siem Réap bây giờ cũng to lớn hơn nhiều.

Các lái buôn Trung quốc ngồi thuyền vào Biển-hồ, ngược dòng sông Siem Réap, đi ngang Angkor vào tận dãy núi Tổ. Dãy núi này nằm dài trên hướng Bắc đến Angkor vắt

ngang từ Tây Bắc đến Đông Bắc, cách chợ Siem Réap 60 cây số.

Hàng năm, có một chiếc thương thuyền vào đến chân núi thì mất. Dân chúng không thấy thuyền trở ra theo đường nước, nhưng qua năm sau lại thấy thuyền từ Biển đi vào!

Chủ thuyền là một dị nhân, pháp thuật cao cường, đã dùng thần thông đẩy thuyền đi trên ngọn núi, tắt đường về Tàu. Người dùng thuật ấy mấy năm liền không gặp điều gì cản trở, mãi đến lần cuối cùng vì một nhân công quên lời dặn mà phải ngộ biến, sự nghiệp tan tành.

Đêm ấy, sau khi chất hàng hóa đầy khoang người ra lịnh cho tất cả thủy thủ không được nói một lời nào, dù có thấy chuyện gì lạ lùng quái gở cũng vậy. Mọi người phải ngủ yên, chờ mặt trời mọc sẽ thức dậy làm việc như thường.

Người họa phù, làm phép cho thuyền bay trên chót núi thẳng ra biển Nam Hải.

Lúc thuyền bay ngang ngọn núi giữa, tên Tổng khậu (đầu bếp) thòng gàu ra ngoài múc nước, thấy đụng nhằm đá hoảng hồn vụt la lên?

— Ối chao! Ghe chạy trên núi!

Tiếng nói kẻ phàm tục phá hư phép của người chủ thuyền. Tức thì, ghe ngừng ngay lại, rơi xuống núi bể tan ra. Bao nhiêu người đi trên ấy đều chết ráo, trừ vị chủ nhân, thoát khỏi, ôm hận trở về Tàu.

Trong thuyền có trái vải và nhãn đổ rải rác trên núi và mọc cây sanh nở đầy dẫy đến ngày nay. Do đấy người ta đặt tên núi Trái Vải, Phnom Kulen.

*

Ngày nay xác chiếc thuyền vẫn còn ít nhiều trên ngọn núi. Cây trái vải và nhãn mọc um tùm.

Có điều lạ : từ ngày chiếc tàu buôn ngộ nạn đến bây giờ, không có một người Hoa-Kiều lên đến lưng chừng núi được. Hễ vừa đến chân núi thì ngã quay lơ, hộc máu chết. Có người lại nói ông Tà, bà Chao trên núi giết, vì ý ghét bọn Tàu đã làm nhơ uế chốn sơn môn.

Sự vô ý tai hại của tên Tổng khậu còn để lại đời sau câu nguyền rủa : « Thằng này chỉ có làm Tổng khậu chứ không làm gì được » để mắng những kẻ bất tài.

21.— SỰ TÍCH MIỄU ÔNG TÀ-LẶT

Vào đầu thế kỷ thứ 26, một người lái buôn Chàm chết trôi, tấp vào xóm Dầy-Tho, ở dọc bờ sông Cửu-Long, thuộc tỉnh Kompong Cham.

Có lẽ nhằm giờ linh hay lúc còn sống người này có làm điều gì phi thường không hiểu, mà sau khi chôn xong, ông ta đạp đồng lên xưng tên là Lặt và bắt dân làng phải lập miễu thờ ngay mả, vì ông được Thượng Đế phong làm Tà trong vùng này.

Người trong xóm thấy sự linh hiển như vậy mới hùn tiền cất miễu cúng tế quanh năm.

Ông Tà Lặt linh vô cùng. Ai cúng vái cầu xin việc gì cũng được Tà giúp đỡ không ít thì nhiều. Kẻ gian xảo đến miễu thề thốt, tức thị bị Tà làm cho xây xẩm mày mặt mà phải thú nhận ngay.

Gốc là người Chàm, Tà không ăn thịt heo, nên rất ghét ai đem vật ấy đến gần hay đi ngang miễu.

Mấy người Hoa-Kiều bán thịt, gánh ngang đấy liền bị chóng mặt nhức đầu té lăn bất tỉnh.

Ghe, xuồng có đem mỡ heo đi ngang miễu phải giấu kỹ và van vái kính cẩn mới yên, bằng không Tà sẽ làm cho dông, gió nổi lên đánh gãy cột buồm lập tức.

Có điều linh ứng hơn hết là chỗ bờ sông ấy đất lở lần vào trong mỗi ngày, nhưng hễ đất rớt xuống sông gần tới miễu thì qua ngày sau người ta thấy miễu và mả của Tà thụt vào trong xa. Thành thử suốt mấy tháng đất lở, chỗ ông Tà nằm vẫn yên ổn đến ngày nay.

22.— TRUYỆN THẦN BÒ PRAH KÔ, PRAH KEO

Prah Kô, Prah Keo là một tượng đá hình còn bò. Tương truyền ngày xưa tượng bò là một vị thần linh phò hộ cho Hoàng triều Cao-Miên được cường thịnh. Tượng bò bằng đá nguyên khối, tạc hình bò đực đứng, trên vai có u. Theo sử sách đó là bò tót Nandin của vị thần Civa thuộc giáo phái Bà-la-môn cỡi bay trên chín từng mây. Tượng bò có thể xê dịch được như bò thiệt. Mỗi lần bò dời chỗ, đi ra khỏi hoàng thành thì trong nước có nạn binh đao, hoặc mùa màng thất bát. Khi ấy, Nhà Vua phái người đi tìm khắp lãnh thổ để rước thần bò về.

Thuở ấy, tượng Prah Kô ở trong thành Longvek, Hoàng triều Cao-Miên sau khi bỏ vùng Angkor dời về Oudong thuộc tỉnh Kompong Luong, bây giờ di tích hãy còn gần ngọn đồi Oudong, nơi xây tháp giữ tro tàn của Nhà Vua và Hoàng tộc. Xung quanh thành Long Vek có rất nhiều tre gai bao bọc, muôn quân không thể xâm nhập vào.

Người Xiêm vốn có cựu thù với Vua Miên thường gấp ghé, muốn bắt cho được Thần Bò đem về xứ để Thần phò hộ cho mình. Nhưng bao nhiêu lần đem quân xâm phạm. Quân Xiêm phải tháo lui vì không cách gì qua được khỏi vòng rào tre gai thiên nhiên kiên cố vô cùng ấy. Vua Xiêm bèn nghĩ ra một kế đem bạc đồng quăng vào bụi tre gai. Người Miên tham tiền dọn dẹp để vào lấy bạc. Thừa lúc ấy, quân Xiêm tràn vào đốt phá thành quách, bắt Thần Bò về Bang Kok.

Prah Kô bị bắt đem về để trong gian phòng cạnh triều Vua và được thờ phụng hết sức cung kính.

Nhưng Thần không hết buồn vì xa xứ, bao phen bỏ đi về đất Miên.

Mỗi lần Prah Kô xuất ngoại thì dân Xiêm báo động, khắp xứ bổ ra tìm cho bằng được để bắt trở về.

Nhà Vua không chịu bận lòng vì Thần mải, bèn ra lịnh trói chân Thần bằng dây sắt, cột vào cột đền. Từ đó Thần Bò không thể bỏ đi nữa, đành ở luôn mãi bên đất Xiêm.

Người Miên có dịp sang Thái-Lan đều xin vào bái yết Vị Thần đã giúp lãnh thổ mình mấy trăm năm thịnh vượng.

Vua Xiêm không hẹp lượng cho phép họ vào thăm linh vật. Thoạt nhìn thấy người Miên thì nước mắt Thần Bò chảy ròng ròng. Thần vẫn là tượng đá đứng trơ trơ giữa đền, chân bị xiềng, trói mà nước mắt tuôn rơi như bò thiệt. Người Miên không thể cầm lòng trước cảnh tượng ấy kêu khóc ầm lên.

Vua Xiêm không muốn thấy cảnh đau lòng ấy, ra lịnh không cho ai vào thăm Thần Bò nữa. Ngài cho xây bốn bức vách che kín Thần Bò như giam hẳn trong tù.

Đến ngày nay, Thần Bò Prah Pô Prah Keo vẫn còn ở Bang-Kok, nhưng không ai được vào thăm nữa.

23.— SỰ TÍCH 6 DẤU CHÂN PHẬT

Sáu dấu chân Phật có từ ngày các đấng Tiên Vương Cao-Miên xây thành Angkor đến giờ, tính theo lịch sử thì có hơn 1.000 năm nay.

Một dấu ở đền Bakheng, cách chợ Siem Réap 7 cây số rưỡi, gần thành Angkor Thom, bề dài 1 thước rưỡi, bề ngang lối 6 tấc, năm ngón chân dài 3 tấc, to 1 tấc. Dấu chân nầy in sâu xuống mặt đá, trên mặt bàn chân có chạm từng ô vuông. Chính giữa chân có khắc một hình tròn bằng cái dĩa bàn.

Trong các ô vuông có khắc đủ hình thú vật : chó, heo, ngựa, khỉ, rắn v.v... mặt trời, mặt trăng, hình Tiên, Thánh, cây cối. Dưới gót chân, chạm 7 ngọn tháp và hình thú vật cẩn theo vòng bán nguyệt.

Đền Bakheng ở trên 1 ngọn đồi bề cao 65 thước. Theo con đường dốc lên tới mặt đồi, ta thấy dấu chân Phật, rồi mới vào đền xây ngay chính giữa. Dấu chân in sâu xuống mặt đá, được người đời sau làm một vòng.

bệ bằng xi-măng che quanh để giữ nguyên vẹn, và cất một cái chòi gỗ lợp ngói không có vách để che mưa. Người viếng cảnh thường hay thắp nhang vái lạy dấu chân này.

Một dấu ở núi Đất (Phnom Krom), một ngọn núi nhỏ ở cách chợ Siem Réap 16 cây số, trên bờ Biển hồ cũng chạm trổ giống như dấu trước. Dấu này vẫn để lộ thiên từ ngày dân chúng tìm thấy đến bây giờ.

Một dấu ở trên đỉnh ngọn đồi trọc cách đền Angkor lối 30 cây số về phía Bắc cũng giống như dấu ở Phnom Krom.

Một dấu ở núi Tổ, người Miên gọi là Phnom Kulen (Núi Trái Vải) cũng in xuống nền đá và chạm trổ theo một kiểu với ba dấu trên.

Còn hai dấu nữa, một chân mặt, một chân trái ở trong đền Angkor Wath. Hai dấu này không phải in xuống nền đá mà lại chạm trên hai miếng đá to. Người ta để hai dấu chân này đứng hai bên tượng Phật ngồi giữa đền.

Về bốn dấu chân ở bốn ngọn đồi, người ta thuật lại rằng : xưa kia, Đức Phật Tổ bước từ Phnom Krom lên Phnom Bakheng qua ngọn đồi trọc và lên Phuom Kulen rồi nằm xuống, dựa lưng vào vách hóa thành đá.

Kế bên dấu chân ở Phnom Kulen có tượng

đá hình Đức Phật nằm nghiêng. Tượng nầy lớn hơn người thường rất nhiều, nhưng bề dài của bàn chân nhỏ hơn dấu in trên đá và không có chạm trổ chi cả. Do đấy người ta mới đặt tên núi Kulen là Núi Phật Tổ, sau dần họ gọi tắt là Núi Tổ.

★

Xem thế ta có thể đoán rằng : 6 dấu chân nầy là một kỳ công điêu khắc của người đời trước chứ không phải của Đức Phật theo lời truyền khẩu. Vả lại tượng đá nằm nghiêng trong vách núi cũng có thể do người tạo ra.

Cho rằng : chính vị Phật trước khi hóa mình thành đá, đã bước đi thiệt như vậy cũng không thể đúng vì bề dài bàn chân nhỏ hơn dấu chân !

Hơn nữa, nếu quả Đức Phật bước thật sự đi nữa thì dấu chân thứ nhì ở đồi Bakheng phải quay ngón về hướng Bắc mới hợp với dấu thứ ba ở đồi trọc, có dấu lại xây về hướng Đông ! Có lẽ nào Phật đi ngang hay sao ?

24.— SỰ TÍCH NÚI NÉANGKANREI

Ngày xưa, có một tiều phu ở trong vùng Kompong Chhnang rất nghèo khổ. Người có đến 12 đứa con trai và 12 đứa con gái. Không thể nào nuôi nổi bầy con, người bàn với vợ đem bỏ bớt trong rừng, giao cho Trời nuôi chúng. Bà vợ đồng ý sửa soạn cơm nước cho chồng và 12 đứa con đi đốn củi. Người cha dắt con đi quanh quẩn đến trưa mới hỏi con:

— Các con biết đây là đâu chăng?

Đám trẻ đáp:

— Dạ, không biết.

— Ử, được. Bây giờ các con ngồi đây chờ cha, nếu có đói bụng cứ dở cơm ăn trước.

Đám trẻ vâng lời. Người cha quày quả trở về nhà. Mười hai đứa nhỏ chờ đến chiều tối, đói quá, chia nhau ăn hết gói cơm rồi tìm đường về. Trong đám có đứa em út, dáng người nhỏ nhắn nhớ nẻo đi nên dắt 11 chị vào ngay cửa.

Thấy con, gã tiều phu không mừng lại

tính bỏ nữa. Lần nầy, người dắt đi thật xa đến nỗi không có đứa nào nhớ được. Mười hai đứa phải sống bơ vơ trong rừng, ăn trái cây, uống nước suối.

Ba ngày sau, mụ Chằn Santhoma bay tìm mồi, đánh hơi người, liền đáp xuống bắt hết cả chị em về lâu đài, cho ăn uống tử tế, chờ chúng lớn dần sẽ ăn thịt.

Nhiều năm qua, đám trẻ khôn lớn. Bà Chằn bảo quân hầu rằng :

— Ba ngày nữa ta sẽ ăn thịt chúng nó, bắt đầu đứa lớn nhất.

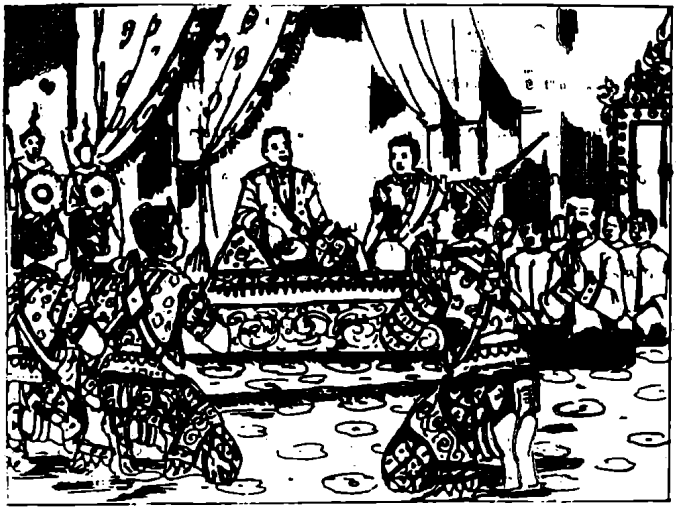

Hoàng-tử về trào ra mắt Vua cha

Lời nói động đến tai Ngọc Hoàng Indra và Prohm. Ngọc Hoàng Indra biến thành con chuột bạch khổng lồ, đào một cái hang luồn dưới vách thành tới ngay cung của 12 cô gái. Chúa Chuột nói :

— Ba ngày nữa, Chằn sẽ ăn thịt các cô. Hãy theo tôi lánh nạn.

Mười hai cô tất tả chạy theo Chúa Chuột, trèo lên ngọn một cây đa vĩ đại cạnh bờ hồ. Hồ nầy ở gần thành Vua. Vị Quốc-Vương thường đến tắm lội vào buổi chiều.

Đến giờ ăn, bà Chằn Santhoma nghe tin báo mất mồi bèn bay đi tìm, nhưng không gặp.

✦

Ngày kia, vị Quốc-Vương Prah Ruthisanthocey đến hồ du ngoạn ; thấy các cô bèn gọi xuống hỏi nguyên do. Nhà Vua đưa về triều truyền cho thay đổi y phục và cưới hết làm vợ.

Mụ Chằn nghe tin vội giao lầu đài cho con gái, tên Néang Kan Rei coi sóc, bay đến hoàng thành biến ra một cô gái đẹp tuyệt trần ngồi ngoài cửa, bảo lính vào gọi Vua ra nói chuyện.

Nhà Vua cảm vì sắc muốn cưới làm vợ. Mụ Chằn giả không chịu, khiến Vua càng

đắm đuối quyết cưới cho được mới nghe. Nhân đấy mụ Chằn buộc Vua phải phong làm chánh hậu.

Không bao lâu, Chằn kiếm chuyện hại 12 cô gái, ton hót với Nhà Vua :

— Mười hai cô gái nầy vốn là yêu tinh ở trên ngọn cây, nếu Bệ Hạ giữ chúng nó trong cung thì có ngày sanh họa lớn. Bây giờ, Bệ Hạ nên móc hết đôi mắt của chúng, đem bỏ chúng dưới hầm, đừng cho ăn uống gì cả thì mới tiêu trừ đại nạn.

Vua nghe lời truyền quân móc mắt bầy vợ vô tội. Đứa nhỏ nhất bị móc một mắt, vội trét máu qua mắt kia rồi giả vờ đui hẳn. Tên quân vô ý không thấy.

Bị giam dưới hầm sâu, một cô sanh con liền bị mấy chị em xúm lại xé thịt đứa nhỏ chia nhau ăn vì quá đói.

Đứa nhỏ hết tên « Néang Péou » lấy phần thịt của mình dấu, cất không ăn.

Lần lượt cô nào sanh con, đứa bé cũng bị ăn thịt. Đến phiên Néang Péou sanh con trai, cô đưa số thịt để dành từ lâu cho các chị ăn và nói rằng đứa nhỏ chết trong bụng nên thịt thúi mất. Cô lén nuôi con đến lớn, đặt tên là Ruthisèn.

7 năm qua, Ruthisèn khôn lớn, mỗi ngày leo lên miệng hầm chơi giỏn với đám trẻ hàng xóm. Nó chơi đáo lỗ và lúc nào cũng ăn. Được tiền, nó mua thức ăn đem xuống hang nuôi mẹ và 11 người dì. Các cô gái đui ngạc nhiên hỏi em mới biết nguyên do và lấy làm cảm động vô cùng.

Ruthisèn càng lớn, càng thông minh và xinh đẹp.

Năm 16 tuổi nó nuôi gà đi đá ăn tiền. Một hôm, nó đi ngang mụ Chằn đang ngồi trước đền Vua. Thấy đứa trẻ khác thường mụ gọi lại hỏi. Sau khi biết là con của Néang Péou, định giết nó bằng cách cho con gái mình ăn thịt.

Mụ bảo nó vào triều, phán rằng:

— Ta muốn nhờ nhà ngươi đem đến nhà một người quen phóng thư này. Xong việc ta sẽ trọng thưởng và cho nhà ngươi làm quan.

Ruthisèn mừng quá về thưa mẹ và dì hay, xin phép lên đường. Néang Péou bằng lòng chúc con :

— Cầu cho con chiến thắng kẻ thù ở tám phương, bốn hướng.

Ruthisèn lãnh lương thực, phong thư cột vào cổ ngựa từ giã Mụ Chằn.

Một hôm trời nắng gắt, Ruthisèn cột ngựa dưới gốc cây đa nằm ngủ.

Một vị đạo sĩ đi ngang nhìn thấy, bấm độn biết rõ căn nguyên bèn mở thư ra đọc:

« Con Kan Rei yêu dấu khi con gặp thằng đem thư này, con làm thịt nó mà ăn... »

Đạo sĩ mỉm cười xé bỏ, viết thư khác cột vào cổ ngựa, lẳng lặng đi luôn.

Ruthisèn thức giấc, lên ngựa tiếp tục cuộc hành trình.

*

Một đạo binh Chằn

Tới lầu đài của Mụ Chằn. Ruthisèn vào đưa thư. Néang Kan Rei mở ra đọc :

« Con Kan Rei yêu dấu, khi con gặp người đem thư này thì con cưới nó làm chồng và cho nó làm Vua cai quản xứ mình. Nó là một vị anh hùng oai danh lừng lẫy... »

Kan Rei vâng lời mẹ, sai quân làm lễ cưới, mời Ruthisèn ngồi trên ngai, quì xuống hôn chân chàng làm chồng.

Ruthisèn xưng Vương xứ Chằn, ăn ở với Kan Rei thật sung sướng.

Nhân lúc rảnh rang, chàng bảo vợ đưa đi quanh hoàng thành cho biết cách sắp đặt việc canh phòng.

Thấy nhiều kho khóa cẩn thận, chàng hỏi vợ. Nàng Kan Rei trả lời.

— Đây là kho vàng, kho bạc, kho binh khí, kho áo quần còn cái kho nhỏ này là nơi để con mắt của 12 đứa con gái, người thù của mẹ chúng ta.

Ruthisèn vụt khóc rống lên và ngất xỉu, Kan Rei hốt hoảng đỡ chồng dậy, gọi tỉnh, và thật tình nói :

— Đây là lỗi của thiếp, nếu thiếp đừng nói hết sự thật thì chàng đâu có xúc động

thái quá như vầy. Tại sao chàng lại bi thương đến nỗi ?

Ruthisèn giấu nhẹm, trả lời quanh co, không cho vợ biết.

Buổi cơm chiều hôm ấy, Ruthisèn ép vợ uống rượu đến say mèm, chàng lấy chìa khóa mở kho lấy 23 con mắt của mẹ và 11 bà dì, luôn cả thuốc tiên và cây gậy phép. Chàng trở vào phòng vuốt ve vợ đang ngủ mê man, rồi lên ngựa suốt đêm chạy về nước.

★

Ruthisèn chạy đến sáng thì gặp vị đạo sĩ đón đường dặn rằng :

— Con hảy theo hướng Đông mà chạy chóng hơn. Đây con cầm nhánh cây và gói bột nầy, khi vợ con có rượt theo thì quăng gói xuống, rồi dùng gậy phép gỏ đầu ngựa, con sẽ bay lên trời. Nếu vợ con theo nữa thì quăng nhánh nầy xuống.

Ruthisèn lạy tạ đạo sĩ, nhắm hướng Đông giục ngựa.

Ở xứ Chằn nàng Kan Rei tỉnh giấc mới hay tự sự bèn huy động quân sĩ rượt theo. Một ngày sau, nàng bắt kịp chồng, lên tiếng kêu gọi chồng trở lại.

Ruthisèn thấy vợ cởi heo chạy như bay bèn quăng gói bột xuống. Bột ấy hóa thành một ngọn đồi cám. Con heo ham ăn xốc tới táp lia lịa.

Chàng lấy gậy gỏ đầu ngựa. Bốn vó tuấn mã hóa mây đưa chàng bay bổng. Nhưng chàng không nỡ đoạn tình quay ngựa lại nói với vợ rằng:

— Nàng hảy trở về, đừng theo ta. Tình thế bắt buộc phải vĩnh biệt nàng.

Nàng Kan Rei kêu khóc:

— Trăm lạy chàng hảy trở về với thiếp, nếu không thiếp sẽ chết tại đây, vì thiếp không còn mặt mủi nào nhìn thiên hạ nữa...

Ruthisèn gạt lệ quay ngựa bay đi. Con heo ăn hết cám băng mình theo sát dưới chân ngựa.

Chàng quăng nhánh cây xuống mặt đất nứt ra thành một vực sâu thăm thẳm.

Nàng Kan Rei không thế nào đi qua được đứng nhìn chồng bay mất dạng. Nàng trở về đập đầu vào vách thành tự vận.

Xác nàng hóa thành một hòn núi, nằm gần bờ sông cách chợ Kompong Chhnang ngày nay 6 cây số ngàn, mang tên: núi Neang

Kan Rei. Du khách đến nơi sẽ thấy hình núi giống người đàn bà nằm dài.

*

Ruthisèn về trào, vào yết kiến Vua cha tâu trình các việc và tố cáo Mụ Chằn. Chàng lấy gậy phép chỉ vào mình Hoàng Hậu, tức thì mụ hiện nguyên hình. Chưa kịp trở tay Mụ bị Ruthisèn đập một gậy chết tốt.

Nhà Vua rước 12 bà vợ lên khỏi hầm cho Hoàng Tử Ruthisèn gắn mắt và thoa thuốc tiên vào. Mười hai Hoàng Hậu thấy đường như trước.

Nhà vua định truyền ngôi cho đứa con duy nhất, nhưng Ruthisèn chối từ. Chàng cắt tóc vào chùa tu đến ngày hóa kiếp.

25. – SỰ TÍCH ÔNG PHẬT ĐEN VÀ BÀ TÀ TÔN KHIÊU

Vào hạ bán thế kỷ thứ 19, dân chúng tỉnh Kompong Chhnang có cất một ngôi chùa ở gần chợ thờ một tượng Phật to lớn, tên là Phật Yéap Téap. Tên vị Phật này có nghĩa là Phật linh, vì thiện nam tín nữ cầu chi đặng nấy, Đức Phật phù hộ bá tánh an cư lạc nghiệp, mưa thuận gió hòa.

Lúc mới phá rừng dọn nền chùa những người phát cỏ, chặt cây gặp một gốc đại thọ lâu đời, ráp nhau lại cưa xẻ. Vừa động đến thân cây, những người ấy vụt xây xẩm mặt mày rồi phát đau không làm được việc.

Bổn đạo mướn nhiều người khác tiếp tục đốn cây, nhưng họ cũng phát bịnh như các đồng nghiệp trước.

Tin rằng có Thần, Thánh cản trở bổn đạo thiết lễ thỉnh vị chủ gốc cây nhập vào xác đồng.

Đồng lên, xưng tên là « bà Tôn Khiêu », được Thượng Đế chứng cho làm Tà ở cuộc đất này,

nên không bằng lòng cho ai đốn gốc cổ thọ của bà nương dựa.

Bổn đạo năn nỉ hết lời Bà Tà cũng không chịu. Bà Tôn Khiêu vốn là vợ của một viên tri phủ, thuở sanh tiền có trấn nhậm ở Kompong Chhnang.

Tánh bà hiền hậu, nhơn từ, hay giúp đỡ kẻ nghèo đói, cứu vớt người bị oan ức, hà hiếp, thường tụng kinh làm phước quanh năm. Chồng bà là người thích trò ong bướm suốt đêm vắng nhà tìm thú trăng hoa, khiến bà buồn khổ vô cùng. Bà năn nỉ khuyên can, khóc lóc mà ông vẫn trơ trơ.

Bà sợ ông mải mê theo phường đĩ bợm có ngày phụ rẫy bà, rước người khác về nhà, nên nhờ thầy bùa chuộc phép để giữ lòng yêu của ông. Thôi thì trong lúc quá thất vọng, ai nói gì bà cũng nghe, lớp thầy Chàm, thầy Xiêm, thầy Lào, thầy Cao-Miên, thầy nào khoe tài hay, phép giỏi bà cũng nhờ ráo. Rốt cuộc vì cầm ngải quá già, bà đau ốm quặt quẹo, hình vóc gầy mòn, ăn ngủ không được mà chết.

Thượng đế cảm thông người tiết liệt, phong làm Thần trong vùng.

Lúc xin bà dọn chỗ cất chùa không được, có vị Sãi tên Samank thảo một lá sớ dâng lên Đức Vua Ang-Duông.

Nhà Vua bèn ban chiếu xuống cho vị Tri Phủ chuyển về vị Xã-Trưởng đưa cho bổn đạo cầu Bà Tà lên đề đọc cho nghe. Đại khái : Quốc-Vương khuyên Bà Tà nên nhường chỗ cho bá tánh cất nhà, rồi sẽ xây một cái miễu ở trước chùa thờ bà.

Bà Tôn Khiêu không dám cãi lịnh Vua, thuận cho đốn cây cổ thụ.

Dọn dẹp xong, bổn đạo cất một ngôi chùa bằng cây lợp tranh và một cái miễu ở phía trước.

Đức Phật Yéap Téap vẫn linh. Bà Tà Tôn Khiêu thường nhập xác chữa bịnh, nuôi con cho dân chúng.

Thời gian qua, mái tranh hư nát, cột kèo gẫy mục, bổn đạo nhờ tiền của Phật tử cúng dâng khá nhiều mới sửa chùa lại bằng thiếc. Tên « Chùa Thiếc » có từ ngày ấy đến bây giờ.

Sửa chùa xong, vị Sãi Chatok, một nhà sư khổ hạnh suốt đời, nằm chiêm bao thấy một người toàn thân đen như than kêu sư mà rằng :

— Ngày mai, Sư ra ruộng, chỗ người ta đang đốt rẫy, đem xác tôi về chùa, đừng chậm trễ họ đốt tôi nóng lắm.

Sáng lại vị Sãi cùng vài chú tiểu ra đồng kiếm hơn nửa ngày không thấy chi cả, trong lòng bán tín, bán nghi :

Đêm sau, vị Sãi lại thấy người đen ấy đến nữa. Lần này người dặn kỹ càng hơn :

— Tôi nằm trong bụi mây sao ông không thấy ? Ngày mai nhớ đem tôi về.

Rạng ngày Sãi Chatok dắt mười ba bổn đạo đi tìm. Đến bụi mây quả gặp tượng gỗ đen thui bề cao 6 tấc, bề ngang 4 tấc, vị Sãi bảo bổn đạo khiêng về nhưng trong số mười ba người vậm vỡ không ai dở tượng lên khỏi mặt đất, chỉ có một mình tiều Tal Ma vác lên vai dễ dàng.

Nhà sư chọn ngày tốt mở cuộc làm phước tại chùa để khai quang điểm nhãn và đặt tên tượng Phật là Phật Đen.

Từ ngày vào chùa ngồi gần Phật Yéap Téap, vị Phật Đen phù hộ bá tánh trúng mùa lúa bắp quanh năm.

*

Gần tám mươi năm sau bổn đạo đổ nền, xây đá xanh cao lên bốn thước để tránh mực nước lớn mỗi năm và cất chùa lại bằng xi-măng, gạch ngói, kiến trúc theo kiểu tân thời.

Ngôi chùa là một thắng cảnh của tỉnh Kompong Chhnang ngày nay. Tuy thờ hai vị Phật và có miễu bà Tà nhưng người ta vẫn quen miệng gọi là chùa Thiếc. Ngoài ra có người cũng gọi là Chùa Nồi vì trong trận

bão lụt năm Thìn, các nhà sàn quanh chùa đều bị ngập hết chỉ có nền chùa nước không tràn tới nên bồn đạo cho rằng chùa « nổi » theo mực nước lên.

26.— SỰ TÍCH TƯỢNG BÀ PRASÂPLÉAK

Ngày xưa, ở làng Prasath, giáp giới Nam-Việt, thuộc tỉnh Svay Riêng bây giờ có một người đàn bà nhân đức quanh năm bố thí cơm, gạo, áo, quần cho kẻ nghèo. Bà rất giàu có, công việc đồng áng và buôn bán tại nhà đều do bà coi sóc trong lúc ông chồng bê tha rượu chè suốt ngày. Tuy tiền đầy tủ, thóc đầy vựa nhưng bà không được hoàn toàn sung sướng về đường chồng, con. Mắc người đàn ông hư hỏng như thế, bà lại hiếm hoi, hơn ba mươi tuổi chưa có mụn con nào. Bà không trách chồng ví bà đỗ tội cho bà, tại bà không sanh nở nên ông mới buồn rầu sanh tật bê tha.

Thế nên, bà chăm lo khuếch trương việc làm ăn và cúng lễ khắp chùa chiền cầu xin Phật, Trời ban cho một đứa con nối dòng. Bà chuyên lo tàm phước, giúp sãi, cất chùa và cứu trợ kẻ nghèo khó. Tiếng tăm bà nổi dậy như cồn, lòng bác ái của bà được đồng bào nhắc nhở hàng ngày.

Lời xin cầu của bà được Đức Phật chấp nhận. Một năm sau bà sanh một cậu trai khá khỉnh. Bà vui mừng vô hạn, tin rằng nhờ đứa con, chồng bà sẽ sống bên cạnh bà không chơi bời nữa.

Nhưng có lẽ quen tánh từ lâu, người đàn ông chỉ ở nhà một dạo, rồi lại theo đường cũ. Ban đầu còn chơi loanh quanh trong xóm, trong làng, sau lần ông qua làng khác. Bè bạn rủ rê ông đi ăn bám đốc thúc ông theo từ cuộc vui này đến thú tiêu khiển khác, làm ông mê man quên mất nhà cửa, vợ con.

Bà vợ buồn rầu vô cùng, nhờ nhiều người tìm rước ông về, nhưng ông mù quáng như con thiêu thân thích lao đầu vào lửa. Không biết cách nào hoán cải chồng, bà âm thầm nuốt hận lo gầy dựng cho con.

Trải qua mười lăm năm đau khổ bà dạy con nên người khôn ngoan, lanh lợi khả dĩ thay bà coi sóc các việc nhà. Bà thường dặn con phải luôn luôn giúp đỡ người nghèo khổ, hoạn nạn cũng như bà đã làm từ lâu.

Một hôm, bà giao hết sổ sách giấy tờ, tiền bạc cho con, bảo con ở nhà trông nom công việc để bà đi tìm chồng.

Bà đi suốt mấy tháng trường không biết ông ở đâu. Mãi đến một ngày kia có người chỉ chỗ ông ẩn mặt cho bà.

Bà rất mừng vội vàng đến nơi chỉ thấy mấy người bạn xấu đã đưa ông vào ngã trụy lạc, còn ông thì không chịu ra nhìn bà.

Thất vọng, bà trở về làng cũ ngồi trên bờ ruộng mà khóc.

Người quen thuộc hỏi thăm nguyên cớ mới rõ sự bạc bẽo của chồng bà.

Bà lẩm bẩm tiếng Prasâp Léak, Prasâp Léak luôn mồm không thôi (tiếng ấy có nghĩa là khéo giấu, ý bà trách người ta khéo giấu chồng bà không cho bà thấy mặt).

Bà ngồi từ trưa đến tối không về nhà, khiến những người gần đấy đều lấy làm lạ vội cho con bà hay.

Khi đứa con chạy ra tìm mẹ thì thấy mẹ đã hóa ra thành đá, dáng điệu cũng giống như lúc mới ngồi.

Dân làng cảm ơn đức của bà liền lập miễu rước tượng bà về thờ.

*

Ngày nay, miễu thờ bà Prasâp Léak vẫn còn. Người ta đã lấy tiếng bà nói lần chót là Prasàp Léak đặt tên làng ấy.

Thời gian qua, dưới quyền đô hộ của Pháp, có lần tên làng ấy đổi ra tiếng Việt là Kim-Tấn vì người Việt ở đấy rất nhiều.

Đến năm 1944, Chánh phủ Hoàng-gia bỏ tên Việt đổi lại là Prasath. Làng này thuộc Phủ Svay Téap, Tỉnh Svay Riêng, giáp ranh với làng Phước chỉ (Rạch-Tràm) Nam Việt.

27.— TÌNH NHÂN CỦA VỊ THẦN TRĂNG

Người Miên gọi mặt trăng là Thần Preah Chan đàn ông. Thần Preah Chan có vợ ở trên mặt trăng.

Thuở ấy, dưới trần gian, tại đất Miên có một cô gái tên Chan tự nhiên muốn được làm vợ Thần Trăng nên kê giường ngủ ngoài sân. Cha mẹ cô gái rầy la không được. Hàng xóm cười chê cô gái dị kỳ. Cô Chan vẫn thản nhiên làm theo ý mình.

Ngờ đâu sự ước muốn của nàng Chan được Thần Preah Chan hiểu được, bèn giả làm Hoàng Tử giữa đêm hiện xuống trần tỏ tình yêu.

Nàng Chan sung sướng vô cùng. Cảnh yêu đương cứ tiếp diễn hằng đêm mà không một ai hay biết. Nàng Chan không ngờ mộng thành sự thật, đòi theo Thần Chan lên cung trăng.

Preah Chan bằng lòng đem cô gái lên mặt trăng giấu vào một căn nhà, không cho vợ hay. Nhưng ít lâu sau người vợ biết chuyện muốn hại nàng Chan mới xúi nàng nên đòi chồng đưa đi chơi cho biết trên Trời.

Cô Chan nghe lời, hỏi Thần Trăng. Preah Chan bằng lòng bảo cô bám vào áo, rồi bay đi.

Ra khỏi mặt trăng, gió thổi quá mạnh quất đứt đầu cô gái.

Preah Chan liền nhỏ một giọt nước phép cho đầu sống như thường rồi ôm khúc mình đem về cung.

*

Đầu lâu nàng Chan rớt xuống ao của một vị tu sĩ.

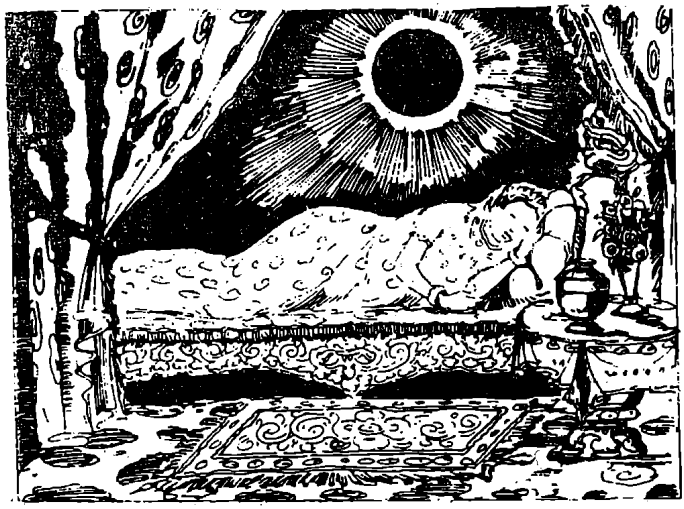

Cô Chan nằm ngủ mơ tưởng đến Thần Trăng

Nghe tiếng động giữa đêm, tu sĩ chạy ra xem, vớt đầu cô gái lên. Đầu lâu nói chuyện như người sống, kể lại sự tích của mình. Tu sĩ cảm động đem đầu lâu nàng Chan giấu trong nhà.

Một hôm, một vị Hoàng Tử đi săn ghé xin nước uống, nghe tiếng cô gái nói chuyện. Hoàng Tử yêu cầu Tu sĩ cho gặp mặt.

Nàng Chan kể lể sự tình. Hoàng Tử cảm động xin Tu sĩ cho nàng Chan theo mình về cung.

Tu sĩ ưng thuận.

Hoàng Tử về trào, lập bàn thờ van vái Thần Trăng, xin cho khúc mình cô gái.

Thần Preah Chan nghe, liền đem khúc mình xuống ráp vào đầu. Nàng Chan sống lại. Thần Preah Chan nói :

— Số mạng do Trời định sẵn. Nàng Chan có hai chồng, một người ở trên trời, một người ở dưới thế. Tình duyên giữa nàng và ta đã dứt, bây giờ nàng sống với Hoàng Tử. Ta chúc hai người hưởng hạnh phúc đến già.

Xói xong, Thần Trăng trở về Trời.

II

TRUYỆN GỐC BÀ-LA-MÔN

28.— ÔNG VUA ĐẠI-ĐAO

Ngày xưa có hai anh em, cha mẹ mất sớm dắt nhau xin vào chùa học đạo. Vị Sư trưởng nhìn tướng mạo biết hai trẻ này ngày sau được hưởng ngôi cao, sang giàu tột bực, mới đem hết môn học sở trường truyền dạy.

Đến tuổi trưởng thành, hai anh em xin hoàn tục. Nhà Sư dặn mấy lời tiên tri với người anh : « Con sẽ qua Tàu làm quan lớn, hưởng lộc đến già », và khuyên người em : « Con phải nhớ 3 điều này : thứ nhất : Ban đêm đừng ngủ, thứ nhì : Đừng nói gì với vợ, thứ ba : Cưới vợ rồi đừng ở nhà. Theo đủ 3 điều con sẽ được làm Vua cả 2 nước. »

Hai anh em tạ thầy về quê. Người anh theo thuyền buôn của người Tàu sang Trung-Hoa làm quan. Người em ở nhà, nhờ bà con cưới vợ và quên lời thầy cứ rúc trong buồng không chịu đi đâu. Không có việc làm, đói rách thái quá, anh ta chỉ có một quần đùi nát bét.

Nhớ đến người anh đang hiển vinh, anh ta ra bến đón thuyền buôn hỏi thăm và theo sang Tàu. Chủ thnyền thuận cho quá giang, hẹn ba ngày sau sẽ lên đường.

Anh cả mừng về khoe với vợ. Người đàn bà rất thích cho chồng đi để đem nhân tình đến ngủ.

Xuống thuyền, anh làm giúp đủ mọi việc, được chủ hài lòng cho ăn uống đầy đủ, nhưng không cho áo quần.

Đến nơi, chủ thuyền dặn 3 ngày sẽ trở lại Cao-Miên. Anh tìm vào dinh người anh, xưng tên tuổi và ý định. Lúc ấy người anh đi chầu

Hai anh em từ giã thầy đi lập nghiệp

Vua chưa về, người chị dâu thấy anh ta ăn mặc rách rưới ngờ là quân gian tế liền sai lính đóng gông giam lại, chờ chồng về sẽ đem chém đầu.

Bãi chầu, người anh nghe vợ nói, gọi em lên nhìn mặt, cho em ăn uống tử tế bảo ngồi chờ. Ông ta đi tìm một vị bốc sư nhờ xủ quẻ xem vận mạng đứa em. Thầy bói coi rồi bảo rằng :

« Em của Ngài sẽ được hưởng phước nay mai. Vận mạng đã đến. Ông ấy đi về sẽ gặp chuyện may, gặp rồi mất, mất rồi lấy lại được. Sau khi về quê hương, ông ta sẽ được làm Vua hai nước. Chính Ngài sẽ nhờ em Ngài nhiều lắm ».

Người anh tin lời người thầy bói cho em một tấm vải, vài cái quần đùi rách bảo em về nhà.

Anh ta ra thuyền than trời, trách đất, khóc kể om sòm. Người chủ ghe thấy anh không xin được vàng bạc áo quần thì xụ mặt và hành hạ anh rất khổ sở.

Thuyền đi một ngày giữa biển khơi, gặp đêm quá tối, người chủ ra lịnh bỏ neo chờ sáng.

*

Thời vận của gã mặc quần đùi đến, anh ta vụt nhớ lời thầy dặn : « Ban đêm đừng ngủ » bèn thức ngồi chờ sáng.

Lúc ấy có một vị ác thần bay trên không định hút máu đoàn thủy thủ đang ngủ mê man. Lão sà xuống bất ngờ hàm râu lão quét ngang mặt gã mặc quần đùi, bị gã quơ tay túm lấy. Gã quát to :

— Ác thần định hại người phải chăng? Ta sẽ giết ngươi chết.

Vị thần sợ quá, năn nỉ :

— Xin người tha mạng, tôi sẽ cho dây phép quăng lên trói người như chớp, gậy phép chỉ người chết ngay và cái nồi nấu cơm hễ bảo nấu là có đầy cơm ăn hoài không hết.

Anh ta bằng lòng lấy ba vật báu, thả vị thần bay đi. Sáng lại, anh khoe với chủ thuyền. Động lòng tham người chủ bảo anh đưa cất hộ rồi lái thuyền ghé một hòn đảo có cây da mọc dưới nước. Ông ấy bảo anh leo bẻ trái da, thình lình nhổ neo giương buồn chạy thẳng.

Anh kêu gọi khan cả tiếng cũng không làm động lòng tên chủ gian ngoa, túng quá phải nằm trên cây chờ chết. Ba ngày sau, anh thấy một con heo rừng khổng lồ chạy trên mặt biển đến ăn trái da. Con vật đi được trên nước nhờ ngậm hòn ngọc quí. Nó nhả ngọc trên rễ cây tìm trái da rụng. Anh bẻ một nắm trái lớn quăng ra xa cho heo chạy theo ăn, rồi tuột xuống lấy hòn ngọc, ngậm mà chạy theo thuyền buôn.

Anh chạy mau như gió thổi, phút chốc đã leo lên thuyền. Trước vẻ mặt ngạc nhiên của người chủ, anh thành thật kể chuyện vừa qua làm động lòng tham của hắn thêm lần nữa. Hắn ngọt ngào khuyên anh ta giao hắn cất viên ngọc giùm.

Nhưng anh không còn dại dột như trước, trả lời rằng:

— Tôi bằng lòng giao ông giữ, nhưng xin ông cho tôi sợi dây, cây gậy và cái nồi để tôi cột lại làm một gói, tiện hơn.

Người chủ tin lời đưa báu vật ra. Anh ta cầm lấy nhảy xuống biển chạy thẳng về xứ.

Anh chạy đến nửa đêm mới tới nhà, đập cửa gọi vợ. Con đàn bà lang tâm đang ngủ với trai vờ hỏi lòi thôi để tên bợm có thì giờ thoát ngả sau. Trong lúc ấy, anh đào đất chôn 4 món phép dưới chân thang.

Lên nhà, anh nhớ lời thầy dặn: « Đừng nói gì với vợ » nên nhất định không hở môi, nhưng con đàn bà gian xảo, khéo ỏn ỷ một hồi, anh ta kể hết ráo.

Nghe xong, vợ anh phát gắt to lên:

— Tại sao anh không đem lên nhà, lại giấu dưới chân thang?

Nó cố ý nói to để nhân tình nó nấp dưới sàn nghe: quả nhiên tên ấy đào lấy hết 3 bảo vật.

Sáng dậy thấy mất của quí, anh nghi vợ ngoại tình mà không có bằng cớ buộc tội, mới đóng gông cái thang kéo lên quan đi kiện. Ông quan không biết xử cách nào mới đưa lên nhà Vua.

Đức Vua nghe qua, biết có chuyện gian trá ở trong, bèn giữ anh ta lại 3 ngày mới cho mặc quần áo tốt, dặn rằng :

— Nhà ngươi đưa vợ cất quần áo này, đến ngày hội cho phép vợ cất đi chơi, nhà ngươi đừng đi, Trẫm sẽ bắt tên gian phu giùm cho.

Anh bái tạ ơn Vua về nhà khoe y phục mới, bảo vợ cất. Vài hôm sau. Nhà Vua mở hội. Dân chúng kéo nhau đi xem chật đường. Anh giả vờ đau bụng, cho vợ đi một mình. Dâm phụ thích quá, lén lấy áo quần tốt của chồng đưa tình nhân cùng đi.

Nhà Vua dặn bọn lính hầu bắt ngay tên lấy vợ người vào tra hỏi. Hắn không thể chối cải mới đem 3 món báu vật nạp trình. Vua đòi anh chồng đến định đoạt ; anh ta cho hai đứa cưới nhau luôn, chỉ lấy 3 phép dâng Vua và chỉ cách dùng. Nhà Vua cảm động trước cử chỉ hào hiệp định gả Công-chúa cho anh tà và truyền ngôi, nhưng anh từ chối, xin một cây đao mà thôi. Nhà Vua sai thợ dùng 10 tạ sắt rèn một cây đại đao bén vô cùng, có thể chém 7 mảnh vách để chồng lên cũng đứt ngót.

Anh lãnh đao, lạy từ Vua lên đường. Từ ấy anh ta mang tên là Đại-Đao.

*

Đại-Đao cầm khí giới qua xứ láng diềng xin ở giúp việc cho một nhà phú hộ. Ông này có một đứa con gái đến tuổi cập kê. Ông rất mến Đại-Đao vì anh ta siêng năng làm việc và tỏ dạ trung thành với chủ. Ông giao hết công việc nhà, tin cậy anh như con ruột.

Một hôm, vị Quốc-Vương cho gọi các quan trong trào vào cung một đêm để canh chừng. Ông nào làm tròn phận sự sẽ được phong chức hộ vệ và trọng thưởng bạc tiền. Nhà Vua đãi ăn, uống đầy đủ và phát giường, màn, nệm, gối tử tế.

Sẵn tiện nghi, các quan dự tiệc rồi lăn ra ngủ mê man. Nhà Vua rình xem liền đem ra chém đầu tức thì.

Việc trảm quyết âm thầm này làm náo động kinh thành vì không ai biết nguyên do vì sao cả. Ai cũng đinh ninh rằng hễ Vua gọi vào cung thì phải bỏ mạng, nên đến khi tới nhà phú hộ thì ông ta trối trước với vợ con và dặn để tang sẵn. Cả nhà khóc ầm lên như ông đã chết thật sự rồi.

Đại-Đao lấy làm lạ, hỏi đầu đuôi, liền xin đi

thế cho ông. Anh ta thưa rằng đã biết ý định của Quốc-Vương và có cách làm nhà Vua hài lòng.

Anh cầm đao vào cung, không ăn cơm, ngồi thủ một gốc đèn chờ xem động tịnh.

Đến nửa đêm, nhà Vua giả làm quân hầu đi rình. Đại-Đao biết chính vị Quốc-Vương nhưng phát la lên :

— Thích khách, có thích khách vào hại Vua!

Rồi quơ đao chém vào cột đèn chỗ Vua nấp. Anh cố ý chém cho Vua sợ chớ không chém mình rồng.

Anh chém ngã cột này qua cột khác, đến lúc nhà Vua sợ quá bảo ngừng tay mới thôi.

Sáng lại, Đại-Đao về nhà ngủ. Cung Vua sụp hết. Nhà Vua cho lính gọi ông phú hộ khiến ông ta sợ đứt đầu kêu khóc om sòm. Nhưng Vua không giết lại ban khen và truyền đòi Đại-Đao vào bệ kiến. Nhà Vua phong Đại-Đao làm hộ vệ quân, bảo thử đao xem. Đại-Đao chém đứt tiện 7 tấm ván chồng lên nhau mà xem như không có chém, đến lúc xô ván rời ra, Vua mới biết sức bén của cây đao.

Đức Vua bảo ông phú hộ gả con gái cho Đại-Đao, chính nhà Vua đứng làm chủ lễ.

Vài năm sau. Đức Vua lâm bịnh, biết mình khó sống mới gọi Đại-Đao gả Công-chúa và truyền

ngôi vì không có con trai. Đại-Đao tức vị, phong cho ông phú hộ giữ chức kiểm soát cả triều đình.

Vua Đại-Đao cởi ngựa qua thăm vị Quốc-Vương ở quê nhà, lại được Đức Vua gả Công-Chúa và truyền ngôi. Vua cho 4 món báu vật làm của hồi môn rồi băng hà.

Đại-Đao làm Vua hai nước, qua, lại coi sóc chăn dân. Về sau, Đại-Đao sai quân qua Tàu rước người anh về làm Vua ở quê nhà, còn mình ở nước của vợ.

29.— QUỐC-VƯƠNG RAMA VÀ HOÀNG-HẬU SITA

Vài tháng sau ngày tức vị đăng quang, Quốc-Vương Rama dắt Hoàng-Hậu Sita vào rừng săn bắn. Cùng đi với Bá quan có Hoàng Đệ Laksana, một tay thiện xạ trong triều.

Cuộc xua đuổi thú kéo dài đến trưa, Nhà Vua mệt mỏi truyền lịnh nghỉ dưới một cội cây to.

Lúc ấy Vua Chằn Ravana ở lãnh thổ Langkar bay ngang qua thấy Hoàng-Hậu thì động lòng tà, bèn biến thành con nai vàng chạy nhởn nhơ trước mặt. Hoàng-Hậu muốn bắt sống con nai đem về nuôi, lại thích được Nhà Vua tự tay trói con vật nên yêu cầu chồng chiều ý mình.

Thương vợ, Quốc-Vương Rama quên cả mệt mỏi, vùng dậy rượt nai. Con thú tinh quái chạy loanh quanh vào rừng sâu và biến mất. Nhà Vua ruổng kiếm hàng giờ không thấy vân mòng.

*

Chờ chồng quá lâu, Hoàng-Hậu Sita nhờ Hoàng-Đệ Laksana đi tìm.

Nhân cơ hội ấy, Vua Chằn Ravana biến hình một vị tu sĩ già lụm cụm đến.

Hoàng-Hậu kính cẩn vái chào tu sĩ và hỏi thăm tin tức của chồng.

Vua Chằn giả hiệu làm bộ tính toán, bói quẻ lăng xăng rồi giảng giải rằng. Nhà Vua thế nào cũng lâm nạn và số của nàng không được gần Vua mãn đời. Nàng có duyên nợ với Vua Chằn Ravana.

Trận chiến giữa Hầu Vương Hanuman và Chằn Ravana

Hoàng-Hậu Sita nổi giận trước lời xấc láo vung tay đánh nhà tu hành và xỉ vả thậm tệ.

Vua Chằn giả hiệu tức mình biến ra hình thiệt cắp nàng vào nách bay đi.

*

Khi gặp anh ở giữa rừng sâu Hoàng-Đệ Laksana theo Nhà Vua trở về chỗ cũ mới rỏ sự tình. Nhà Vua than khóc rầm trời, nỗi đau đớn không thể nào tả hết được.

Lập tức, Ngài triệu tập đại đội hùng binh cùng em hợp với Hầu Vương Hanuman, Vua của loài khỉ, kéo qua lãnh thổ Langkar kịch chiến với Vua Chằn.

Tên cướp vợ người chưa kịp dở trò gì kế nghe tin quân linh đến bủa vây thành quách, bèn cầm khí giới ra cự địch.

Mặc dầu biết phép đằng vân nhưng sức Chằn không qua sức người, sau một trận thư hùng, Quốc-Vương Rama chém bay đầu Chằn dưới ngựa, dẹp tan đám quỉ sứ. Hầu Vương Hanuman xua quân khỉ phá ngục cứu Hoàng-Hậu Sita, hát khúc khải hoàn.

30.— VỊ THẦN KABINH MAHAPRUM

Người Cao-Miên cử hành lễ Tết, gọi là « Vào năm mới » (Chaul Chnam thmey) vào giữa tháng 4 Dương-lịch, căn cứ theo một truyền thuyết của Bà-la-môn giáo : chuyện vị thần Kabinh Mahaprum thua trí cậu bé Thommabal.

Từ thuở Ngọc đế Indra tạo nên Trời, Đất, có một vị Quốc vương sanh một Hoàng-tử thông minh, đỉnh ngộ tên là Thommabal.

Vừa mới lên năm, Hoàng-tử Thommabal đã bắt đầu học. Học đâu nhớ đó, học một biết hai. Đến năm lên bảy, Hoàng-tử thông cả bộ sách thiên văn, bói toán, luật lệ, kinh điển của chư vị thần linh.

Nhà vua rất hài lòng được đứa con quí, truyền bá quan xây cất một dinh thự giữa khu vườn rộng để Hoàng-tử tiếp xúc với mọi người. Ngày đầu tiên ở tư dinh, Hoàng-tử mời đồng bào đến nghe Ngài thuyết pháp về lời khuyên dạy của Chư Thiên trong việc gìn giữ hạnh phúc ở đời. Hoàng-tử được đồng bào hoan nghinh nhiệt liệt vì đấy là lần đầu tiên thiên hạ nghe người ở trần gian giảng giải đạo lý. Kế tiếp nhiều ngày sau, Hoàng-tử đem những điều đã học hỏi truyền bá khắp dân-gian. Người đời bây giờ gọi Hoàng-tử

là nhà hiền triết, tiếng Bắc Phạn (Sanscrit) gọi DHARMAPALA là nhà giữ gìn luật pháp.

Tiếng khen tài nhà hiền triết Thommabal, vị Đông-cung Thái-tử mới bảy tuổi đã quán thông kim cổ bay đến tận thiên đình. Vị thần KABINH MAHAPRUM là vì thần có 4 mặt, chuyên xuống trần thuyết pháp dạy đời, nghe qua liền nổi lòng ghen tức. Thần tìm kế hại Thommabal để giành lấy địa vị của mình bị lung lay. Nghĩ xong, Thần bay xuống Dinh, gọi Ông Hoàng tí-hon mà rằng:

— Ta là Kabinh Mahaprum, chắc Thái-tử thường nghe tiếng. Ta không ngờ Thái-tử thông

Vị Thái-tử chuyên cần học tập

minh đến thế, đã thu phục được rất nhiều người ham mộ. Nhưng ta chưa tin hẳn tài của Thái-tử, mới tìm Thái-tử thử xem có đúng không? Ta hỏi Thái-tử 3 câu và hẹn Thái-tử trong 7 ngày ta sẽ trở xuống nghe trả lời. Nếu Thái-tử đáp trúng ta sẽ tự cắt đầu trước mặt Thái-tử, còn trái lại, Thái-tử phải dâng đầu cho ta.

Thommabal không thể chối từ, đành phải vâng lời. Hơn nữa, Ngài cũng tin tưởng ở sự hiểu biết của mình.

Vị Thần tỏ vẻ hài lòng nói tiếp:

— Ta hỏi Thái-tử:

Câu thứ 1: buổi sáng, cái duyên (1) con người ở đâu?

Câu thứ 2: buổi trưa, cái duyên con người ở đâu?

Câu thứ 3: buổi tối, cái duyên con người ở đâu?

Hỏi xong, Thần cỡi mây về Trời.

Hoàng-tử Thommabal suy nghĩ suốt ngày không tìm ra lời giải. Ngài đi quanh quẩn trong dinh, rồi đi khắp khu vườn từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều tối mà không biết trả

(1) Duyên là vẻ đẹp, nét thanh tao của con người. Người Việt gốc Miên rất chú trọng đến nét duyên dáng của mình.

lời thế nào. Một ngày qua, rồi hai ngày, ba ngày tới ngày thứ năm, Ông Hoàng bé nhỏ đâm ra hoảng sợ. Ngài nghĩ rằng nếu chờ đến thứ bảy, Thần Kabinh Mahaprum xuống hỏi thì chắc chắn Ngài phải mất đầu. Sáng hôm thứ sáu, Ngài trốn khỏi dinh chạy cùng trong rừng. Chạy suốt buổi sáng, bụng đói, chân mỏi, Ngài ngồi dựa gốc cây thốt nốt nghỉ mệt.

Lúc ấy, trên ngọn cây có 2 con linh điểu chuyên ăn thịt sống, tên là SÁT ANGRY đang nói chuyện với nhau. Con chim mái hỏi chồng :

— Ngày mai, chúng ta sẽ đi ăn ở đâu ?

Chim trống đáp :

— Mai này đúng ngày Thần Kabinh Mahaprum hẹn với Hoàng-tử Thommabal. Chắc chắn là Hoàng-tử sẽ bị thần cắt đầu ; chúng ta sẽ ăn thịt Hoàng-tử.

Chim mái hỏi :

— Tại sao Hoàng-tử bị Thần giết ?

— Vì thần hỏi 3 câu mà Hoàng-tử trả lời không được, tự nhiên phải bị mất đầu.

Chim mái ngạc nhiên :

— Ba câu ấy hỏi điều gì mà một người thông minh như Thommabal lại không giải đáp nổi ?

Chim trống đáp :

— Thần hỏi : buổi sáng, buổi trưa, buổi tối cái duyên con người ở đâu ?

Chim mái tò mò :

— Vậy Ông có biết không ?

Chim trống cười quàng quạc :

— Có gì mà không biết ? Này, buổi sáng cái duyên con người ở mặt, nên người ta rửa ráy sạch sẽ sau khi thức dậy ; buổi trưa cái duyên con người ở ngực, nên người ta tắm mát ; buổi tối, cái duyên ở chân nên người ta rửa chân trước khi ngủ.

Hoàng-tử Thommabal nghe chim nói, mừng rỡ khôn cùng, lật đật trở về dinh.

Hôm sau, đúng hẹn, Thần Kabinh Maha-prum cầm gươm vàng bay xuống.

Hoàng tử Thommabal quỳ lại nghinh tiếp, đoạn trả lời 3 câu hỏi của Thần đúng theo lời chim Sát Angry nói.

Vị Thần thua cuộc, ngửa mặt lên trời gọi bảy đứa con gái của Thần đến truyền rằng :

— Cha thua trí Hoàng-tử này và theo lời hứa, cha phải tự cắt đầu tức khắc. Các con hãy nghe cha dặn : đem đầu cha để trong một ngôi tháp, đừng cho người trần chạm đến

vì nếu họ bỏ đầu xuống biển thì biển cạn khô, quăng lên trời thì không có mưa, để trên mặt đất thì đất khô cứng.

Phán xong, Thần rút gươm vàng tự cắt đầu trao cho đứa con gái lớn tên Tungsa. Thân mình Thần hóa thành luồng khói xanh bay vút lên cao.

Vị Nữ Thần để đầu cha trên cái ô vàng, cùng 6 cô em đưa vào ngôi tháp xây trong cái hang thủy tinh tên là Dhamma — Khantolina-di trên đỉnh núi Kalass, trong khu rừng yên tĩnh nhất của dãy Hi-mã Lạp-sơn.

Từ đó về sau, mỗi năm một lần, đúng ngày Thần Kabinh Mahaprum tự sát, 7 cô gái xuống trần vào tháp bưng đầu lâu bốn mặt của cha đến núi Tudi (1), đi theo hướng mặt trời vòng quanh chân núi 3 lần trong 60 phút. Mỗi năm, một cô gái bưng một lần, theo thứ tự ứng vào mỗi ngày trong tuần lễ. Ví như ngày vào năm mới tính nhằm Chúa nhật thì đó là do cô gái lớn tên Tungsa hướng dẫn, cỡi trên lưng thần điểu Garuda (2). Ảnh hưởng của vị Tiên-nữ dẫn đầu này

(1) Tudi : Tiếng Phạn gọi là Méru, ngọn núi theo thần thoại Bà-la-môn là trục của thế giới.

(2) Garuda : chim thần theo thần thoại Bà-la-môn thân người, đầu chim, trên lưng có hai cánh, có đuôi.

mang lại niềm hạnh phúc hay sự buồn rầu suốt năm tùy theo tâm tánh của mỗi vị.

Cùng đi theo đoàn có một vị thiên tôn, con của Ngọc-đế Indra, hướng dẫn một toán Chư Thần gọi là Tep Nikar Amaradek, tổng số là một triệu lần 10 muôn người, các chư thần này ăn mặc rất đẹp, ướp nước hoa thơm ngát.

Đi ba vòng chân núi xong, vị Nữ-Thần đem đầu lâu cha vào tháp. Sau đấy, tất cả chư thần và vị thiên tôn xuống hồ Anottaktak tắm rửa. Hồ này là một trong bảy cái hồ của dãy Hi-mã lạp-sơn có một mảnh đá kim cương phun nước mát dịu. Mảnh đá này chính là miệng của con bò tót thần tên Usąbharaja. Trong lúc ấy, vị thần điêu khắc của thượng giới tên Vissakarma dựng một ngôi đền lấy tên là Dhamma Sub Hâga Sala và mời chư thần vào hưởng mọi điều vui sướng, an nhàn, trường sanh bất tử.

Ngày đó là ngày bắt đầu « vào năm mới » của người Việt gốc Miên. Theo sử sách thì do cuộc lễ rước đầu lâu, các nhà thiên văn, bói toán mới đoán trước thiên hạ được hưởng cảnh thái bình, hạnh phúc, hoặc loạn lạc, đau thương.

Các vị thiên tôn con của Ngọc-đế Indra đi theo đám rước đều thay đổi mỗi năm một vị chiếu theo số 12 con giáp trong 1 kỷ. Qua 12 năm thì vị thứ nhất trở lại. Mỗi vị cỡi thú, ăn mặc, dùng thực vật và xử dụng khí giới khác nhau. Người ta luận theo những chi tiết ấy mà đoán điều hung, kiết cho năm mới. Vì như năm 1965, vị thần ra đời tên Reakabostévea là vị thần chuyên uống máu (không dùng hoa quả, ngũ cốc), điềm này ra điềm trong nước có cảnh giết chóc, máu đổ thịt rơi. Thần mặc sắc phục đen là điềm buồn rầu, chia ly. Tay mặt Thần cầm cung, tay trái cầm chỉa ba là loại khí giới bằng kim khí, ứng vào điềm có hoạ chiến tranh và biến đổi từng giai đoạn. Thần cỡi heo là con thú ngu ngốc, dơ dáy nhất, ứng vào điềm đường lối không sáng suốt. Trên mão Thần có viên ngọc Mòra soi sáng và ở phía sau hai lỗ tai Thần có 2 cái bông sen là điềm Phật-giáo được thịnh hành, rọi khắp nhân gian.

31.— TRUYỆN HOÀNG-TỬ PRÉAH SANG

Ngày xưa, Quốc-Vương Samalréach và Hoàng hậu Montéa có 7 nàng công chúa đến tuổi cập kê.

Một hôm, nhà Vua cho mời các vị Hoàng thân, Vương tôn, Công tử chưa vợ họp tại sân chầu và ra lịnh cho 7 nàng công chúa chọn ý trung nhân trong đám người tài ba lỗi lạc ấy. Bảy cô gái thẹn thùa cúi gầm mặt xuống không dám nhìn thẳng những chàng thanh niên.

Thấy vẻ nóng nảy của nhà Vua, mấy bà Vú nuôi và thị tì giục các nàng cứ mạnh dạn lựa chọn cho vui lòng Vua Cha. Sáu nàng liền trao vòng hoa cho người mình vừa ý, chỉ có cô út tên Pou Réachena xin Nhà Vua cho ở trong cung hầu cha mẹ.

Vị Quốc-Vương không bằng lòng, nhỏ nhẹ khuyên cô gái, và theo ý kiến của Hoàng hậu, Ngài cho mời các chàng trai đến họp mặt một lần nữa. Nhưng nàng Pou Réachena vẫn không trao vòng hoa cho Cậu nào cả.

Bấy giờ, Quốc-Vương Samalréach nổi giận,

truyền gọi một Người Rừng đến cho Công chúa chọn, dụng ý để làm nhục cô gái khó tánh.

Người Rừng này ngụ ngoài cửa thành vốn là Hoàng tử Préah Sang thuở nhỏ bị một bà Chằn (Yaksini) bắt cóc đem về nuôi và thương mến như con ruột, Bà Chằn dạy Hoàng tử biết nhiều phép thần thông biến hóa. Đến ngày Hoàng tử lớn khôn, biết mẹ mình không phải là Bà Chằn, liền bỏ trốn đi tìm mẹ ruột. Bà mẹ nuôi than khóc yêu cầu Hoàng tử đừng đi nhưng Préah Sang cương quyết lên đường. Bà không thể ngăn cản được đứa con nuôi vì trước khi rời khỏi nhà,

Nhà Vua khuyên các cô gái lựa người chồng vừa ý

Hoàng tử đã ngâm mình dưới giếng vàng và giếng bạc, da thịt của Hoàng tử nhờ đó không sợ khí giới xâm phạm đến. Hoàng tử lấy mặt nạ Người Rừng đeo vào nên có tên là NGOS, mang đôi giày có thể đi ngàn dặm và bay trên mây. Ngos lấy luôn cây gậy phép của Bà mẹ nuôi.

Khi lính hầu đến mời vào chầu Vua, Hoàng tử không vâng lời, ngồi dính mình trên ghế. Bọn lính đến xô đẩy không nhúc nhích, lấy dây cột vào kéo cũng trơ trơ.

Người lính hỏi đứa bé chăn trâu, được biết Hoàng tử rất thích hoa, liền lấy một bó hoa cột vào đầu cây sào dài để trước mũi. Người Rừng liền đứng dậy đi theo bó hoa.

Giữa Triều, Quốc Vương, Hoàng Hậu và các quan đều kinh sợ trước vẻ mặt gớm ghiếc của ông Hoàng Ngos. Mấy vị võ quan muốn

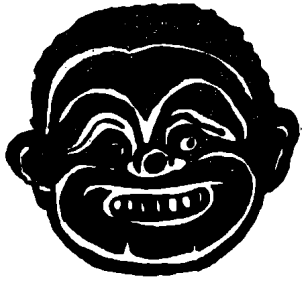

Chiếc mặt nạ của chàng Ngos

bắt Người Rừng lôi ra khỏi cung, nhưng Công chúa Pou Réachena cảm thấy đôi mắt Hoàng tử lóng lánh như vàng ngọc sau bộ mặt kỳ dị. Nàng cảm thấy như đã quen biết và thương yêu Hoàng tử từ kiếp trước. Lập tức Nàng quăng vòng hoa đến Hoàng tử và nhắm mắt lại, vái thầm cho nàng được toại nguyện. Khi mở mắt ra, Công chúa thấy vòng hoa tròng vào cổ ông Hoàng Ngos, nàng liền đi ngay lại đứng bên cạnh chàng.

Quốc-Vương và Hoàng Hậu nổi trận lôi đình, ban cho con gái út và chú rể một cái chòi tranh trong rừng.

Hoàng tử bái biệt cha mẹ vợ, đưa Công chúa về nhà mới. Nàng Réachena buồn bã rời khỏi Hoàng thành đến căn chòi rách, lòng tràn ngập nỗi lo âu.

Tối lại, tới giờ hợp cẩn, Công chúa bỗng thấy ghê sợ bộ mặt gớm ghiếc của chồng ; nàng định bỏ nhà chạy trốn. Bấy giờ Hoàng tử Préah Sang cởi mặt nạ Người Rừng và quần áo rách rưới ra, nghiễm nhiên là một chàng trai xinh đẹp. Công chúa vui mừng khôn xiết, yên lặng ngắm người chồng quý-phái đã đội lốt xấu xa.

*

Thời gian qua, Quốc-Vương Samalréach vẫn còn tức giận Ngos đã cám dỗ con gái mình. Ngài tìm cách buộc tội chàng rể út để giết mới hả lòng. Ngài bèn ra lịnh cho 7 chàng rể đi câu cá và bắt mỗi cậu phải đem về đủ 100 con. Bảy người vâng lịnh ra bờ sông. Riêng Préah Sang tìm chỗ khuất, cởi mặt nạ ra, đọc câu thần chú của bà mẹ nuôi đã dạy. Tức thì hàng ngàn cá đủ loại lội đến nạp mình. Hoàng tử tha hồ bắt. Trong lúc ấy, sáu cậu Phò Mã không câu được con nào, dắt nhau đi tìm đứa em út. Sáu cậu thấy một ông Hoàng xinh đẹp ngồi trước đống cá kếch sù thì cho rằng mình gặp một vị thần. Sáu cậu xin mỗi cậu 100 con cá.

Préah Sang đòi cắt mỗi cậu một chót mũi mới cho cá.

Preah Sang trổ tài bắn cung

Nhà Vua không buộc tội được chàng rể út, nghĩ ra cách khác. Ngài ra lịnh bảy chú rể đi săn nai, buộc mỗi chú phải đem về 1 con.

Cũng như lần trước, Hoàng tử Préah Sang bắt được vô số nai, còn sáu ông Phò Mã về tay không. Để có con thú dâng Vua Cha, sáu ông phải xin Hoàng tử mỗi người 1 con nai và chịu cho cắt 1 lỗ tai.

Đến lần này mà Quốc-Vương Samalréach vẫn chưa biết tài của Hoàng tử.

Ngọc Hoàng Indra thấy vậy mới bày một kế để mở mắt Nhà Vua. Ngọc Hoàng cho một đạo binh đến vây Hoàng thành. Các tướng tài ra trận đều bị đánh lui, cả đến sáu vị Phò Mã cũng không giải vây nổi.

Khi ấy, Người Rừng chồng cô Công chúa út, cởi bộ mặt nạ, cầm gậy bay lên mây đánh với quân địch, đuổi chúng khỏi biên cương.

Quốc-Vương Samalréach biết mình đã đánh giá lầm chàng rể quý, rước Hoàng tử Préah Sang và cô gái út Réachena về cung dưới sự hoan hô nồng nhiệt của dân chúng.

32.— CÔNG CHÚA TÓC THƠM

Ngày xưa có vợ chồng nhà kia sanh được 2 trai đặt tên là Chan Préa Khat và Son Préa Khat. Cả hai cậu làm biếng vô cùng, suốt ngày chỉ nằm khàn xem mây, ngắm gió chứ không chịu làm gì cả. Đến năm 12 tuổi, thằng anh bảo em rằng :

— Ngày nay chúng ta không thể ở nhà được vì cha mẹ không nuôi nổi chúng ta. Vậy anh em mình xin đi xứ khác.

Thằng em vâng lời, cha mẹ chúng không buồn thấy chúng nữa, nhận cho lìa quê hương.

Ra khỏi nhà, chúng nó không làm lụng gì hết, chỉ tìm trái cây ăn đỡ đói hoặc đi hành khất. No nê rồi lại nằm dài ngắm gió, xem mây. Chúng làm biếng đến nỗi không chịu trải lá mà nằm chỉ lủi càn dưới cát. Có người mướn chúng làm việc, chúng từ chối :

— Chúng tôi rất sợ cử động tay, chân, xin lỗi ông bà.

Một hôm, có vị đạo sĩ đi ngang khu rừng gặp anh em Chan, và Son đang nằm ngủ. Đạo sĩ ngắm tướng mạo, biết được tương lai của chúng, bèn gọi về nhà truyền đạo. Chúng nó lại từ chối vì sợ ông lão bắt làm việc. Đạo sĩ hứa sẽ không nhờ làm gì hết, chúng mới bằng lòng.

Ở được 2 ngày, chúng nó nằm dài mà học, xong rồi ăn, ngủ. Qua ngày thứ ba chúng nó xin đi. Bạo sĩ cho hai cây gươm phép, chỉ vào ai, thì kẻ ấy chết liền. Người cầm gươm muốn gì được nấy, có thể chỉ cả một đạo quân cũng chết hết. Mỗi đứa giữ một cây, khi nào đứa

Ông Chằn đòi ăn thịt Công chúa

kia chết thì cây gươm của đứa này có 3 chấm sét. Đứa còn sống cầm gươm chỉ đứa chết sẽ sống lại.

Hai anh em lãnh gươm từ tạ Đạo sĩ, đi ngang rừng rậm gặp con cọp, liền chỉ một cái, cọp lăn ra chết. Từ đó đến 10 năm sau, không lần nào anh em dùng đến gươm linh.

Năm 22 tuổi, Chan dắt em đi đến một vùng trù mật dân chúng, làm ăn thịnh vượng, mọi người đều tỏ vẻ lạc quan. Họ bảo đó là nhờ sự ủng hộ 2 vị Chằn tinh mà mỗi năm Nhà Vua phải nộp một đứa con gái cho chúng ăn thịt.

Lúc ấy, vua còn một đứa con gái Út thứ 21, phải nộp cho Chằn, sau khi bị chúng ăn hết 20 đứa rồi. Nàng công chúa tên là Pou vừa được 16 tuổi. Nhà Vua xin thế con gái thường dân nhưng 2 Chằn không chịu, mới sai quan đưa nàng Pou vào nhà Chằn chờ chúng nó về đánh chén.

Giữa khi 2 Chằn đi vắng, Chan và Son mang gươm đi ngay vào nhà. Công Chúa thấy 2 người liền đuổi ra vì sợ Chằn sẽ giết chết. Cả hai cười xòa, hứa sẽ giết loài Chằn dữ cứu nàng Pou. Nàng Pou không tin cứ đuổi liền miệng.

Còn đang giằng co, 2 Chằn bay về. Nghe tiếng gió ào ào, Chan đóng cửa cầm gươm chỉ vào. Hai Chằn xô không được, kê lưng đẩy không trôi. Thình lình Chan rút gươm, cửa bung ra hai Chằn té nhào.

Công Chúa thấy Chằn sợ quá chết ngất. Hai anh em chỉ gươm, hai Chằn ngã quay lơ, hồn lìa khỏi xác.

Chan lấy nước dừa đổ vào mặt Công Chúa, gọi nàng tỉnh dậy và bảo nàng về triều. Công Chúa không chịu về bảo rằng Vua cha không thương mới cho Chằn ăn thịt, bây giờ nàng nhất định theo Chan.

Chan nói :

— Chúng tôi làm biếng lắm, không muốn làm lụng gì cả. Nếu cho nàng theo chỉ bận bịu và mất công tôi coi sóc.

Công Chúa khóc lóc đòi theo nhưng không làm anh em động lòng. Cả hai bỏ đi ngay. Nàng Pou chạy theo một đỗi, mệt quá lủi vào rừng nằm ngủ. Chan và Son vẫn tiếp tục đi luôn.

Rạng ngày, Nhà Vua truyền hai vị quan đến hốt xương Công Chúa về mai táng. Hai quan thấy xác Chằn, tưởng Chằn còn ngủ mê và không thấy xương Công Chúa ở đâu, nên không dám tới gần.

Nhà Vua sai 2 ông khác, hai quan thấy Chằn chết mà không thấy Công Chúa, bèn về tâu láo rằng : đã giết hai Chằn trong giấc ngủ, còn Công Chúa đi đâu không biết.

Vua cả mừng, bảo 2 quan đi tìm Công Chúa, hễ gặp thì được. Vua gả và nhường ngôi.

Hai quan chạy tìm thấy nàng Pou nhưng nàng không chịu về. trào. Vua thân hành cỡi voi và dắt voi của Công Chúa đi trước, nàng mới chịu về, nhưng tỏ vẻ không vui và trách Vua không thương mình, chứ không nói chuyện hai anh em Chan và Son.

Nhà Vua giữ lời hứa, gả Công Chúa cho một vị quan đã giết Chằn và nhường ngôi. Công Chúa nghe tin vội thuật hết các việc xảy ra, khiến Vua cha nổi giận bắt hai tên quan dóc láo giam vào ngục và sai người đi tìm hai anh em Chan và Son.

Hai anh em hỏi rằng :

— Chúng tôi làm biếng quen thân, không muốn làm gì cả, tội gì làm Vua cho mất công. Vả lại, đã đi còn trở về thì mệt lắm.

Khi ấy, xác 2 Chằn xình thúi lên, dân chúng bị bịnh dịch chết khá nhiều. Nhà Vua sai hàng ngàn quân lính đến kéo xác Chằn đem chôn cũng không lay chuyển nổi. Đang lúc

phân vân, thình lình 2 anh em Chan trở lại, dùng mũi gươm đẩy xác Chằn ra đồng trống, đào huyệt chôn rồi vào triều.

Nhà vua tỏ ý định gả con và nhường ngôi. Công Chúa cũng tỏ thật đã thương người anh lúc đổ nước dừa gọi nàng tỉnh dậy.

Chan Préa Khat vâng lời ở lại xưng vương. Người em, Son Préa Khat xin đi một mình. Chan cho em một nắm hột của một loại cây ít có mọc trong rừng, dặn em trồng theo đường em đi qua, để khi nào cây gươm của mình sét, sẽ tìm theo dấu mà cứu.

Son vâng lời, bái biệt anh, chị vừa đi vừa trồng cây, đến thành Nokor Thom thấy dân chúng đi hết, vì có một giống chim khổng lồ tàn-sát sanh linh đến không còn một ngọn cỏ.

Son vào thành hoang, ngồi trên mặt một cái trống lớn, hửi thấy một mùi thơm kỳ lạ không biết ở đâu tiết ra. Chàng nhìn mặt trống thấy có một cái lỗ nhỏ, chưa kịp xem xét kế bầy chim dữ bay lại mổ chàng.

Chàng cầm gươm đánh tới chiều giết hết cả bầy chim, còn sót 2 con hoảng sợ bay mất. Chàng ngồi lên mặt trống nghỉ mệt, lấy ngón tay bịt lỗ nhỏ thì bị chích đau nhói, chàng bịt nữa thì bị chích nữa, liền lấy gươm rọc mặt trống thấy một cô

gái đẹp tuyệt trần, có mớ tóc huyền thơm ngào ngạt.

Nàng xưng tên là SocKraaup, con của một vị Quốc Vương trị vì thành Nokor Thom, vì bị chim dữ giết hại. Vua cha đề nàng vào trống chạy trốn, bất ngờ quân lính bỏ quên. Hiện thời nàng không biết Vua cha ở đâu mà tìm.

Son tìm nơi trú tạm cho Công Chúa nghỉ một đêm. Rạng ngày mùi thơm của Tóc nàng bay xa, dân chúng biết nàng thoát nạn và không thấy chim bay nữa gọi nhau trở về.

Quần thần thuật cho Công Chúa biết rằng, nhà Vua có lén tìm con, bị chim ăn mất xác. Công chúa thuật chuyện Son giết bầy chim và tỏ ý muốn lấy chàng làm chồng. Bá quan đồng ý tôn Son lên ngôi Vua.

Một hôm Hoàng Hậu tóc thơm xuống sông tắm với tên thị tì thân tín, không may, nước cuốn thị tì trôi đến nước một vị Quốc Vương bị bịnh cùi. Nhà vua vừa góa vợ, còn đang kén chọn.

Quan tuần sông vớt thị tì đem nộp nhà Vua, bắt hầu Vua thay đứa thị tì mới chết. Nhân lúc gần Vua, thị tì kể chuyện Hoàng Hậu tóc thơm. Nó kể hay quá, khiến Nhà Vua mê man, mới truyền, cho nó tìm cách bắt cóc Hoàng Hậu. Khi thành công, Nhà Vua sẽ thưởng bạc, vàng và phong chức lớn.

Nó xin 10 chiếc ghe chở hàng lụa, gấm vóc,

đồ nữ trang, mỗi ghe có 10 người chèo thật mạnh cùng đi với nó về Nokor Thom.

Đến nơi, nó neo ghe giữa dòng ngồi xuống nhỏ vào Thành hầu Hoàng Hậu. Nàng tóc thơm mừng gặp đứa nghĩa bộc, cho ở lại như cũ.

Giữa đêm, nó lén lấy gươm phép chỉ vào mình Vua Son Préa Khat. Vua chết ngay. Hoàng Hậu thấy Vua băng hà, bèn an táng theo lời dặn, bỏ thây vào hòm trống chôn dưới đất chứ không hỏa thiêu.

Nhân thấy Hoàng Hậu buồn rầu, thị tì mời xuống ghe xem hàng hóa và nữ trang. Bà Vua tin thật xuống ghe, thì nó ra lịnh nhổ neo, chèo tuốt về xứ Vua cùi.

Đến nơi, Bà không chịu lên bờ, Vua cùi xuống ghe bà cầm gươm phép của chồng nói :

— Nếu nhà Vua lại gần sẽ đâm chết.

Vua cùi không dám làm hỗn, truyền dọn dinh thự cho Hoàng Hậu ở riêng.

Ông Vua anh Chan Prea Khat thường ngắm cây gươm của mình để tìm tin tức đứa em, nhận thấy sét 3 chấm biết em thọ nạn, mới giao nước cho vợ đi theo hàng cây của em trồng đến Thành Nokor Thom.

Vua Chan hỏi thăm dân chúng biết đích em mình, liền đến mộ chỉ gươm vào : mộ bật

lên ; chỉ vào nấp : hòm mở ra, chỉ ngay xác chết, đứa em sống dậy.

Vua Son hỏi quần thần biết vợ mắc mưu con đầy tớ phản chủ bàn với anh giả làm hai ông thầy thuốc già râu tóc bạc phơ đến trị bịnh cùi.

Vua cùi bằng lòng cho trị bịnh, lại sai con thị tì nói với nàng tóc thơm rằng khi Vua hết cùi sẽ cưới nàng làm Hoàng Hậu. Nàng tóc thơm không biết nói sao phải vâng lời. Trước khi làm thuốc, hai y sĩ giả xin Vua cho vào cung để xem có ai bị lây thì trị luôn. Gặp nàng tóc thơm, Vua Son bảo yên tâm để ngài giết Vua cùi sẽ về nước.

Hai ông xin nhà Vua cất một cái chòi cao, nấu một nồi nước sôi bỏ thuốc vào tắm sẽ hết ngay.

Trong nháy mắt, Vua cùi bị luộc chín.

Hai anh em thừa thế cầm gươm giết quan quân rồi đoạt ngôi. Hoàng Hậu tóc thơm bắt con thị tì đuổi vào rừng cho thú dữ phân thây. Vua Son lên ngôi trị vì nước ấy và cầm quyền chánh nước của vợ. Còn Vua Chan trở về nước mình. Cả hai quốc vương chăm lo chăn dân, mở mang lãnh thổ thành 3 vững cường thịnh, và không còn làm biếng như trước nữa.

33.— CÔNG CHÚA BALNA

Ngày xưa, một vị Quốc Vương có bảy nàng công chúa đẹp và thông minh hơn người. Nàng út tên Balna tài giỏi hơn 6 người chị. Hoàng Hậu không may mất sớm, bảy nàng ở với Vua cha, được nuông chiều rất mực. Bảy cô lo nấu cơm cho Vua Cha ăn chớ không giao cho đầu bếp.

Sau khi Hoàng Hậu chết ít lâu, trong triều có một vị quan đại thần thất lộc. Bà vợ ông quan này là bạn thân của Hoàng Hậu. Mỗi ngày bà này vào cung lúc 7 nàng Công chúa nấu cơm ; bà hỏi xin chút lửa về nấu cháo.

Nàng út Balna không ưa bà này vì mỗi lần lấy lửa, bà cố ý làm rớt tro trong thức ăn của nhà Vua. Vì các chị tha thứ bà ấy luôn nên Balna không dám nói.

Một hôm, vị Quốc Vương thấy có tro trong thức ăn thì không tin là do con mình làm ra mới rình coi ai lén bỏ vào. Quốc Vương thấy bà vợ quan Đại thần đến xin lửa và cô gái út hỏi :

— Tại sao bà cứ xin lửa hoài vậy ? Ở nhà bà không có hay sao ?

Mấy cô chị ngăn em :

— Đừng nói ! Để bà lấy.

Balna nói :

— Em nghe lời chị, nhưng có ngày chị em ta sẽ hối hận.

Nhà vua lấy làm lạ gọi bà vợ quan đến hỏi nguyên do, thì bà ấy tâu rằng :

— Từ lâu rồi, thiếp thầm yêu trộm nhớ Bệ Hạ mà không có cách gì gặp mặt được, nên phải làm kế ấy để Bệ Hạ gọi vào.

Chồng của Công chúa được Vua cha nhường ngôi

Nhà vua nở nang mày mặt, tự cho mình tốt số có người thương mà không biết. Thay vì trừng phạt bà ấy về tội bỏ tro vào thức ăn, nhà Vua lại cưới bà ấy, tôn làm Hoàng Hậu.

★

Bà Hoàng Hậu mới này có một cô gái riêng. Bà đưa vào cung với ý định hành hạ bảy nàng Công chúa chết lần mòn để sau này con gái bà sẽ lên làm vua. Khi ấy bà sẽ hưởng hết giang sơn và tiền của.

Bà bắt 7 cô gái mặc quần áo cũ rách, làm việc nặng nhọc suốt ngày và ăn cơm khô với nước lạnh. Bà cấm tuyệt không cho bảy cô gặp mặt Vua cha.

Bảy nàng Công chúa chỉ biết lén đến mồ người mẹ khóc kể mà thôi.

Một hôm khi đang khóc lóc, bảy nàng chợt thấy một cây lê từ dưới đất vọt lên, mang đầy trái chín. Bảy nàng mừng quá, bẻ trái ăn no nê. Từ đó, bảy nàng không ăn cơm khô của bà vợ kế của Vua cha nữa.

Bà này ngạc nhiên thấy bảy cô gái càng ngày càng đẹp thêm, chớ không tiều tụy, ốm đói như bà tưởng. Cô nào cũng đẹp hơn cô

con gái của bà, mặc dầu bà cho con bà ăn toàn cao lương mỹ vị.

Bà liền dặn con gái bà đi theo bảy cô kia xem họ ăn món gì.

Nàng Balna thấy cô ả theo mình thì nói với sáu cô chị rằng :

— Các chị hãy coi chừng con rắn độc ấy, nó sẽ biết chúng ta ăn món gì để sống và sẽ nói với mẹ nó hại chúng ta.

Cô Chị nói :

— Em không nên nghĩ quấy cho cô ấy — Chắc cổ không mét mẹ cổ đâu mà lo.

Sáu cô chị gọi cô gái đến cho ăn lê với mình, không tỏ ý giận ghét gì cả.

Nhưng cô gái ấy về thuật chuyện với Hoàng Hậu. Bà này nổi giận nghĩ ra một kế, đóng cửa phòng, xổ tóc nằm trùm mền rên hù hù. Nhà vua nghe vợ đau vào hỏi thăm. Bà nói :

— Thiếp đau đầu dữ dội lắm. Bịnh này uống thuốc không hết chỉ có cây lê mọc gần mộ Hoàng Hậu nhổ cả rễ nấu nước tắm thì dứt ngay.

Nhà vua nghe lời, cho nhổ cây lê nấu nước. Tắm xong bà vua mới hết bịnh.

Bảy nàng Công chúa mất nguồn sống, phục bên mồ bà mẹ khóc than.

Thình lình Balna thấy gần bên mình nổi lên một hồ đầy sữa. Bảy chị em uống tha hồ. Từ đó, bảy nàng không sợ đói.

Bà vợ vua lại ngạc nhiên thấy bảy cô không chết mà vẫn đẹp thêm lên, bèn nghĩ một kế ác độc hơn gọi là trừ dứt hậu hoạn. Bà giả đau thật nặng như gần chết đến nơi.

Nhà vua thấy vợ nguy kịch, cuống cuồng lên. Được thế, bà nói rằng :

— Thiếp chỉ còn chờ chết, nhưng nếu Bệ Hạ hứa với thiếp sẽ cho thiếp vật gì mà thiếp xin thì thiếp mới sống được.

Nhà vua nói :

— Được, trẫm sẵn sàng cho Hậu bất cứ món gì miễn Hậu mạnh thì thôi.

Bà nói :

— Thiếp xin Bệ Hạ cho máu của bảy Công chúa thoa trên trán và hai tay thiếp thì thiếp sẽ mạnh liền.

Nhà vua choáng người, nhưng đã hứa rồi không thể rút lời lại được. Ngài hối hận đi tìm con thấy bảy nàng mặc quần áo rách rưới nằm khóc bên mồ vợ cũ. Ngài rất đau lòng,

dắt bảy con ra rừng sai quân lính dọn cơm ăn.

Tiệc xong, bảy cô lăn ra ngủ. Nhà vua dắt quân lính đi tìm bắn một con nai, lấy máu đem về thoa cho vợ.

Bà này tin là máu của bảy Công chúa nên ngồi dậy nói hết bịnh liền !

*

Trong khi ấy, bảy vị Hoàng Tử của nước láng diềng đi săn trong khu rừng, chợt cậu út nói :

— Các anh có nghe tiếng người khóc gần đây không ?

Sáu người anh lắng tai nghe, rồi kéo nhau đến gặp bảy cô gái đẹp ngồi khóc. Bảy vị Hoàng Tử hỏi nguyên cớ. Bảy nàng Công chúa thuật hết đầu đuôi.

Nghe xong, bảy vị rất cảm động và đồng ý cưới bảy nàng vợ. Bảy vị đưa bảy nàng về Triều đình trình diện với Vua cha. Hôn lễ cử hành trọng thể.

Một năm sau, nàng út Balna sanh một trai. Sáu người chị chưa có con, nên con nàng út được phong làm Thái Tử. Những ngày vui sướng kéo dài. Nhưng một hôm, chồng nàng Balna đi săn

không trở về. Sáu người anh đi tìm cũng mất tích luôn. Bảy nàng Công chúa buồn khổ vô cùng. Cả nước đượm một màu tang.

Một buổi chiều, Balna đang ru con ngủ, sáu chị lo nấu ăn thì có một người ăn mày vào thành vua. Đó là tên phù thủy ác độc trá hình đi bắt người. Hắn vào cung thấy Balna đẹp thì khoái chí mà rằng :

— Ta muốn cưới nàng làm vợ. Nàng sẽ làm bà vua ở thế giới của ta !

Balna đáp :

— Tôi là gái có chồng, có con. Con tôi đang ngủ đây. Tôi không thể nghe lời ông được.

Hắn nói :

— Ta biết chồng nàng. Bây giờ thì chồng nàng đã chết rồi.

Balna nói :

— Chồng tôi chết thì tôi ở vậy nuôi con chớ không lấy chồng khác.

Tên ăn mày tức giận, đọc một câu thần chú. Tức thì Balna hóa thành một con chó đen. Hắn cột dây vào cổ chó mà rằng :

— Nếu nàng không chịu làm vợ ta thì phải làm chó suốt đời. Đoạn hắn dắt con chó đi mất.

Đứa con không có mẹ, ré lên khóc. Sáu người chị chạy ra kiếm không thấy em. Hỏi tôi tớ trong cung thì có đứa thấy một ông già ăn xin dắt con chó đen đi ra cửa. Rốt cuộc, sáu nàng không biết làm sao, đành nuôi cháu thế cho em.

*

Thời gian qua, Thái Tử lớn lên thành một chàng trai khoẻ mạnh và thông minh tót chúng. Thái Tử nghe sáu bà dì kể chuyện sáu ông dượng, cha và mẹ mình thọ nạn thì nổi giận, nhất định đi tìm, sáu bà dì khuyên ngăn không được.

Thái Tử nai nịt hẳn hòi, một mình hăng hái đi ngày này qua ngày khác không thấy dấu vết nào khả nghi hoặc nghe một tin nào chứng tỏ mấy ông dượng và cha mẹ mình còn sống. Thái Tử chán nản khôn cùng.

Một hôm, Thái Tử đến nhà một nông phu. Bà vợ người chủ nhà hỏi rằng :

— Tại sao chú dám đi một mình vào xứ nguy hiểm này ?

Thái Tử đáp :

— Tôi là Thái Tử đi tìm sáu người dượng và cha mẹ tôi bị một tên phù thủy giả làm ăn mày hãm hại.

Bà ấy nói :

— Vậy thì đúng ở đây rồi. Vùng đất này là xứ sở của ông phù thủy đó. Nhưng Thái Tử không nên nói lớn vì ông ta có thể nghe người khác nói ở cách xa 100 dặm. Bảy vị Hoàng Tử đã bị ông ta bắt 12 năm nay và hóa thành đá hết.

Thái Tử nghe nói biết đúng là dượng và cha mình.

Bà nông phu tốt bụng, cho Thái Tử trú ngụ và khuyên chàng nên giả làm con gái để tránh tai họa.

Vài hôm sau, Thái Tử gặp tên phù thủy ghé nhà người nông phu.

Tên phù thủy hỏi người nông phu thì bà vợ người ấy đáp :

— Thưa ngài, đây là cháu gái của tôi mới đến ở với vợ chồng tôi cho có bạn.

Hắn ngắm Thái Tử mà rằng :

— Tốt lắm ! Mày lịch sự lắm ! Tao muốn mỗi ngày mày đem hoa đến cho nàng Công chúa ở trên lầu kia, rồi tao sẽ thưởng mày !

Bà nông phu và Thái Tử xin vâng lời. Tên phù thủy đi rồi, Thái Tử nói :

— Tôi đoán biết là mẹ tôi ở trên lầu đó, nhưng mẹ con cách biệt hơn 10 năm làm sao mẹ tôi nhận ra tôi ?

Bà ấy nói :

— Thái Tử có giữ vật gì trong mình của bà lúc còn ở cung hay không ?

Thái Tử đáp :

— Có chiếc nhẫn.

Bà nói :

— Được rồi, Thái Tử hãy cột chiếc nhẫn vào bó hoa, chắc chắn bà sẽ nhìn ra Thái Tử.

Sáng lại, Thái Tử đem hoa lên lầu. Balna thấy nhẫn thì biết ngay là Thái Tử. Nàng sợ con sẽ bị tên phù thủy hại. Thái Tử thưa :

— Mẹ khỏi lo cho con. Con có cách đối phó với nó. Con cần biết pháp thuật của nó như thế nào để con giết nó. Mẹ hãy hỏi nó ngày mai con sẽ đem hoa đến mẹ, mẹ cho con biết.

Balna nói :

— Hơn 10 năm nay nó bắt mẹ hóa thành chó từ thành Vua dắt về đây và cho biến lại hình người, nó xin cưới mẹ làm vợ mà mẹ nhất định không chịu. Mẹ nói với nó rằng nếu nó ép buộc thái quá thì mẹ sẽ tự tử chết. Nó sợ mẹ liều mình nên giam cấm mẹ ở đây chờ ngày mẹ xiêu lòng. Bây giờ mẹ giả vờ chịu ưng nó chắc nó nói sự thật cho mẹ nghe. Thôi con hãy về đi, ngày mai sẽ có tin.

Thái Tử đi rồi, đến chiều, tên phù thủy vào thăm Balna. Nàng hỏi :

— Tôi có được bó hoa của ông sai con bé gái đem cho. Cám ơn ông lắm. Lâu rồi ông muốn cưới tôi làm vợ, nhưng tôi không chịu là vì tôi muốn tìm hiểu ông. Vậy ông có thể cho tôi biết những gì về ông để tôi suy nghĩ xem có nhận lời ông được không ?

Tên phù thủy nghe nói rất vui lòng. Hắn thấy thương con bé gái vì nhờ nó mà hắn mới được người đẹp chú ý tới. Hắn đáp rằng :

— Nếu nàng chịu làm vợ tôi thì tôi còn giấu nàng làm gì nữa. Sở dĩ ta phải sống riêng biệt ở vùng này là vì linh hồn ta bị giữ tại một nước cách đây rất xa. Nơi đó có một khu rừng rộng, giữa rừng có một khóm cây thốt nốt mọc thành vòng tròn. Giữa vòng ấy có sáu cái bầu nước, phía dưới có chôn một cái lồng nhốt một con két. Đó là linh hồn của ta. Không ai dám tới đó vì ta nhờ sáu Vị hung Thần canh giữ ngày đêm.

Balna nghe được, hứa với tên phù thủy sẽ suy nghĩ một thời gian. Hôm sau, nàng nói cho con nghe.

Thái Tử liền nai nịt lên đường ngay hôm ấy. Nhiều ngày qua Thái Tử chưa thấy khu rừng có khóm cây thốt nốt, nhưng vẫn không ngã lòng.

Một hôm, Thái Tử đang nằm nghỉ dưới một gốc cây, thình lình nghe một tiếng động giật mình ngồi dậy, thấy một con rắn lớn đang bò lần tới một cái ổ chim trên cây. Thái Tử liền rút gươm chặt đứt đầu rắn. Tức thì có hai con phụng hoàng bay xuống quỳ dưới chân Thái Tử nói :

Nhiều năm rồi con rắn này ăn con chúng tôi hoài, hôm nay Ngài cứu mạng các con chúng tôi, xin Ngài cho biết Ngài muốn gì, chúng tôi sẽ làm ngay.

Thái Tử nói :

— Chim hãy đưa ta đến khu rừng có khóm cây thốt nốt và có sáu hung thần canh giữ cái lồng két.

Phụng Hoàng vâng lời. Thái Tử lên lưng chim, bay đến nơi, thừa lúc sáu hung thần nằm ngủ, nhẹ nhàng đáp xuống. Thái Tử lén lấy cái lồng két, giục chim bay về nhà người nông phu.

Hôm sau, tên phù thủy ghé nhà thấy con két thì giật mình hỏi :

— Con két này ở đâu mà bà có ?

Thái Tử giả gái đáp :

— Ông xem nó đẹp không ? Nó khôn lắm đó.

Tên phù thủy nói :

— Mày bán không ? Bao nhiêu tao cũng trả.

Thái Tử nói :

— Tôi không bán đâu.

Tên phù thủy nài nỉ :

— Mày bán đi ! Muốn bao nhiêu vàng bạc tao cũng trả liền.

Thái Tử liền đổi giọng, quát rằng :

— Muốn được két, ngươi phải thả bảy vị Hoàng Tử bị ngươi hoá thành đá và Công chúa Balna đưa đến đây.

Tên phù thủy hoảng hồn, vâng chịu. Hắn đọc thần chú, tức thì 7 vị Hoàng Tử và Balna đến liền. Hắn nói :

— Đưa két cho ta !

Thái Tử nói :

— Chưa đủ. Ngươi phải thả tất cả người nào bị giam giữ, cho về nguyên quán ngay.

Tên phù thủy run sợ, vâng lời thi hành liền.

Những người vô phước bị giam cầm đều được lành mạnh về nhà trong chớp mắt.

Tên phù thủy đòi két. Thái Tử mở lồng nắm đầu két lôi ra, bẻ gẫy một cánh. Tên phù thủy bị gẫy một tay. Thái Tử bẻ một giò két, hắn

bị gãy một chân. Thái Tử bẻ cổ kẻt, hắn ngã ra chết.

Trừ xong mối hại, Thái Tử ban thưởng người nông phu trọng hậu, rồi theo 6 dượng và cha mẹ về Triều.

Sau một tháng sống yên vui, bảy vị Hoàng Tử cùng vợ con kéo quân về nước vợ, bắt bà Hoàng Hậu ác độc và đứa con gái giam suốt đời trong ngục tối.

Vị Quốc Vương già yếu nhường ngôi cho chàng rể út, chồng Công chúa Balna.

34.— TRUYỆN HAI ANH EM VÀ CON GÀ MỒI

Ngày xưa hai vợ chồng nhà kia có hai đứa con trai. Vì quá nghèo khổ nên người chồng bàn với người vợ bỏ hai con không nuôi nữa. Người đàn bà bằng lòng cho hai con một thỏi (1) bạc, bảo đi kiếm nghề lập thân.

Hai đứa vâng lời bái biệt mẹ, cha lên đường. Lúc đói bụng thằng lớn dắt em vào nhà dân chúng xin ăn. Chúng nó quì trước cửa, kể hết nguồn cơn khiến ai cũng động lòng cho chúng cơm, thịt.

Nhiều ngày trôi qua, chúng nó đến một vùng nọ, nghe thiên hạ sửa soạn đánh bẫy gà rừng. Chúng nó hỏi một thôn dân :

— Thưa ông, ở đây có ai bán gà mồi không?

Người ấy đáp :

— Có ông Mã Lai ở đầu xóm chuyên môn bán gà mồi.

Chúng nó cám ơn tìm vào nhà hỏi mua.

---

(1) Thỏi bạc là lối tính tiền ngày xưa, 25 thỏi là một nén cân 383gr48.

Người bán gà nói:

— Một con gà thường giá 1 thỏi bạc, gà mồi giá một đồng. (1)

Thằng lớn móc tiền ra:

— Tôi chỉ có một thỏi bạc làm sao đủ mua con gà mồi, lại còn phải để dành tiền nuôi em.

Người Mã Lai nói:

— Ta bằng lòng bán cho hai cháu một thỏi bạc và cho cơm, gạo đem theo ăn dọc đường.

Chúng nó coi gà ưng chịu và xin ngủ nhờ một đêm.

(1) Một thỏi bạc trị giá 4/5 của một đồng.

Sáng ra chúng nó ôm gà mang gói cơm lên đường. Trưa lại chúng nó vào rừng nằm nghỉ dưới gốc cây.

*

Lúc ấy thần Indra ở trên trời vụt cảm thấy xốn xang trong lòng bèn nghĩ thầm:

« Chắc có việc gì xảy ra ở trần gian đấy! »

Ngài vén mây nhìn xuống thấy hai đứa trẻ liền nói rằng:

« Ta phải giúp hai đứa này. Đức hạnh chúng nó rất tốt ».

Ngài đằng vân xuống trần, đào 2 cái giếng giống in nhau, trên một cái, Ngài ghi hàng chữ:

« Nếu mày xuống giếng này, thân thể mày sẽ tiêu tan ».

Còn cái kia, Ngài ghi:

« Nếu người kia bị tiêu mất xác mà nhờ người khác lấy nước giếng này đổ vào sẽ được sống lại ».

Viết xong, Thần Indra bay về trời.

Khi hai anh em thức dậy, thấy 2 cái giếng bèn bỏ gà mồi xuống cái thứ nhất. Gà biến mất. Thằng anh múc nước giếng thứ nhì đổ qua, gà sống lại và có vẻ đẹp hơn trước.

Đứa em bảo anh nó xuống thử và cũng bị mất xác, kế nhờ nước giếng thứ nhì thì sống lại,

đẹp khỏe, cao lớn hơn. Thằng anh bảo em xuống cũng được thay hình đổi dạng tốt như anh.

Hai anh em ôm gà đi. Ngày tháng trôi qua, thằng anh được 20 tuổi, đứa em 15 tuổi. Ngày nọ, đến một khu rừng chúng nó thử gà mồi xem thế nào? Thằng lớn làm một cái vòng mây, cột gà dưới gốc cây, dắt em vào bụi ngồi đợi.

Gà đập cánh ba lần, cất tiếng gáy.

Nghe gà gáy lần thứ nhất, cô gái con ông Phủ đang ở nhà vụt thấy nóng nảy trong lòng không thể ngồi yên.

Gà gáy lần thứ hai, cô gái lấy cà om (bầu đựng nước) đi ra ngoài đến gần bờ ao.

Gà gáy lần thứ ba, cô gái lắng tai nghe rồi đi ngay lại phía gà, vướng chân vào bẫy.

Hai chàng trai tóm cô gái cột tay, dắt đi vào phủ, rao to lên:

— Có ai mua mồi của gà tôi bắt được không?

Một người trông thấy vội nói thầm:

— Con gái ông Phủ đây mà. Ta phải dắt vào dinh mới được.

Bèn gạt hai cậu ấy:

— Tôi không có tiền mua, hai cậu muốn bán được nhiều bạc, thì theo tôi đến trình ông Phủ sẽ được như nguyện, vì ông ấy giàu lắm.

Hai chàng bằng lòng, vào đến văn phòng, ông Phủ ngạc nhiên hỏi:

— Tại sao hai cậu bắt con gái tôi?

Thằng anh đáp:

— Cô gái này sa vào bẫy tôi, nhờ gà mồi tôi nhử được thì tôi bắt đi bán.

Ông Phủ hỏi:

— Hai cậu bán bao nhiêu?

— Nếu bắt được gà thì bán 1 hay 2 xâu (1) tiền điếu. Còn bắt được người phải bán mắc hơn. Xin ông cho 3 thẻ bạc.

Quan Phủ trả tiền, giữ cô gái. Hai anh em vái chào quan đem tiền mua thức ăn.

Một vị quan trong thành vào tâu vua. Nhà Vua lấy làm lạ cho gọi 2 gã vào hỏi rằng:

— Hai cậu quả có con gà mồi nhử bắt được người ta phải không?

Chúng nó tâu:

— Muôn tâu Bệ hạ, dạ phải.

Nhà Vua phán:

— Nếu gà hai cậu có thể bắt Hoàng Hậu ta sẽ nhường ngôi cho.

---

(1) 1 xâu tiền điếu có 600 đồng, 4 xâu vào một thỏi bạc, 25 thỏi là một nén.

Nhà Vua và Hoàng Hậu không hợp tánh nhau. Mấy năm rồi Hoàng Hậu ở trong cung riêng, không gần Vua, khiến vị Quốc Vương rất chán nản.

Hai chàng trai xin Vua cho người làm chứng rồi giương bẫy lên.

Gà mồi đập cánh 3 lần cất tiếng gáy.

Vách thành bể ra Hoàng Hậu chạy vào bẫy.

Hai cậu bắt dẫn vào trình vua.

Vị Quốc Vương thấy cớ sự rất thích được con gà kỳ dị, bèn đổi cả vợ, cả ngai vàng cho hai anh em, bắt gà đi vào rừng.

*

Nhà Vua ôm gà đi ngày đêm, chịu đói khát đến một khu rừng kia thì mệt đuối bèn mở gà, giương bẫy lên.

Gà mồi không gáy lại vùi mình trong cát.

Vài phút sau, một con voi chúa đến đâm gà bằng hai chiếc ngà như muốn chôn luôn con gà nhỏ bé. Đâm xong voi bỏ chạy mất.

Nhà Vua nguyền rủa rùm trời:

— Con voi thổ tả đâm chết con gà yêu quí mà ta đổi cả một giang sơn!

Nhà Vua đến tìm xác gà, thì thấy gà vẫn còn sống, mà voi lại bỏ hai chiếc ngà. Vua ôm gà, kéo ngà về bụi. Mệt quá vì đói Vua nằm xuống cỏ, bất tỉnh.

Giữa lúc ấy, trong hai ngà voi có hai nàng tiên chui ra nấu cơm, dọn sẵn rồi chui vào như cũ.

Khi nhà Vua tỉnh dậy thấy thức ăn bèn dùng hết, mang ngà đi giấu rồi ôm gà đi nữa.

Qua một khu rừng khác. Vua đói quá lại giương bẫy lên.

Gà mồi vẫn không chịu gáy, chỉ vùi mình trong cát.

Vài phút sau, U Tây chúa chạy đến đâm gà bằng chiếc sừng to kếch.

Nhà Vua chửi con vật, chạy đến xem thì thấy gà không chết mà chiếc sừng còn ở đấy. Vua lấy sừng gối đầu ngủ.

Lúc ấy, nàng Tiên ở trong sừng U Tây chui ra dọn cơm rồi chui vào.

Nhà Vua thức dậy ăn xong lại đi nữa.

Lần thứ ba Vua vừa giương bẫy thì thành quách đền đài hiện lên!

Nhà Vua đi vòng quanh đô thị rồi tức vị đăng quang.

Ba nàng Tiên ở trong ngà voi và sừng U Tây hiện đến chầu. Hai nàng trong ngà ngồi hai bên, Nàng trong sừng U Tây ngồi giữa.

Vị Quốc Vương hưởng thọ được 100 tuổi, đặt tên nước là Puri Pussâ. Sau khi Vua thăng hà, 3 nàng Tiên trở về Trời.

35.— DŨNG SĨ BÀ LA-MÔN

Thuở Quốc-Vương Cudraka trị vì xứ Cobhâvati, quân lực cường thịnh vô cùng. Nhà Vua thường cử binh sang các nước láng diềng đánh dẹp, bắt vô số đàn bà về làm hầu thiếp.

Một hôm, có người võ sĩ Bà-la-môn tên Viravana ở lãnh-thổ Mâlava đến xin vào hầu Nhà Vua. Gia-quyến của người có ba người : vợ tên Dharmavati, con trai tên Sattvavara và con gái tên Viravati ; người theo hầu hạ cũng 3 người. Võ sĩ cầm một cây gươm dài, 1 cái khiên bằng da thật đẹp, lưng dắt dao găm. Với bao nhiêu người như thế, Viravana xin Nhà Vua cấp cho ông mỗi ngày 500 đồng tiền vàng.

Quốc-Vương Cudraka ngắm dáng vóc của võ sĩ, có ý tin nơi tánh can đảm của người. Ngài nhận lời, nhưng không khỏi ngạc-nhiên, tự hỏi thầm : « Chỉ có bấy nhiêu người như thế, tại sao hắn đòi đến 500 đồng vàng mỗi ngày ? ». Ngài mật cho người theo dõi hành động của Viravana để xem ông ta dùng tiền làm gì ?

Ban mật vụ dò xét một thời gian về tâu

rằng : « Buổi sáng, Viravana vào triều lãnh phận sự. Ông ta cầm gươm đứng canh cửa Triều đến trưa rồi trở về nhà đưa 100 đồng vàng cho vợ mua thức ăn trong ngày. Ông lấy 100 đồng mua quần áo, trầu và các món cần dùng ; ông để 100 đồng trong tủ đền thờ Thần Vishnu và Çiva, còn 200 đồng ông phân phát cho các vị tu sĩ thật nghèo. Ngày nào ông cũng chi tiêu 500 đồng như thế. Dùng cơm xong, ông mang gươm đến ngọ môn đứng canh gác một mình suốt đêm ».

Quốc Vương thuật chuyện Dũng sĩ đã làm trong đêm qua, giữa Triều đình

Nhà Vua nghe xong, rất bằng lòng, không cho người theo dõi nữa và có ý trọng đãi võ sĩ như một vị anh hùng đáng quí.

Sau ba tháng hè nắng gắt, trời đổ mưa như thác. Sét đánh ầm ầm, chớp giăng sáng chói, gió bão thổi quần quật, nhưng võ sĩ Viravana vẫn đứng im lìm canh gác ngày đêm như pho tượng đá. Ban ngày, Nhà Vua thấy võ sĩ trên sân thượng Hoàng thành, ban đêm, Ngài muốn xem người anh hùng kia có đứng dưới cơn mưa bão chăng, bèn lên lầu quát hỏi :

— Kìa ! Ai đứng trước Ngọ môn đấy ?

Viravana đáp :

— Tâu Bệ Hạ, kẻ hạ thần là Viravana.

Nhà Vua nghĩ thầm :

« Viravana quả là 1 trang dũng sĩ rất trung-thành, ta nên gia phong tước lộc cho hắn ».

Đêm sau, trời nổi cơn giông dữ dội, mưa tuôn sầm sập. Nhà Vua thử xem Viravana có canh gác như thường chăng, bèn lên sân thượng quát hỏi :

— Ai đứng trước Ngọ môn đấy ?

Viravana đáp :

— Tâu Bệ hạ, kẻ hạ thần là Viravana.

Nhà Vua rất cảm động trước sự phục dịch

tận tậm như thế, thình lình Ngài nghe tiếng 1 người đàn bà kêu khóc vang dậy. Tiếng khóc vang từ phía xa có vẻ thất vọng, đau đớn không cùng. Nhà Vua ngạc nhiên hỏi thầm :

« Nước ta cường thạnh, dân ta no ấm, yên vui, tại sao có người khổ sở như thế ấy ? »

Ngài liền gọi Viravana :

— Dũng sĩ có nghe tiếng khóc chăng ? Hãy đến xem tại sao người đàn bà ấy kêu la như vậy ?

Viravana vâng lịnh, rút dao găm cầm tay, 1 tay cầm lưỡi dao dài hăng hái đội mưa đi thẳng.

Vị Quốc vương động tánh tò mò cũng vội vã xuất cung, cầm gươm lẳng lặng đi theo, không cho Viravana biết.

Chàng võ sĩ ra khỏi thành đến bờ hồ thấy một thiếu-phụ ngồi khóc than :

— Hỡi chàng anh dũng và hào hiệp, mất chàng, thiếp biết sống với ai ?

Viravana lấy làm lạ hỏi :

— Bà là ai ? Tại sao bà khóc ?

Thiếu phụ đáp :

— Này Viravana, ta là Thần Đất. Quốc vương Cudraka là chồng ta. Ba ngày nữa chồng ta sẽ

chết, ta biết trước nên ta than thở số phận của Ngươi và của ta. Sau này trên đời không thế nào có 1 vị Thánh Vương như thế.

Viravana hốt hoảng hỏi rằng :

— Bạch Nữ Thần có cách gì cứu nhà Vua chăng ?

Nữ thần đáp :

— Chỉ có 1 cách và chỉ có nhà ngươi mới cứu được mà thôi.

Viravana sốt sắng hỏi :

— Nếu quả vậy, xin Nữ Thần cho tôi biết ngay để tôi thi hành, vì ngoài ra việc này tôi còn biết dùng thân tôi làm điều gì nữa ?

Nữ Thần nói :

— Ta biết lòng nhà ngươi đối với chủ nên ta chỉ cho ngươi một phương-pháp. Này, ở cuối hoàng thành, Nhà Vua có cất một ngôi đền thờ Nữ thần Durgâ, là vị tối đại linh thần và Thần Vinh Quang. Nếu nhà ngươi giết đứa con trai Sattvavara để cúng Nữ Thần thì Nhà Vua khỏi chết, và sống đến 100 tuổi. Nhà ngươi phải làm ngay bây giờ mới mong cứu được, bằng không trong ba ngày nữa Nhà Vua sẽ băng hà.

Võ sĩ Viravana cúi đầu :

— Bạch Nữ thần, tôi xin thực hành tức khắc.

Nữ thần vui vẻ nói : « Chúc Nhà ngươi thành công. » Rồi biến mất.

Quốc-Vương Cudraka rình nghe hết câu chuyện. Ngài thấy Viravana hấp tấp về nhà, liền lẳng lặng theo sau.

Viravana đánh thức vợ, thuật chuyện vừa qua và khuyên vợ thuận cho con trai chết thay Nhà Vua.

Bà Dharmavati lẳng lặng nghe chồng nói xong, gật đầu mà rằng :

— Lang quân nghĩ thế rất phải, chúng ta cần giữ gìn tánh mạng Nhà Vua hơn là của chúng ta. Lang quân hãy gọi con dậy cho nó biết ý định này.

Võ sĩ Viravana gọi Sattvavara kể chuyện gặp bà Thần Đất và kết-luận : « Con nên hy-sinh chết thay Nhà Vua, nếu không, Ngài sẽ chết trong ba ngày nữa ».

Thằng bé thẳng thắn trả lời :

— Nếu sự sống của con có liên-hệ đến Quốc-Vương thì đấy là mục-đích của đời con. Đây là một dịp tốt cho con trả nợ áo cơm cho Người. Cha hãy dắt con đến đền thờ Nữ thần Vinh-

Quang để con chết dưới chân thần tượng. Con cầu xin Đức Vua hưởng hạnh-phúc muôn đời.

Viravana reo lên :

— Hay lắm ! Con mới thật là con của cha.

Nhà Vua nấp ngoài vách gật gù khen thầm : « Quả thật là một gia-đình can đảm ».

Võ sĩ dắt con trai, bà vợ bồng con gái đi ngay tới đền thờ. Nhà Vua lén đi theo phía sau.

Bé Sattvavara ngang nhiên đứng trước tượng Nữ Thần van vái rằng :

— Xin Nữ Thần giúp Đức Vua Cudraka sống lâu trăm tuổi, cai trị Ngôi Trời, muôn dân thạnh trị. Tôi xin dâng đầu tôi lên Nữ Thần.

Võ sĩ rút gươm, ngỏ lời khen con và chém thẳng 1 nhát đứt đầu. Ông dâng đầu con trước vị Nữ Thần vái rằng :

— Cầu xin sự hy-sinh của con tôi để Nhà Vua sống đời đời.

Liền khi ấy, trên không có tiếng nói : « Đáng khen thay ! Viravana. Không ai trung thành với chủ như nhà ngươi dám giết con để cầu Nhà Vua sống. »

Quốc Vương Cudraka rình ngoài cửa nghe và thấy tất cả tấn kịch.

Đứa con gái của võ sĩ tên Virarati ôm đầu anh kêu khóc đến tắt thở chết luôn. Bà vợ võ sĩ thấy vậy nói với chồng :

— Hiện giờ hạnh phúc của Nhà Vua đã được bền vững, thiếp có lời thưa với lang quân : con gái chúng ta đã chết vì quá thương anh nó, hai con đã chết rồi thiếp sống làm gì nữa ? Thiếp tiếc rằng tại sao thiếp không hy sinh cứu Nhà Vua, giờ thì lang quân cho phép thiếp tự thiêu mình theo hai con.

Viravana nói :

— Hay lắm ! Hỡi người vợ đáng kính của ta, nàng cứ làm theo ý muốn. Còn gì sung sướng cho bằng khi nàng sống với hai con bên kia thế giới ? Nàng sẽ không hối hận gì cả. Còn ta, tại sao ta không hy sinh tấm thân hèn mọn này thay thế vợ con ta ? Thôi, nàng hãy chờ ta kiếm củi thiêu xác nàng và hai con.

Võ sĩ lấy củi, chất 1 giàn thiêu xác, để thi hài hai con vào châm lửa.

Bà Dharmavati quì xuống chân chồng và cầu nguyện với Nữ thần :

« Cầu xin Nữ thần phù hộ chồng tôi luôn luôn là chồng tôi, dù người ở thế giới khác và xin Nữ thần chứng nhận sự hy sinh này để Nhà Vua được sống muôn đời ».

Đoạn, bà lao mình vào đống lửa.

Võ sĩ Viravana than rằng :

— Ta đã giúp Nhà Vua được bình yên, Nữ thần đã chứng giám sự hy-sinh của con ta. Ta đã trả được món nợ cơm áo thọ lãnh của Ngài. Bây giờ, ta không còn ai thân thích, ta sống làm gì nữa? Ta đã hy sinh tất cả người thân yêu nhất của ta, thì không còn lý do gì ta phải sống cô độc. Tại sao ta không hy sinh luôn cả thân ta..

Ông đứng trước tượng Nữ thần vái rằng :

— Vạn hạnh Nữ thần đã giết Chằn Mahisha, vạn hạnh vị Nữ thần cầm cây chỉa ba ! Vạn hạnh vị Nữ thần đã gìn giữ ba thế giới ! Vạn hạnh vị Nữ thần giữ ánh sáng mặt trời phá tan màn đêm nguy hiểm. Cầu xin Nữ thần phò hộ Đức Vua Cudraka, khi nhận sự hy sinh của tôi.

Vái xong, ông cầm gươm cắt tiện đầu mình. Nhà Vua chứng kiến câu chuyện, nghĩ thầm rằng :

« Dũng sĩ và cả gia-quyến đã làm 1 việc phi thường giúp ta. Thật là thế gian hi hữu, chưa bao giờ có xảy ra trong lịch sử loài người. Ta tin rằng cả bầu trời này chưa có ai hy sinh thân mình và gia quyến cho chủ họ một cách âm thầm như vậy. Đối với người này ta chỉ có thể trả ơn bằng cả giang san nhỏ nhoi của ta. Tại

sao ta còn ham sống sung sướng 1 mình như con vật ? ».

Nhà Vua rời chỗ nấp, rút gươm tiến tới trước Thần tượng vái rằng : « Cầu xin Nữ thần nhận đầu tôi làm lễ vật và hồi sinh cho gia đình dũng sĩ Viravana ».

Nhà Vua quơ gươm định cắt đầu mình, thình lình nghe tiếng nói :

« Ngừng tay lại ! Ta rất bằng lòng sự can đảm của Hiền Vương. Ta ban phép cho Viravana và gia-quyến sống lại ».

Ngay khi ấy, bốn người chết vụt hồi sinh.

Nhà Vua cảm động đến lệ rơi, vội núp trốn như cũ.

Võ sĩ ngạc nhiên thấy mình không chết, cả vợ, con cũng sống lại thì mừng rỡ khôn cùng. Ông cho rằng sự hy sinh của mình làm cảm động đến Thần linh. Ông bảo vợ, con lạy tạ Nữ thần rồi dắt nhau về nhà. Riêng ông, đến Ngọ môn đứng canh như cũ.

Nhà Vua về cung, lên lầu giả vờ quát :

— Ai đứng trước cửa Triều đấy ?

Võ sĩ đáp :

— Tâu Bệ hạ, kẻ hạ thần là Viravana vừa vâng lịnh Bệ hạ xem người nào khóc kể ngoài bờ hồ.

Hạ thần vừa tới gần thì người đó biến mất. Có lẽ nó là quỉ Rakshasi !

Nhà Vua thầm phục vị dũng sĩ, nghĩ thầm rằng : « Quả là 1 tâm hồn cao thượng, lòng rộng như đại dương, đã làm 1 nghĩa cử phi thường như thế mà không kể công. »

Hôm sau, giữa Triều, Nhà Vua vui vẻ thuật chuyện vừa qua cho bá quan nghe trước mặt Viravana. Mọi người đều sửng sốt và kính phục chàng dũng sĩ vô cùng.

Nhà Vua thưởng Viravana lãnh thổ Chata và Karnâta, phong cho làm vua như Ngài. Cả hai giúp đỡ lẫn nhau trong việc trị nước đến ngày trăm tuổi.

36.— SỰ TÍCH LƯỠI TẦM SÉT

Vào thời đại Hoàng Kim, có một con quỉ tên Ra-ma-sua (Ramasur) và một nàng tiên tên Mét-kha-la (Mekhala) cùng học phép thần thông với một vị Tiên trưởng. Cả hai tranh nhau luyện tập để làm vừa lòng thầy và kết quả hai người đều tinh thông pháp thuật. Vị Tiên Trưởng đều thương hai trò đều nhau. Khi truyền hết sở nguyện bình sinh rồi, ông muốn thử xem đứa nào tài giỏi nhất, mới nói rằng :

— Ta cho 2 con mỗi đứa một cái chén ngọc này, đứa nào đem đến ta một chén đầy hột sương, ta sẽ biến nó thành một viên ngọc quý tên Manohara. Kẻ nào được nó thì muốn gì được nấy.

Quỉ Ramasur cầm chén hứng sương đọng trên các lá cây, ngọn cỏ. Quỉ chạy khắp rừng mỗi buổi sáng, nhưng không có kết quả bao nhiêu.

Nàng tiên Mekhala, khôn ngoan hơn, lựa một lỗi cây thật mềm và sốp đem hút các

giọt sương đến khi cây hoàn toàn ướt sương. Nàng vắt sương vào chén, không bao lâu được đầy. Ấy là nàng chứng tỏ nhanh tri khôn hơn bạn đồng học.

Vị tiên trưởng biến chén sương thành viên ngọc trao cho nàng và dặn rằng :

— Ngọc này có nhiều phép lạ, nếu con ước muốn điều gì, hãy đưa ngọc lên cao xoay tròn, tức thì con sẽ được toại nguyện. Con có thể nhờ ngọc tung mình bay trên không đi khắp nơi rất mau chóng.

Tiên nữ Mekhala cầm viên ngọc phép bay về biển cả

Nàng tiên Mekhala cầm viên ngọc, bái biệt thầy, đoạn đưa lên xoay. Phép lạ hiện ngay : nàng cất mình bay thẳng về biển cả (1).

Khi quỉ Ramasur kiếm đầy chén sương về dâng thầy thì vị tiên trưởng nói :

— Con về trễ quá, ta đã biến viên ngọc cho Mekhala rồi. Tiếc thay ta không thể hóa một viên ngọc thứ hai để tặng con.

Quỉ Ramasur nghe thầy dạy, đau lòng không thể tả. Quỉ oà lên khóc. Vị tiên trưởng dỗ dành :

— Thôi con hãy bớt buồn, để thầy cho con một cái búa. Con có thể dùng búa này đấu với Mekhala dành lấy viên ngọc. Bạn con thường hay xuất hiện khi trời mưa để bay lên mây tắm. Con hãy chờ dịp ấy phóng búa lên, nhưng con nên nhớ kỹ khi nào thấy nó đưa viên ngọc xoay trên đầu thì con phải nhắm mắt lại rồi sẽ tung khí giới.

Quỉ Ramasur lạy thầy xuống núi tìm Mekhala. Quỉ đi đến bờ biển ngồi chờ trời mưa, quả nhiên thấy Mekhala ở dưới nước bay vọt lên.

Nàng tiên gặp bạn cũ thì đoán biết ngay

(1) Theo thần thoại Cao-Miên, Tiên nử vốn là Rắn 7 đầu ở dưới biển.

quỉ muốn hại mình, bèn đưa viên ngọc khỏi đầu bay vút lên mây.

Thoạt nhìn viên ngọc, quỉ Ramasur lật đật nhắm mắt lại, quăng búa đánh nàng tiên. Lưỡi búa thần loé lên trên không một lần sáng, nổ vang dậy, nhưng không trúng đích. Trận chiến không có kết quả vẫn kéo dài...

Đến ngày nay, khi trời mưa, người Miên thấy loé lên một lần chớp và nghe một tiếng nổ chát tai thì cho đấy là quỉ Ramasur đánh nàng tiên Mekhala. Người nào bắt được những miếng đá hình lưỡi búa, lưỡi cuốc, lưỡi dao ngay chỗ sét nổ thì cho rằng búa thần của Ramasur rơi xuống đất.

37.— SỰ TÍCH NĂM THẦN ĐIỂU

Hồi mới khai thiên lập địa, có năm chim thần là: Ngỗng Hangsa, Chim mình người Garuda, Két, Quạ và Chim Mèo. Năm Thần Điểu này là chúa tất cả loài chim vào thời ấy; chim Thần nào cũng oai vệ và anh hùng như nhau. Vì thế, không chim nào chịu nghe lời chim nào, không chịu che chở lẫn nhau dù có thú dữ hiếp đáp cũng vậy.

Một hôm, nhiều chim lớn tuổi họp nhau trên cây « Nosilea » bàn rằng:

— Chúng ta cần phải chọn một Thần Điểu can đảm có thể là một ông vua đáng kính trọng biết phân biệt điều phải lẽ quấy, hầu bảo đảm sự an ninh cho chúng ta.

Một chim già nói:

— Vậy, chúng ta phải gọi hết loài chim và chọn năm chim có đủ điều kiện thay mặt chúng ta, rồi chúng ta sẽ chọn một trong năm vị ấy. Đó là ông vua của loài chim.

Các loài chim đồng ý bay đi mời tất cả tựu đến cây « Nosilea ». Chim già tuyên bố:

— Chúng ta đều đồng ý chọn Ngỗng Hangsa, Chim mình người Garuda, Két, Quạ, và Chim Mèo làm Đại diện. Trong năm vị này chúng ta chọn vị nào làm vua ?

Một chim Mèo già nói :

— Chỉ nên tôn chim Mèo làm vua loài chim vì chim Mèo can đảm nhất, có đôi mắt to và đẹp nhất. Chim Mèo có thể phân biệt điều phải lẽ quấy bất cứ lúc nào. Ngoài ra chim Mèo còn có một giọng hót du dương và tánh rất gan dạ.

Chim thần Garuda tuyên bố Ngỗng Hangsa là Chúa loài chim

Bầy chim hưởng ứng theo, hoan hô ầm ĩ :

— Đúng lắm ! Phải lắm !

Quạ đen cũng muốn được làm vua, bèn quát to lên rằng :

— Chim Mèo có bộ mặt hết sức là ghê tởm. Theo những lời tiên tri rút trong sách xưa thì : « Một bộ mặt không hấp dẫn mọi người dù không có gì để nổi giận, cũng sẽ nổi giận chắc chắn ». Vì lẽ ấy không có chim nào dám thương chim Mèo, chúng ta không thể tôn hắn làm Vua.

Bầy chim ngả theo lời Quạ và tôn Quạ lên :

— Đúng lắm ! Phải lắm ! Chim Mèo không thể làm vua vì đôi mắt xấu quá !

Một Kên Kên già nói :

— Theo cổ tục của chúng ta thì kẻ nào có thể trưng bày giữa mọi người những điều hay, tài ba của mình thì phải được tôn lên một địa vị cao quý. Vì thế, chúng ta phải bầu ông Quạ làm vua vì ông Quạ rất can đảm và đủ tài điều khiển chúng ta.

Bầy chim bàn tán xôn xao :

— Những lời của Kên Kên thật xác đáng, chúng ta nên bầu ông Quạ lên ngôi.

Chim Mèo không bằng lòng mới phân trần với nhóm chim đã ủng hộ mình như vầy :

— Những điều Kên Kên nói chỉ đáng theo luật lệ thời xưa mà thôi. Ở đây, Quạ không có đủ điều kiện hợp pháp bởi vì có một đoạn sách nói rằng Quạ là kẻ xuất thân hèn hạ và là giống đặc biệt đáng khinh và tồi tàn. Quạ là một con chim đã nói láo và phản phúc. Nhà cầm quyền địa phương đã xử thiêu sống Quạ nhưng hắn thoát thân được vì thế mà lông hắn đen và dơ dáy. Làm sao một kẻ có nhiều điều xấu xa như vậy mà có thể trở thành một tay quan trọng được?

Bầy chim bàn tán xôn xao:

— Lời chim Mèo đúng lắm. Không bao giờ các cụ chọn một kẻ hạ tiện đặt lên địa vị cao quý. Chúng ta phải chọn một chim khác!

Quạ nghe nói, nhảy dựng lên vì tức giận:

— Hỡi anh em nhà quạ ơi! Ta bị thất bại vì con chim Mèo thổ tả có bộ mặt xác chết, bộ mặt ma nhát người đây!

Chim Mèo bị Quạ nói mặt xác chết, mặt ma thì nhảy dựng lên:

— Bớ anh em chim Mèo ơi! Ta bị thất bại vì tên Quạ dơ dáy, tên hèn hạ đầy tội lỗi đáng thiêu sống đây!

Hai loài chim nhất tề xông vào nhau cấu xé. Các giống chim khác vội đuổi chúng ra

ngoài xáp trận. Từ đấy đến ngày nay lúc nào Quạ cũng còn thù chim Mèo.

Phiên họp tiếp tục. Một chim già tuyên bố :

— Chúng ta nên tôn chim mình người Garuda làm vua vì ông ta mạnh nhất.

Két ngắt lời :

— Quả thật là chim mình người Garuda mạnh nhất, nhưng ông ấy không được thông minh cho lắm. Chỉ có Ngỗng Hangsa mới đáng vì ông Ngỗng có đầy đủ đức tánh : thông minh, hạnh kiểm tốt, tài cán và can đảm. Ông Ngỗng đáng làm vua của loài chim.

Bầy chim, luôn cả chim mình người Garuda chấp nhận đề nghị của Két :

— Đúng như vậy ! Đúng nhà Vua của chúng ta.

Bèn tôn Ngỗng Hangsa lên ngôi vua đến bây giờ.

38.— CÁI CỐI ĐÁ THẦN

Ngày xưa, có một nhóm người ở vùng đất cao dời nhà xuống đồng bằng làm ruộng. Trong nhóm người này có hai anh em ruột làm ăn rất khá. Hai người đều có gia đình nhưng vẫn ở chung một nhà. Người anh quỷ quyệt, tham lam giành phần gần hết gia tài. Đứa em tánh tình thuần hậu, không tranh giành với anh mà cũng không than phiền một tiếng. Được thế, người anh càng làm già, giở trò lường gạt đến hàng xóm. Đứa em chán nản bảo vợ dọn nhà ở riêng giao hết sản nghiệp, ruộng đất cho anh, rồi lên rừng đốn củi đổi gạo. Anh ta làm việc suốt ngày không nghỉ, thân thể héo hắt lần. Hàng xóm thương tình xúi anh ta đi kiện người anh chia gia tài nhưng anh ta không nghe.

Thường ngày đốn củi, anh ta vào nghỉ trong một ngôi miễu thờ Sơn Thần. Lần nào anh cũng quét dọn trong ngoài miễu thật tươm tất.

Một hôm, trời mưa lớn, anh vào miễu đụt, nằm ngủ quên, chợt thấy Sơn Thần hiện ra bảo rằng :

— Con hãy ra phía sau miễu, đi lên đỉnh núi thấy một tảng đá chắn ngang đường, con hãy vỗ vào đá nói : « Cửa hãy mở ra ! Cửa hãy mở ra ! » Khi cửa mở rồi con đi vào trong hang sẽ thấy bầy quỉ đói ở hai bên đường, con hãy cho chúng ăn bánh, chúng nó có cho vàng, bạc, thì đừng lấy, con nói ý con muốn xin cái cối xay bằng đá thần. Được cối rồi con muốn có vật gì cối sẽ xay ra cho ngay. Nhưng con nên nhớ đừng tham nhiều. Đủ thì bảo cối ngừng lại.

Anh thức dậy, lạy tạ thần tượng, đi ra sau miễu quả thấy có con đường lên đỉnh núi. Lần theo, anh thấy tảng đá nằm chắn ngang lối đi. Anh không vỗ vào đá gọi mở cửa vì không có đem bánh theo. Anh bèn trở về nhà bảo vợ làm bánh. Hôm sau anh gánh lên núi. Anh làm theo lời thần dặn và mọi việc đều xảy ra đúng như thế. Anh xin được cái cối đá, khệ nệ gánh về nhà, thuật chuyện cho vợ nghe.

Điều ước muốn đầu tiên của vợ chồng anh là xin cối đá cho một mâm cơm.

Cối liền xay một vòng, có ngay mâm cơm trên bàn.

Được món vật linh thiêng như thế, nhưng anh không tham lam đòi hỏi nhiều, không

xin vàng bạc, chỉ cần một ngôi nhà nhỏ lành lặn và dụng cụ để làm ruộng mà thôi. Ngày hai buổi anh và vợ vẫn quần quật ngoài đồng. Tuy vậy, nhờ cối đá thần vợ chồng anh sống dư dả, sung túc.

*

Người anh thấy em thình lình có nhà cửa, làm ăn thịnh vượng thì lấy làm lạ, mới lén rình xem. Hắn thấy đứa em xin cối đá xay cho mâm cơm, và xin một lưỡi hái, thì nẩy lòng tham. Hắn tính rằng nếu đem cối này ra giữa biển bảo xay ra muối đem về sẽ bán mắc hơn vàng! Hắn liền sắm chiếc ghe buồm thật lớn, thừa lúc vợ chồng đứa em cày ruộng, hắn lẻn vào nhà ăn cắp cái cối đem xuống ghe, giương buồm ra giữa biển.

Đến nơi hắn bảo cối xay ra muối nhiều vô số. Càng thấy nhiều hắn càng tham, cứ bảo cối xay hoài đến đầy ghe, chìm xuống đáy! Cái cối đá thần vẫn tiếp tục xay hoài nên muối thấm mặn cả biển đến ngày nay!

MỤC-LỤC

		Trang
	— *LỜI NÓI ĐẦU*	5
	I. TRUYỆN DỰA VÀO SỬ CAO-MIÊN	9
1.	Truyện Vua Sang-sêl-Chey	11
2.	Quốc-Vương Mono-Véan	21
3.	Ông Vua Cơm-cháy	27
4.	Sự-tích Quốc-Vương Yos-Ke và ngôi đền Banteay Ch'mar	36
5.	Sự-tích núi thuyền (Phom Sampâu)	43
6.	Sự-tích núi Đầu-Lâu.	50
7.	Sự-tích ông Vua Cùi	59
8.	Truyện con gà Thần trong cuộc xây cất Đế-Thiên, Đế-Thích	66
9.	Sự-tích thị trấn Battambang	84
10.	Ông Vua Dưa-Leo	90
11.	Sự-tích Bưng Tượm Lèn	93
12.	Ông Hoàng và cô thôn nữ	97
13.	Truyện nàng Công-Chúa bị Sấu gắp	107
14.	Một nàng Công-Chúa khó tánh	112
15.	Sự-tích núi đàn ông và núi đàn bà	116
16.	Sự-tích Angkor Wath và Wath-Nokor	120
17.	Phó-Tướng Kraham-Kâ và Phó-Tướng Yat	125
18.	Ao sọ người	131
19.	Sự-tích miếu bà Lục-Dầy	138
20.	Sự-tích núi Trái-Vãi	140
21.	Sự-tích miếu ông Tà-Lặt	143
22.	Truyện Thần Bò Prah Kô, Prah Keo	145
23.	Sự-tích 6 dấu chân Phật	148
24.	Sự-tích núi Néang KanRei	151
25.	Sự tích ông Phật đen và bà Tôn Khiêu	161
26.	Sự tích tượng Bà PrasâpLéak	166
27.	Tình nhân của vị Thần Trăng.	169
	II. TRUYỆN GỐC BÀ-LA-MÔN	173
28.	Ông Vua Đại-Đao	175
29.	Quốc-Vương Rama và Hoàng-Hậu Sita	184
30.	Vị Thần Kabinh Mahaprum	187
31.	Truyện Hoàng-Tử Préah Sang	195
32.	Công-Chúa tóc thơm	201
33.	Công-Chúa Balna	210
34.	Truyện hai anh em và con gà mồi	224
35.	Dũng-sĩ Bà-la-môn	231
36.	Sự tích lưỡi tầm sét	242
37.	Sự tích năm Thần điểu	246
38.	Cái cối đá Thần.	251

ĐỌC TIẾP :

LÊ HƯƠNG

truyện cổ Cao Miên

TẬP HAI

III

TRUYỆN GỐC PHẬT-GIÁO

IV

TRUYỆN DÂN GIAN

V

TRUYỆN CÁC LOÀI THÚ

TRUYỆN CỔ CAO-MIÊN

Tập một

của LÊ HƯƠNG

Do Nhà sách Khai - Trí, 62 Lê - Lợi Saigon
In tại nhà in riêng của nhà xuất bản

Nên tìm đọc

NGUYỄN VĂN NGỌC

Truyện cổ nước Nam, 2 quyển

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Chuyện đời xưa

HUỲNH TỊNH CỦA

Chuyện giải buồn

HOÀNG TRÚC LY

Truyện cổ Việt-Nam

TỐ NGUYỆT ĐÌNH

Truyện cổ tích

CỬU TẠ

Tiểu lâm Việt-Nam

NGUYỄN CHI LAN

Truyện cổ Miền Nam

PHÁP SIÊU

Truyện cổ Phật-Giáo

SƠN NAM

Truyện xưa tích cũ

QUỐC THẾ

Truyện cổ Đông phương

Truyện cổ Tây phương

Truyện cổ Trung-hoa

Truyện Thần Tiên

QUỐC CHÍNH

Truyện cổ Nhật-bản

Truyện cổ nước Lào

LÊ HƯƠNG

Truyện cổ Cao-miên

Truyện tích Miền Nam

và

Truyện nhi đồng quốc-tế

Truyện trẻ em

Truyện cổ Ấn-độ

Truyện cổ nước Pháp

Truyện cổ nước Đức

Truyện cổ nước Anh

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ 62 Lê-Lợi, Saigon

GPKD số 3511 BTT/NBC/PHNT ngày 28-8-69

GIÁ [illegible]